

# THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Ass.Viet Nam Fraternité, 37 rue du Clos de l'Erable, 77400 Saint Thibault des Vignes, France

Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359

Adresse Web: <http://www.thongluan.org> □ Directeur de publication: Vũ Thiện Hân

Xã luận

## Ông Lê Khả Phiêu công du nước Pháp

Chuyến công du nước Pháp năm ngày của ông Lê Khả Phiêu có thể tóm lược một cách nhanh chóng: ông tới Pháp một cách kín đáo, được thị trưởng của một thị xã nhỏ ở ngoại ô Paris đón về dùng cơm trưa, sau đó tổng thống Pháp tiếp xã giao trong 45 phút và mời dùng cơm tối, được thủ tướng Jospin tiếp một cách lạnh nhạt trong 45 phút, đi thăm khu giải trí Futuroscope tại Poitiers, tham dự một cuộc hội thảo về kinh tế, nghe một bài diễn văn có tính giảng dạy của chủ tịch thượng viện Christian Poncelet, gặp gỡ trong vòng 15 phút với vài lãnh tụ hạng hai của một vài chính đảng, đi thăm trung tâm sản xuất máy bay ở Toulouse và ra đi. Không có một thỏa ước nào được ký kết, không một lời tuyên bố nào đáng ghi nhận. Đến không có nhân vật quan trọng nào đón tiếp, đi không nhân vật quan trọng nào tiễn đưa.

Ông Lê Khả Phiêu đã đến một cách âm thầm và ra đi trong sự lặng lẽ. Các cơ quan truyền thông đã hoàn toàn không để ý đến chuyến viếng thăm này. Không một hình ảnh trên truyền hình, không một lời trên radio, chỉ một ít dòng trên báo viết dành cho biến cố này, trong khi họ đã dành khá nhiều thời giờ cho những sự kiện rất lặt vặt. Đã chỉ có một bản lên tiếng lên án chính sách đàn áp tại Việt Nam của bốn tổ chức dân chủ Việt Nam và một bài báo theo cùng chiều hướng. Nói chung, chính giới và báo chí Pháp đã coi chuyến công du của ông Phiêu như không hề có.

Ông Lê Khả Phiêu đã đòi đến Pháp cho bằng được. Đã phải mất ba lần mặc cả giảng co chuyến công du mới thực hiện được. Ông cũng đã cố đòi để được

mời chính thức như nhân vật số một của Việt Nam và ông cũng đã mang theo một phái đoàn rất hùng hậu: phó thủ tướng thứ nhất Nguyễn Tấn Dũng, ngoại trưởng Nguyễn Di Niên, nhiều thứ trưởng, vụ trưởng và gần hai mươi tổng giám đốc công ty. Để rồi chỉ được tiếp đãi một cách rẻ rúng.

Một cách ngây thơ, ông Lê Khả Phiêu và Đảng Cộng Sản Việt Nam đã chỉ quan tâm đến cái vỏ mà không biết đến cái ruột. Họ đã chỉ đòi được tiếp đón mà không cần biết sẽ được tiếp đón như thế nào. Họ đã phạm phải một sai lầm có thể khiến một cán bộ thương mại bị sa thải: gặp khách hàng mà không có gì để nói, không có gì để bán và cũng không biết khách hàng nghĩ gì và muốn gì.

Cuối cùng, chuyến công du chính thức này cũng không khác gì chiến thắng 30-4 mà chế độ cộng sản vừa tổ chức kỷ niệm. Nó là một cuộc công du chính thức nhưng không đem lại lợi ích nào và vinh quang nào. Cũng như chiến thắng 30-4-1975 là một chiến thắng nhưng đã chỉ đem lại thất vọng, chán nản và nghèo khổ. Cả hai đều như nhau: đáng buồn.

Bài học thấm thía mà ông Phiêu và đảng cộng sản có thể rút ra từ chuyến công du này, cũng như từ nhiều tiếp xúc quốc tế khác, là ở thời đại này làm một nhà độc tài, hay người đứng đầu một chế độ độc tài, chẳng còn gì là oai hùng mà chỉ là ngớ ngẩn, kiếm nhả và quê mùa. Thực ra, ông Phiêu không cần phải là một nhân vật đầy quyền lực, đảng cộng sản cũng không cần phải có 99% số phiếu và số đại biểu quốc hội và ông cũng không cần phải được mời chính thức để được tiếp đón long trọng. Ông

có thể chỉ là một lãnh tụ của một đảng cầm quyền với một đa số tương đối, bị đối lập công kích hàng ngày và tới Pháp với tư cách riêng mà cũng sẽ được tiếp đón với tất cả sự ân cần và trọng nề nếu chính quyền của ông có sự chính đáng của một cuộc bầu cử lương thiện trong một nước Việt Nam dân chủ và phồn vinh.

Nhưng ngay cả với tình trạng bi đát hiện nay, chế độ cộng sản Việt Nam vẫn có một món hàng để bán và bán với giá cao: dân chủ. Pháp cũng như mọi nước phát triển đều sẵn sàng tận tình giúp đỡ Việt Nam trong cố gắng dân chủ hóa và giúp Việt Nam tiến lên phồn vinh để ổn vùng trong dân chủ. Họ sẵn sàng trả giá cao để chấm dứt một trong những chế độ độc tài cuối cùng, để làm sạch hơn và làm đẹp hơn một trái đất đang trở thành quê hương chung của cả nhân loại.

Mọi người Việt Nam, trong nước cũng như ngoài nước, đều bất bình trước viễn ảnh người cầm đầu một chế độ làm hại và làm xấu mặt cho dân tộc được tiếp đón long trọng. Sự long trọng đã không có, chúng ta có thể nhẹ nhõm. Chuyến công du này đã không củng cố địa vị của chế độ cộng sản Việt Nam trên thế giới, trái lại nó còn chứng tỏ sự xuống cấp. Nó cũng đã không làm tăng uy tín cá nhân của ông Lê Khả Phiêu, trái lại nó chỉ đã phơi bày sự tầm thường của ông. Nhưng chúng ta sẽ rất sai lầm nếu hân hoan thực sự vì dưới con mắt của thế giới sự thua kém và bị coi thường của Việt Nam hiện nay được bộc lộ qua chuyến công du này là điều hổ nhục chung của mọi người Việt.

Thông Luận

## Hồi giáo toàn nguyên gây biến loạn tại Phi Luật Tân

Ngày 23 tháng tư năm 2000, vụ bắt cóc 26 người làm con tin của tổ chức Hồi giáo Abu Sayyaf đã đưa ra trước ánh sáng những tranh chấp nội bộ do người Phi Luật Tân Hồi giáo chủ trương để đòi hỏi độc lập cho đảo Mindanao, phía nam Phi Luật Tân. Tương tự như cuộc đòi hỏi độc lập của Đông Timor đối với Indonesia.

Từ năm 1972, khi nhà độc tài Ferdinand Marcos ban hành lệnh giới nghiêm, những cuộc đụng độ giữa các lực lượng Hồi giáo và quân đội Phi Luật Tân, tính đến nay, đã làm 100000 người thương vong. Một thành tích đẫm máu mà thế giới và các cơ quan truyền thông không chú ý. Đó là một trong những lý do mà các tổ chức vô trang Hồi giáo quá khích đã tổ chức các vụ bắt cóc để đánh động dư luận quốc tế. Để có tiếng vang lớn, họ đã chọn những khách du lịch Tây phương.

Dân Phi Luật Tân Hồi giáo sống tại Mindanao và các đảo nhỏ như Basilan, Sulu, Tawi Tawi và Sipadan... đã có những cuộc tranh chấp bằng võ lực với quân đội Tây Ban Nha, khi Phi Luật Tân còn là thuộc địa, hoặc với Hoa Kỳ khi nước này mua lại Phi Luật Tân của Tây Ban Nha với giá là 20 triệu USD sau cuộc chiến tranh Hoa Kỳ-Tây Ban Nha vào năm 1898.

Hiện nay, tại Phi Luật Tân có ba lực lượng Hồi giáo vô trang với ba khuynh hướng khác nhau từ hợp tác, đòi độc lập và quá khích. Mặt trận Moro Giải phóng Quốc gia, một tổ chức vô trang lâu đời nhất, với lãnh tụ là Nur Misuari, có chủ trương ôn hòa. Năm 1976, một thỏa ước đã được ký kết với chính phủ Marcos, qua sự trung gian của Libya, ban hành một nền tự trị nói rộng cho 13 tỉnh của Mindanao, không cần qua một cuộc trưng cầu dân ý. Nhưng chính phủ trung ương đã tổ chức một cuộc trưng cầu dân ý. Kết quả là bốn tỉnh đa số Hồi giáo chấp nhận tự trị, chín tỉnh khác vẫn muốn giữ tình trạng cũ (tùy thuộc vào chính phủ trung ương). Trước kết quả không lấy gì làm thỏa mãn này, Nur Misuari đã chấp nhận trở thành tổng trấn vùng tự trị Hồi giáo tại Mindanao

và chủ tịch Hội đồng Hòa bình và Phát triển Nam Phi Luật Tân. Theo các điều khoản của thỏa hiệp được ký kết năm 1996, Hội đồng này có nhiệm vụ quản trị 13 tỉnh của Mindanao và chuẩn bị cho một nền tự trị nói rộng của Mindanao.

Mặt trận Moro Giải phóng Hồi giáo, với khuynh hướng đòi hỏi thành lập một Cộng hòa Ả Rập Hồi giáo độc lập, được hình thành vào năm 1978. Lãnh tụ là Hashim Salamat, vốn là phó chủ tịch của Mặt trận Moro Giải phóng Quốc gia, và là một lãnh tụ lịch sử bạn đồng hành của Nur Misuari. Hashim Salamat đã được đào tạo tại đại học Cairo của Cộng hòa Ả Rập Ai Cập (Egypt). Mặt trận Moro Giải phóng Hồi giáo được Oussama Ben Laden, một tỷ phú gốc Saudi Arabia, ủng hộ tài chính. Oussama Ben Laden là kẻ thù của Hoa Kỳ, vì đã ủng hộ các cuộc khủng bố tòa đại sứ Hoa Kỳ tại Kenya và Tanzania.

Vào đầu thập niên 90, các thanh niên Phi Luật Tân Hồi giáo được đào tạo tại các trường đại học của các nước Ả Rập, thấm nhuần những tư tưởng quá khích Hồi giáo toàn nguyên, đã thành lập nhóm Abu Sayyaf. Abu Sayyaf, nghĩa đen là người mang đoản kiếm, nghĩa bóng là người mang uy lực (của Thượng đế). Thủ lĩnh là Abubakar Abdurajak Janjalani, được đào tạo tại Libya, một quốc gia được thế giới biết đến qua chủ trương Ả rập và Hồi giáo quá khích của nhà độc tài Khadafi. Khi thủ lĩnh sáng lập mất năm 1997, người em là Khaddafy Janjalani lên thay.

So sánh với Đông Timor, chính phủ trung ương Phi Luật Tân đã có một chính sách cởi mở, dân chủ đối với dân gốc Hồi giáo hơn là chính sách đàn áp của nhà độc tài Suharto đối với dân Ky tô giáo tại Đông Timor. Chính phủ trung ương Phi Luật Tân đã tự nguyện tổ chức các cuộc trưng cầu dân ý tại Mindanao, không bị áp lực của Liên Hiệp Quốc và những đe dọa cắt giảm viện trợ hoặc tài chính của IMF hoặc World Bank như chính phủ Djakarta.

Nhưng dân Phi Luật Tân Hồi giáo có nhiều lý do để chống đối chính quyền

trung ương, ngoài những lý do của nhân sinh quan quá khích Hồi giáo toàn nguyên.

Lý do thứ nhất là chính quyền trung ương đã dùng một chính sách thực dân tâm ăn dâu để loại người Hồi giáo ra khỏi các ra các miền đất được xem là lãnh địa truyền thống của họ. Với chính sách di dân được hệ thống hóa vào thập niên 50 đem những người Phi Luật Tân Ky tô giáo đến Mindanao, những người Hồi giáo một mặt đã mất đất đai của ông cha để lại, mặt khác họ trở thành thiểu số tại Mindanao. Trước kia, dân Hồi giáo chiếm đa số tại Mindanao, hiện nay, trên 10 triệu dân, chỉ có 4 triệu dân là Hồi giáo. Một chính sách di dân giành đất mà chính phủ trung ương Phi Luật Tân đã thành công rực rỡ. Trong quá khứ các chính quyền thực dân Tây Ban Nha và chính quyền bảo hộ Hoa Kỳ đã thất bại ê chề trong chính sách di dân giành đất này đối với thổ dân Moro Hồi giáo.

Lý do thứ hai là chính quyền trung ương đã không áp dụng một cách nghiêm chỉnh các điều khoản của thỏa hiệp được ký kết năm 1996 với Mặt Trận Moro Giải Phóng Quốc Gia. Chỉ có khoảng 20% đến 25% các chương trình phát triển Mindanao của thỏa hiệp 1996 được áp dụng. Chính quyền trung ương chỉ trả lương cho các công chức hành sự tại Mindanao, các chương trình như xây dựng đường xá, các phương tiện giao thông, các cơ sở sản xuất, tài chính, ngân hàng, cần thiết cho sự phát triển đã bị bỏ quên.

Từ tâm lý bất mãn đó, dân Phi Luật Tân Hồi giáo đã trở thành những miếng mồi ngon của chủ trương toàn nguyên quá khích. Một giải pháp độc nhất kiến hiệu trong hoàn cảnh này là chủ trương hòa giải hòa hợp để đi đến dân chủ đa nguyên bằng đường lối bất bạo động. Điều kiện cần và đủ để thành công là hai bên không bỏ lỡ những cơ hội đối thoại. Khi không có đối thoại sẽ không có hòa giải và hiển nhiên sẽ không có hòa hợp, đó là một định luật bất biến không cần phải chứng minh.

**Huỳnh Hùng**

# Đất lành chim đậu

Bùi Tín

Dịp 30-4 vừa qua, cả ba đài truyền hình lớn của Pháp đều phỏng vấn tôi. Đài France3 ngày 14-4, France2 ngày 26-4 và đài TF1 (cùng LCI) vào trưa 1-5. Tại sao? Gérard Morin, phụ trách buổi *Les quatre vérités* cho rằng "vì giới báo chí Pháp coi ông là đồng nghiệp có ý định và có khả năng nói lên sự thật. Vấn đề Việt Nam khá phức tạp, rối rắm. Một bên là luận điệu tô vẽ của chế độ, một bên là những phỉ báng hằn học của những người chống cộng, cần có chỗ cho sự thật trong sáng và lương thiện (*serein et honnête*)".

Tôi đã nói rõ cho người Pháp biết một điều: cuộc chiến tranh ở Việt Nam khởi đầu là cuộc chiến đấu dành độc lập đã bị các cường quốc nước ngoài và các học thuyết ngoại lai thúc đẩy thành một kiểu xung đột quốc tế, một cuộc chiến tranh thế giới hạn chế về địa lý. Trong cuộc chiến tranh ấy, người dân Việt Nam trên thực tế đã mất quyền độc lập. Số người chết và bị thương tật lên đến trên dưới ba triệu người do bom đạn Pháp Mỹ, nhưng phần lớn lại do người Việt giết nhau, giết nhau một cách hăng say, mù quáng và đại dột vì để các cường quốc nước ngoài và các chủ thuyết xa lạ thúc ép. Hai mươi lăm năm sau khi chiến tranh chấm dứt, bình tĩnh nhìn lại và suy ngẫm thì không có điều gì để mà vui vẻ, để mà kiêu hãnh.

Đây cũng là quan điểm được chia sẻ sâu sắc với anh chị em trong Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên, trong Liên Minh Dân Chủ Việt Nam, trong Phong Trào Thống Nhất Dân Tộc và Xây Dựng Dân chủ...

Chất kết dính các tổ chức trên đây là những quan điểm chính trị cơ bản, đã đạt được nhất trí sâu sắc.

Trước hết là chủ trương đấu tranh bằng những phương pháp ôn hòa, không bạo lực. Không phải vì nhát hay hèn, mà vì bạo lực không hợp lòng dân, không hợp xu thế thời đại. Còn vì đấu tranh ôn hòa, không bạo lực vẫn có khả năng giành thắng lợi; nó cũng đòi hỏi nghị lực lớn, sự dấn thân, tinh thần tiến công và trí tuệ sáng tạo. Ôn hòa, không bạo lực hoàn toàn xa lạ với cầu an, thủ tiêu đấu tranh, xu thời, bị động. Ở Ấn độ, có

những đợt đấu tranh không bạo động thu hút hàng triệu người trong hàng tháng, tuần hành hàng trăm cây số với hàng vạn biểu ngữ, quần chúng hô khẩu hiệu như sấm động. Cũng có khi hàng vạn người ngồi im lặng, tuyệt thực mấy ngày liền...

Hai là công khai chủ trương hòa giải và hòa hợp dân tộc. Đây là một chủ trương đúng đắn cần thiết, được nhất trí cao và sâu sắc sau khi tranh luận cởi mở, đôi khi quyết liệt. Ngày 30-4 vừa qua, tôi có dịp nói với công luận nước Pháp rằng, 25 năm trước, Đảng Cộng sản Việt Nam đã bỏ qua một dịp hiếm có để hòa giải và hòa hợp dân tộc thực sự sau một cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn. Họ đã nuốt chửng lời hứa khi chiến tranh sắp kết thúc, ngược lại, họ đã thực hiện trên thực tế chính sách tước đoạt, phân biệt đối xử, bỏ tù hàng loạt đối với miền Nam (mà họ gọi là ngụy quyền, ngụy quân, dân ngụy...) làm cho các vết thương toác ra, sâu rộng thêm. Đôi khi họ cũng trảng tráo nói đến "đoàn kết dân tộc", "quên đi quá khứ, nhìn đến tương lai", "hòa giải hòa hợp dân tộc" nhưng với nội dung riêng của họ là: cúi đầu theo sự đô hộ của đảng cộng sản, cam chịu phạt tội đời của Đảng, vâng lời Đảng dạy, biết ơn sự khoan hồng, rộng lượng của Đảng... Đó là cái tẩy của đảng cộng sản suốt từ thời Mặt trận Việt Minh, Mặt trận Liên Việt, Mặt trận Giải Phóng, Mặt trận Tổ Quốc..., đến nay chỉ có thể lừa bịp những kẻ nhẹ dạ, đại dột mà thôi.

Có người có ý kiến không muốn dùng chữ hòa giải, hòa hợp dân tộc vì khái niệm này được đảng cộng sản đề ra trước và nay vẫn còn được Hà Nội lái nhái, dễ bị hiểu lầm là ta theo họ. Ý kiến này đã được thuyết phục với lý lẽ: chính khái niệm này do cộng sản dùng để lừa dối mà ta cần làm cho rõ là với chúng ta, nó có nội dung khác hẳn. Đảng cộng sản nói mà không làm đúng, còn ta khác hẳn họ ở chỗ ta có nội dung chính xác và thực hiện theo nội dung chính xác ấy. Nếu cứ sợ nói lại, nói theo những gì đảng cộng sản đã nói thì cũng phải tránh dùng các khái niệm như dân chủ, độc lập, tự do, nhân quyền, bình đẳng... hay sao? Họ từng đề ra Việt Nam "dân chủ" "cộng

hòa", "độc lập, tự do, hạnh phúc", "không có gì quý hơn độc lập tự do"... Không những ta không tránh mà trái lại cần nói rõ, làm rõ những nội dung lừa dối, my dân, đánh tráo của các khái niệm ấy để phơi bày sự giả trá, ngang ngược, đạo đức giả, my dân đã thành cố tật của họ. Đây là chỗ yếu chí mạng của đảng cộng sản ta không những không né tránh mà còn rất cần phải phơi bày ra, nêu bật lên trước công luận trong và ngoài nước.

Chúng ta cần bác bỏ sự vu khống dai dẳng: hòa giải và hòa hợp dân tộc là làm cò mồi cho chế độ cộng sản, là nằm vùng thực hiện chỉ thị và âm mưu của Hà Nội.

Chúng ta trả lời: chúng tôi thực hiện hòa giải và hòa hợp công khai, đảng hoàng giữa những người từng đứng bên này hoặc bên kia chiến tuyến trong chiến tranh, bị các học thuyết ngoại lai tác động nên từng coi nhau là thù địch, nay đã nhận rõ bị kịch chung mà hóa giải hận thù, đoàn kết thương yêu nhau; chúng ta tuyệt đối không hòa giải và hòa hợp với những kẻ rắp tâm duy trì chế độ độc đoán, độc đảng, đàn áp tự do, khủng bố người đối lập. Chúng ta cũng không chống cộng một cách vô bờ, không phân biệt, mà chủ trương bắt tay với những người cộng sản có ý thức dân chủ và dân tộc, nhất là những người cộng sản bình thường không ở trong hệ thống quyền lực và tham nhũng, nhằm cô lập cao độ nhóm lãnh đạo mù quáng, thối nát hiện nay.

Có vô số thực tế đẹp đẽ và xúc động về hòa giải và hòa hợp dân tộc. Ngay trong Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên có đảng viên Quốc Dân Đảng cũ kết thân với đảng viên đảng cộng sản cũ. Có sĩ quan quân đội Việt Nam Cộng Hòa với sĩ quan Quân Đội Nhân Dân kết bạn thân; như chủ trương góp tiền cứu lụt ở cả miền Trung, miền Bắc và vùng đồng bằng sông Cửu Long; cấp học bổng cho các trường ở Cần Thơ, ở Nghệ An, Hà Tĩnh cũng như ở Thái Bình; việc quyên góp tiền nông và xe lăn của các chiến sĩ dân chủ và đồng bào từng ở cả hai bên chiến tuyến trước kia để gửi về ủng hộ các thương binh tật nguyên trong tuyệt vọng cũng là một nét đẹp đẽ của hòa giải hòa hợp. Chủ trương góp tiền gửi về một số xã và huyện yêu cầu địa phương thực hiện việc chăm sóc mồ mả và đưa về nghĩa trang chung hài cốt của các sĩ quan, binh sĩ thuộc cả hai bên, qua đấu

tranh bên bị, đã thực hiện ở một vài nơi ở Tây Ninh, Long An, An Giang cũng là một nét đẹp theo tinh thần ấy...

Thái độ kiên quyết phản đối, bằng lý lẽ có sức thuyết phục, đối với các đoàn văn hóa, nghệ thuật, giáo dục của chế độ độc đoán được cử ra nước ngoài để tuyên truyền cho đảng cộng sản cùng với sự tiếp xúc vận động các đoàn tư nhân, các sinh viên đi du học và cả các thành viên tham gia các đoàn của chế độ mà không ưa gì chế độ... là thái độ đúng đắn, có văn hóa, có hiệu quả, khác hẳn kiểu tấy chay đơn thuần, mù quáng, thô bạo chỉ gây nên tác dụng xấu và tệ hại cho sự nghiệp chung và gây phản ứng xấu đối với dân sở tại.

Tinh thần hòa giải, hòa hợp đi dần vào chiều sâu nhận thức và tình cảm, đưa đến nếp nghĩ lành mạnh, thư thái và tỉnh táo. Trong anh chị em không còn những tranh luận đôi co lòng thòng như: bên này hay bên kia có chính nghĩa? Bên này hay bên kia, ai tài giỏi hơn? Quân đội bên này hay bên kia tàn ác hơn? Ai thắng, ai thua về thực chất? Lá cờ nào có giá trị hơn, hợp lòng dân hơn, hợp luật lệ quốc tế hơn? Ta là ai? Có chống cộng hay không chống cộng? Đó là những vấn đề phức tạp, rối rắm, đan chéo vào nhau do lịch sử để lại, tùy theo điều kiện, chỗ đứng mà có ý kiến khác nhau, ngược nhau. Chúng tôi đi đến một nhận thức chung là vẫn có thể bàn luận, không có vấn đề nào, đề tài nào là cấm kỵ, nhưng xin chớ có ai nóng mặt, tăng huyết áp, hồng hào đôi má, nặng lời làm mất tinh táo và hòa khí. Lắng nghe và suy ngẫm. Biết tôn trọng, chờ đợi nhau có những nhất trí cơ bản. Đó là: chế độ nào, phía nào cũng có những điểm không xấu và những điểm xấu, những ưu điểm và thiếu sót, những điểm hay và những điểm dở. Mỗi người từng ở phía nào nên nhìn kỹ mặt thiếu sót, mặt dở của phía mình, của chính mình. Cái dở lớn là cả hai phía đã dựa hẳn vào nước ngoài, mất dần độc lập, tự chủ, để cho đất nước bị lôi cuốn vào chiến tranh ý thức hệ ngoại lai. Mỗi người Việt Nam chết, bị thương, bị bom đạn, bất kể thuộc bên nào, là anh chị em ruột thịt của mỗi người chúng ta. Mỗi tàn phá ở miền Nam hay miền Bắc đều là sự tàn phá trên quê hương ruột thịt. Ngày nay, phía ta là mọi người Việt Nam mong muốn, dấn thân, đấu tranh cho dân chủ đa nguyên, cho dân sinh, công bằng,

phát triển và hạnh phúc của toàn dân, không kể trước đây thuộc về phía nào. Mục tiêu là đi đến một chế độ dân chủ mới mẻ, hòa nhập với thế giới văn minh. Chế độ Việt Nam Cộng Hòa không còn tồn tại 25 năm nay rồi. Chế độ Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam cũng sẽ chấm dứt. Đối tượng đấu tranh là mọi thế lực thù địch, độc đoán, gia trưởng, ở bất cứ đâu, với bất cứ màu sắc nào.

Hai lá cờ vàng ba sọc và cờ đỏ sao vàng đều đã và sẽ thuộc về quá khứ. Các cuộc họp của chúng tôi đều không trưng lá cờ nào. Tuy nhiên chúng tôi vẫn tỏ thái độ tôn trọng lá cờ này hay lá cờ kia khi những lá cờ ấy xuất hiện một cách ngẫu nhiên, với suy nghĩ rằng dưới lá cờ ấy đã có không ít người Việt Nam thật lòng yêu nước rất đáng tôn trọng từng chiến đấu và hy sinh. Chúng tôi mong rằng tình thế sẽ làm xuất hiện một lá cờ mới tươi đẹp cho tổ quốc Việt Nam. Để chuẩn bị, có thể nghĩ đến một biểu tượng nào đó làm bước khởi đầu.

Lập trường và thái độ trên đây phản ánh một tầm nhìn chiến lược cao, rộng, vượt lên thời gian và phe phái, vượt lên tình cảm bông bột và thái độ hẹp hòi thiên cận, bắt nguồn từ truyền thống nhân ái của dân tộc, hợp với xu thế thời đại, lại nhuốm vẻ từ bi, thiên, hòa đồng, vô vi... kết tinh từ các tôn giáo nên có sức lay động và thu hút mạnh mẽ mọi người có từ tâm và trí tuệ.

Tôi viết đến đây thì một tin mừng xuất hiện. Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên đã cùng với một số tổ chức và cá nhân trong cộng đồng Việt Nam ở Cộng Hòa Liên Bang Đức thành lập Mạng lưới Dân chủ nhằm tăng thêm sức mạnh cho tiến trình dân chủ hoá tại Việt Nam.

Thật là đất lành chim đậu.

Tin vui này cùng với tin thất bại kép (cả về chính trị lẫn kinh tế) của tổng bí thư Lê Khả Phiêu trong chuyến đi thăm Pháp và Ý (bị làng báo Châu Âu tẩy chay và khinh thị ra mặt, đến mức không một truyền hình nào và không một tờ báo nào đưa hình của Lê Khả Phiêu và đoàn của ông ta) là một sự động viên tiếp sức quý báu cho các chiến sĩ dân chủ gan góc ở trong nước. Hầu hết các anh chị em ấy đều có quan hệ chặt chẽ với Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên và đã thực sự coi tổ chức này là tổ chức đáng tin cậy của chính mình.

**Bùi Tín**

## THÔNG LUẬN

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số (tháng 7 & 8 chỉ ra một số)  
Giá báo một năm: 200 FF  
Ngân phiếu xin đề  
VIETNAM FRATERNITE  
(xin dùng đề Thông Luận)  
Địa chỉ liên lạc :  
**THÔNG LUẬN**  
37 rue du Clos de l'Erable  
77400 Saint Thibault des Vignes,  
FRANCE

Bạn đọc tại Đức có thể liên lạc với đại diện Thông Luận tại Đức:

**Nguyễn Thanh Lương**  
Habsburgerallee 104  
60385 Frankfurt aM.  
Tel: 069-4940048; Fax: 069-443913

và thanh toán tiền mua báo dài hạn (60 DM/năm) vào trương mục:  
**Frankfurt Volksbank e G**  
**THANH LUONG, NGUYEN**  
Konto-Nr : 00 77 70 82 94  
Bankleitzahl : 50 19 00 00

Bạn đọc tại Hoa Kỳ và Canada có thể liên lạc và góp ý kiến với Thông Luận qua địa chỉ:  
**Thong Luan, P.O. Box 7592**  
**Fremont, CA 94537 - 7592**  
e-mail: qml@juno.com

Khi thanh toán tiền mua báo (40 USD hay 50 CAD), xin đề tên:  
**Mrs Quan-My-Lan**

## THÔNG LUẬN

### Ấn bản Hòa Lan

do Hội Bảo Vệ Nhân Quyền Việt Nam (Stichting Mensenrechten voor Vietnam)

Đại diện nhóm chủ trương: **Phan Bá Việt**  
Địa chỉ liên lạc: Thông Luận Hà Lan  
Bramlanden 76  
7542 CJ Enschede

Telefax: 053.476 75 56 - 024.373.06 52  
Giá báo một năm: 30 Euro,  
xin chuyển vào trương mục của hội:  
**Giro nr 6234112**

Bạn đọc tại Úc xin liên lạc với đại diện Thông Luận tại Úc:

**Mrs. Vuong Bich Ngoc**  
36 Kallista Road  
Springvale Vic 3171

# Hai mươi lăm năm sau nhìn lại

Nguyễn Hữu Chung

*LTS: Nguyễn Hữu Chung là một dân biểu Việt Nam Cộng Hòa thuộc khuynh hướng được gọi là "lực lượng thứ ba" trước năm 1975. Bài này cho thấy nhu cầu hòa giải giữa hai miền Nam - Bắc vẫn còn rất lớn. Thông Luận không chia sẻ quan điểm của ông Nguyễn Hữu Chung, đặc biệt là sự so sánh với tình hình Chechnya và nhận định rằng đa số người miền Bắc không có khát vọng dân chủ. Càng không đồng ý rằng nếu có tự do lựa chọn thì Việt Nam sẽ tan vỡ. Nhưng Thông Luận là một diễn đàn trong đó không có những ý kiến cấm nêu ra và cũng không có những đề tài nào cấm bàn đến.*

Tôi viết bài với cái tựa này vì đó là ý kiến của mấy người bạn nhân ngày 30 tháng 4 năm 2000. Nhưng tôi không có ý muốn nhìn lại như bao nhiêu người, như ông McNamara, cựu tổng trưởng quốc phòng Mỹ, đã làm để cầu siêu cho những sai lầm của mình. Tôi sẽ không nói chuyện "giả sử như thế này thì... giả sử như thế kia thì...". Nhiều người gọi ngày 30 tháng 4 năm 1975 là ngày quốc hận, tôi không hiểu hận đó là hận gì, thù hận hay ân hận. Chuyện thù hận thì tôi không dám bàn vì đó là tình cảm cá nhân. Nếu cha bạn hay con bạn chết trong trại cải tạo thì ai dám khuyên bạn không thù hận? Nhưng chuyện ân hận thì tôi thấy không có gì để ân hận, cũng như học dở thì thi rớt, vậy thôi. Bài này là để nói về vấn đề tương lai của nước Việt Nam, hai mươi lăm năm sau ngày nó "được thống nhất", chứ không phải về một sự hối tiếc nào cả.

Hôm kia, đọc một bản tin của AFP, thấy nói ở Việt Nam người cộng sản đang bắt đầu liên hoan mừng ngày chiến thắng hai mươi lăm năm trước. Khởi đầu là Buon Ma Thuột, thành phố đầu tiên của miền Nam bị thất thủ. Sau đó sẽ là những cuộc liên hoan ở Kontum, Pleiku, Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Qui Nhơn, Nha Trang, Tuy Hòa, Phan Rang, Phan Thiết, Xuân Lộc, theo thứ tự thời gian chiến thắng, và sau cùng, ngày 30 tháng 4 là ngày Sài Gòn đầu hàng, Việt Nam được thống nhất. Về quân sự, tôi được biết nhiều điều trong hai tháng sau cùng của cuộc chiến, nhưng tôi không phải là một nhà phân tích quân sự để có thể phê bình một cách có thẩm quyền. Vì sao có những cuộc "rút quân chiến lược" chưa đánh đã chạy thì các bạn nên hỏi ông tổng thống Nguyễn Văn Thiệu. Nếu ông không nói thì các bạn nên kiên nhẫn chờ các hồ sơ của bộ ngoại giao Hoa Kỳ, của Ngũ Giác Đài, của CIA được giải mật thì sẽ rõ. Nhưng đó chỉ là chuyện chi tiết,

tình tiết éo le để kết thúc vở kịch dài.

Chuyện Việt Nam là vở bi hài kịch dài trong đó Hà Nội thủ vai một ông vua chiến thắng nên muốn được diễn mãi vở kịch trong khi ngủ, nằm mơ cùng vung tay, múa chân, quên rằng hiện nay sân khấu đã đổi và người ta đang hát một tuồng khác. Tôi thấy chuyện 30 tháng 4 ở một bình diện khác và tôi cũng đề nghị các bạn thấy như vậy. Các bạn hãy nhìn vào Hàn Quốc với hai miền Nam, Bắc. Tôi nghĩ rằng ai cũng thấy Nam Hàn phồn thịnh, Bắc Hàn đói khổ và Nam Hàn giàu mạnh hơn Bắc Hàn gấp mười lần. Người biết rõ hơn thì đã biết dân Nam Hàn có kỷ luật, làm việc giỏi, quân đội tinh nhuệ... Nhưng nếu người Mỹ rút quân khỏi Nam Hàn, tôi có thể bảo đảm với các bạn rằng trong vòng sáu tháng, Hàn Quốc sẽ được thống nhất dưới gót giày của quân phương Bắc. Chắc các bạn cũng thừa hiểu rằng kinh tế, chánh trị, quân sự, những người lãnh đạo ở Nam Hàn tốt hơn miền Nam Việt Nam thời 1975 rất xa. Lý do vì sao, có người sẽ hỏi? Tôi nghĩ có rất nhiều lý do, nhưng cái lý do chánh là sự lệ thuộc vào sự bảo vệ của người Mỹ. Đối mặt với Bắc Hàn và Bắc Việt, Nam Hàn và Nam Việt chưa bao giờ tự tạo ra nội lực để có khả năng tồn tại một mình. Chỉ đơn giản như vậy. Vì vậy, khi bạn nghĩ về sự thất trận của miền Nam năm 1975 thì câu hỏi mà bạn nên tự đặt ra là và sao Mỹ đã không bỏ Nam Hàn mà lại bỏ Nam Việt? Mỗi người trong các bạn đã có câu trả lời cho mình. Riêng tôi, tôi có một vài nhận xét nhỏ sau đây.

Về phía người Mỹ thì họ đã viết rất nhiều sách để phân tích cuộc chiến của họ. Nhưng tôi thấy có một vấn đề mà không ai nói tới, đó là từ người Mỹ ở Mỹ tới người Mỹ ở Việt Nam, từ một nhà ngoại giao tới một quân nhân, một nhà báo, người Mỹ nghĩ rằng chỉ có họ là có bổn phận suy nghĩ về cuộc chiến. Họ

không để ý tới người Việt Nam. Không biết có phải và người Việt Nam không biết suy nghĩ, hay chỉ những người theo họ và được họ ủng hộ không ai biết suy nghĩ, nhưng thực tế mà tôi được thấy trong mười năm lăn lộn trong chánh trường miền Nam là người Mỹ nghĩ và làm thay người miền Nam trong tất cả mọi chuyện. Một lãnh tụ của Việt Nam Cộng Hòa đã từng phán: "Người Mỹ họ quyết định tất cả, ai làm tổng thống cũng vậy thôi, như vậy tại sao... không phải tôi?". Hậu quả đương nhiên là khi họ đã suy nghĩ giùm người miền Nam trong nhiều năm (cũng như Tây đã làm trong tám mươi năm), và người miền Nam muốn làm gì cũng phải hỏi ý kiến của họ, đến khi họ không muốn "nghĩ" đến chiến tranh Việt Nam nữa và rũ áo ra đi thì miền Nam như một đứa trẻ chưa biết đi, chỉ quờ quạng. Tôi nhớ lại mà lạnh mình, không phải vì bom đạn nổ bên tai như thời Tết Mậu Thân, mà vì sự vô tâm của mọi người khi đó. Cả một thành phố hơn hai triệu người, không ai nói gì cho đúng, chỉ toàn những tin đồn, những mơ tưởng. Người Mỹ thì lúc nào cũng hứa bảo vệ miền Nam, cho tới ngày 31 tháng 4 cũng còn hứa, và ngày 32 tháng 4 cũng có người tin. Và đến ngày 33 tháng 4 mười năm sau, tại Hoa Kỳ, có nhiều "chánh trị gia" còn bàn chuyện khi đó hạm đội số bảy của Hoa Kỳ đã sẵn sàng yểm trợ việc Trung Cộng thả dù xuống Sài Gòn hai sư đoàn để chặn Việt Cộng. Cái trí, nếu không có, đôi khi cũng bất tiện!

Về phía người Việt Nam, tôi cũng không viết ra đây những phân tích để thấy ai là người có trách nhiệm. Vua Gia Long hay vua Tự Đức trách nhiệm trong việc để Tây đô hộ xứ sở? Ông Bảo Đại hay ông Ngô Đình Diệm ai hơn ai? Bởi vì tôi viết thế nào thì chắc chắn - chắc chắn 100% - cũng có nhiều người không đồng ý. Nếu tôi viết rằng ông Ngô Đình

Diệm là một tổng thống anh minh, một người được ơn trên đưa xuống để cứu dân Việt Nam và nếu Mỹ không lật đổ ông ta thì miền Nam đã không mất. Có bạn sẽ nói ngược lại rằng ông Diệm là người của Mỹ, cũng như ông Bảo Đại là của Tây, ông ta được Mỹ và Tòa thánh Vatican đưa về để cai trị Việt Nam theo quyền lợi của họ, khi làm không được việc thì bị hạ. Không có Mỹ thì không có Ngô tổng thống. Mỹ không giúp, bỏ ông Diệm một mình thì ông ta cũng không có khả năng cai trị và ông ta chẳng được dân chúng miền Nam ủng hộ. Rồi một người khác sẽ hỏi ai là kẻ được cả Mỹ lẫn dân chúng miền Nam ủng hộ và có khả năng thắng cộng sản? Cuộc tranh cãi sẽ kéo dài bất tận, mỗi người một lãnh tụ. Chuyện Việt Nam, nhất là chuyện chính trị, nói gì cũng sẽ có người không đồng ý. Nhưng nghĩ cho cùng, việc mọi người không đồng ý với nhau cũng là một điều thuần lý. Lý do là vì lịch sử Việt Nam trong nhiều thế kỷ qua không được làm nên bởi những con người vĩ đại. Những con người tầm thường được thời thế hay một thế lực nào đó đưa lên ngôi lãnh đạo, đã hành xử theo thời thế hay theo thế lực phi dân tộc, và mỗi người đã để lại một di sản riêng cho một bộ tộc, để rồi tất cả những bộ tộc hợp thành dân Việt Nam đã không có cùng chung một di sản tinh thần, nên không có khả năng làm một cái gì có lợi cho nhau mà chỉ làm những điều tàn tệ cho nhau.

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, ai nói gì thì nói, trên nhân quan của thế giới, cuộc chiến thắng của Hà Nội là một cuộc chiến thắng vẻ vang. Người cộng sản Việt Nam và người miền Bắc có quyền hành diện về chiến thắng này và họ đã có suy nghĩ, có kế hoạch, đã kiên trì hy sinh hơn một triệu người Việt để đạt chiến thắng. Tôi, một người miền Nam, chỉ xin cúi mặt làm thỉnh. Nhưng tôi không đồng ý khi người ta nói rằng những cuộc liên hoan là để mừng ngày thống nhất đất nước. Sự thật thì hai mươi lăm năm sau ngày chiến thắng của quân đội miền Bắc, nước Việt Nam chưa hề được thống nhất. Nó được thống nhất theo cái cách nước Nga đang thống nhất phần lãnh thổ Chechnya. Đa số người Nga đang ủng hộ quyền tổng thống Putin nhờ ở chiến thắng thống nhất này, cũng như đa số người dân miền Bắc đã mừng thống nhất với miền Nam nên đã và đang ủng hộ

Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Buôn Ma Thuột và Sài Gòn sẽ là hai nơi liên hoan lớn nhất và sẽ có nhiều nhân dân tham dự nhất. Lý do không phải và đó là nơi đầu tiên và nơi cuối cùng của chuỗi chiến thắng. Lý do là vì Buôn Ma Thuột là nơi định cư của một triệu người chiến thắng từ miền Bắc vào. Những người này bây giờ chiếm 70% dân số Buôn Ma Thuột và 95% tài sản, đất đai, đồn điền v.v... Những người cư dân Buôn Ma Thuột trước 1975, nhất là người Thượng, đang sống cuộc đời làm than, đói khổ. Sài Gòn cũng có cả triệu dân từ Hà Nội vào tiếp thu nhà cửa, phố phường, làm tướng tá, quan chức cai trị, quản lý, hải quan, phán quan... Chắc chắn những nhân dân này sẽ liên hoan lớn, chứ không phải chú tài xế trong ngõ hẻm sau nhà tôi ngày nào. Chiến thắng thì phải có chiến lợi phẩm, thời nào, ở đâu cũng vậy. Ngày xưa, quân Mông Cổ đi đến đâu thì ở đó cỏ cũng không còn mọc nổi.

Ở khắp thế giới, chuyện di dân là chuyện thường, nhưng chuyện thực dân là chuyện đáng giận. Thực dân là khi nào người di dân đến một nơi nào đó với cây súng trên tay, đàn áp, ăn trên đầu, trên cổ người địa phương, gây bất công và, dĩ nhiên, gây bất mãn. Nổi đau của người miền Nam thật thấm thía và đến nay, những vết thương vẫn chưa được lành. Nhưng trong chiều dài của lịch sử, những nổi đau như thế rồi cũng qua đi, những nổi dị biệt ban đầu rồi cũng sẽ mờ nhạt. Bắc Kỳ chạy (54), Bắc Kỳ rượt (75) rồi cũng thành người địa phương hết. Miền Nam, cũng như nước Mỹ, là nơi thu nhập mọi người. Ở tỉnh Bến Tre, vùng đất quê hương của Ông Pétrus Ký có tên là Cái Mơn, dân chúng gốc gác 100% là dân công giáo Nghệ Tĩnh đã kéo nhau vào đây từ nhiều thế kỷ và bị cấm đạo. Họ vẫn còn 100% công giáo nhưng không còn một dấu tích gì về gừng hay nghệ. Tổ tiên của kẻ viết bài này, bốn năm đời trước, cũng là dân miền ngoài vào Nam vì việc quan rồi ở lại. (Hy vọng rằng cụ này đã không chém đầu một người Miền nào đó để chiếm vườn, chiếm ruộng). Kẻ viết bài này cũng đang là một kẻ di dân đến xứ người và không muốn bị kỳ thị. Trên nguyên tắc thì người dân trong một nước muốn đi đâu để làm ăn cũng được. Nhưng làm ăn thì được, ăn cướp thì không. Thực dân là ăn cướp. Vì vậy, bài

này không phải để kỳ thị những người di dân từ Bắc vào Nam, mà để nêu lên chánh sách thực dân của Hà Nội.

Tôi nêu vấn đề thực dân ra ở đây để mọi người thấy một điều, đó là nước Việt Nam không có thống nhất theo cái nghĩa đẹp đẽ của nó. Bởi và cùng một nước, một dân tộc thì không có chuyện một người cầm cây súng để làm thực dân trên đầu người kia. Gần đây, có cuộc thống nhất Đức Quốc. Đó là thống nhất và người Tây Đức đã không vác cây súng qua Đông Đức để chiếm nhà, chiếm đất. Người Tây Đức chỉ qua Đông Đức đầu tư, mua nhà cửa theo giá thị trường. Không có chuyện thực dân. Ở Hoa Kỳ cũng có một cuộc chiến tranh Nam-Bắc tàn khốc, và miền Nam đã thua. Những cơ cực, những nhục nhằn của người miền Nam sau khi bại trận còn để lại trong sách vở. Nhưng thời kỳ này rất ngắn và dân Mỹ đã sớm hàn gắn được vết thương chiến tranh để có một dân tộc thống nhất. Có gì khác nhau giữa Hoa Kỳ năm 1860 và Việt Nam năm 2000? Có hai điều nổi bật:

1. Dân chúng miền Bắc và Nam Hoa Kỳ có cùng một trình độ kinh tế và chính trị, và người miền Bắc không chiến thắng để xuống Nam làm chuyện thực dân.

2. Lý tưởng chính trị của phe chiến thắng là lý tưởng khai phóng, dân chủ khiến phe miền Bắc đã không có một chánh sách khủng bố và cướp giết đối với phe miền Nam. Điều mà họ cưỡng bách phe bại trận là tôn trọng dân chủ và nhân quyền, giải phóng nô lệ da đen.

Nước Việt Nam ngày hôm nay, nếu không có một quân đội và một công an lúc nào cũng sẵn sàng nổ súng, sẽ tan rã trong nháy mắt. Nước Việt Nam hôm nay, nếu mọi người dân có tự do lựa chọn, cũng sẽ tan rã như Tiệp Khắc hay Nam Tư. Lý do vì sao? Vì những cư dân ở những vùng địa lý khác nhau, đã không cùng nhau chia sẻ một di sản tinh thần, cùng có một đồng thuận chính trị, hay cùng có một sự thịnh vượng chung. Tệ hại hơn nữa, nhóm này đang đàn áp, khai thác và khinh miệt những nhóm khác.

Về ý hướng chính trị, từ Huế tới Cà Mau có mấy ai ủng hộ chánh quyền Hà Nội? Chắc không có tới 20%. Từ Quảng Trị tới Lạng Sơn, bao nhiêu người chống chế độ độc tài Hà Nội để mưu cầu dân chủ? Chắc không có tới 20%. Cần nên nhắc lại rằng hơn 50% dân chúng Việt

Nam dưới 30 tuổi và không biết gì về chiến tranh, và vậy cái ý hướng chánh trị của người dân hai miền không phải là một dư vị của quá khứ cá nhân, mà là sản phẩm của hai xã hội khác biệt. Chánh quyền cộng sản còn tồn tại lâu dài là nhờ ở sự ủng hộ của người miền Bắc. Nếu dân miền Bắc cũng thích tự do dân chủ như dân miền Nam thì tức khắc một Gorbachev Việt Nam sẽ xuất hiện. Rất tiếc, với tình trạng hôm nay, sẽ không có một Gorbachev hay một Đặng Tiểu Bình mà chỉ có hàng hàng lớp lớp những Đỗ Mười, Lê Khả Phiêu. Chuyện này, người mù cũng thấy. Dân chúng hai miền địa lý với hai xã hội hoàn toàn khác nhau thì không thể có thống nhất dân tộc. Sau hai mươi lăm năm, Hà Nội đã hoàn toàn thất bại trong việc cộng sản hóa nhân dân miền Nam và mười năm kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa đã không làm thay đổi tâm lý người dân miền Bắc. Cái hố chia cách hai miền sâu và rộng hơn con sông Bến Hải rất nhiều và chánh quyền này không có khả năng cải thiện, chỉ có khả năng làm cho trầm trọng hơn.

Về kinh tế, sự bất đồng lại còn trầm trọng hơn. 80% ngân sách chánh phủ Hà Nội lấy từ miền Nam. Ngoại tệ thu nhập cũng vậy. Gần hai tỷ đô la tiền xuất cảng dầu đến từ miền Nam. Gần hai tỷ đô la tiền xuất cảng áo quần, giày dép đến từ miền Nam. Một tỷ rưỡi đô la tiền xuất cảng gạo và thủy sản đến từ miền Nam. Gần một tỷ đô la tiền xuất cảng cà phê, cao su, hạt tiêu và các sản phẩm nông nghiệp khác đến từ miền Nam. Hơn một tỷ đô la tiền của người Việt hải ngoại gửi về nước cũng về miền Nam. Sự phát triển kinh tế bất bình đẳng giữa hai miền, và do đó, sự đóng góp rất chênh lệch giữa hai miền vào ngân sách quốc gia không thể kéo dài mãi mãi mà không gây nên bất mãn và chống đối. Trong nhiều quốc gia trên thế giới, sự yểm trợ nhau giữa các vùng địa lý qua ngân sách trung ương là một điều thường có, nhưng sự chênh lệch quá lớn như ở Việt Nam hiện nay là một điều không thấy ở bất cứ nước nào trên thế giới. Điều này chỉ có thể tiếp tục ở Việt Nam ngày nào chánh quyền Hà Nội còn nắm chặt cây súng AK trên tay. Và đây cũng là lý do khiến người miền Bắc tiếp tục ủng hộ chánh quyền Hà Nội. Do đó, con đường dân chủ hóa Việt Nam sẽ còn dài thăm thẳm. Nếu vì lý do gì mà

Hà Nội làm rớt cây súng khỏi tay thì sự thống nhất hôm nay sẽ không còn nữa. Đừng ai nghĩ rằng máy chủ cộng sản con ở miền Nam sẽ cứu đảng cộng sản Việt Nam. Máy chủ sẽ trở cò, hoặc máy chủ sẽ bị tiêu diệt. Cái chuyện sắp xếp theo lối ông tổng bí thư là Bắc Kỳ thì ông thủ tướng phải là Nam Kỳ, ông chủ tịch nước phải là Trung Kỳ và ông chủ tịch quốc hội là Thượng Du chỉ là chuyện chia phần ăn trong nội bộ đảng, không ăn thua gì tới chuyện thống nhất nhân dân. Những ông này cùng ngồi trên một chiếc xe, xe xuống hố thì cả bốn ông đều xuống hố, chẳng ai cứu được ai. Vì vậy, nếu bạn quan tâm tới sự thống nhất nước Việt Nam thì bạn nên hiểu rằng chuyện thống nhất hôm nay chỉ là một hình thức tạm bợ và muốn cho nó vững bền bạn nên cầu nguyện sao cho chánh quyền Hà Nội được vững mạnh với thời gian. Nếu một anh ở Hải Phòng không ý thức điều này và không cầu nguyện hằng ngày, tôi bảo đảm với bạn rằng mày anh thực dân ở Buôn Ma Thuột và Sài Gòn đang làm điều đó. Tôi thông cảm họ.

Có một giải pháp phức tạp hơn và khó thực hiện hơn. Đó là tăng trưởng kinh tế miền Bắc bằng công nghiệp. Muốn vậy thì phải có đầu tư nhiều. Rất tiếc là Hà Nội không thể qua Mỹ, qua Nhật hay Đài Loan lên cò cây súng AK để bắt mọi người đầu tư vô miền Bắc. Muốn người ta đầu tư thì phải có một không khí đầu tư tốt. Muốn có một không khí đầu tư tốt thì xã hội phải gồm những con người lành mạnh về thể chất và tinh thần, cả dân lẫn quan. Con người tốt, với một hệ thống luật pháp phân minh, và trên một hạ tầng cơ sở vật chất tốt, hai thứ sau thì người ta có thể viện trợ chuyên viên và tiền bạc để thiết lập, cái trước là cái giá trị nội tại của xã hội. Trong một chế độ chánh trị mà phương tiện cai trị là sự gian dối và sự lật lọng, giá trị nội tại của xã hội không ai rõ là cái gì, con người, cả dân lẫn quan, ai cũng phải lật lọng. Vì vậy, phải có những thay đổi chánh trị để thay đổi xã hội, thay đổi con người hầu phát triển kinh tế. Đành rằng không thể có thay đổi tức khắc, một sớm, một chiều, nhưng phải có bắt đầu, phải có một ý muốn. Rồi sự phát triển kinh tế dần dần sẽ gây thêm sự thay đổi chánh trị và sự thay đổi xã hội và sự thay đổi tâm lý con người. "Y thực túc, tri lễ tiết". Con người lành mạnh, sống trong một môi trường

kinh tế phát triển sẽ có nhu cầu chánh trị dân chủ, tiến bộ, và con người sẽ không chấp nhận sự sợ hãi như là một điều kiện sống, chấp nhận cuộc đời hai mặt, mách mung, tìm sự sung túc và sự an toàn trong lòn lỏi. Khi dân chúng cả nước có những ước vọng chánh trị như nhau, có một khả năng kinh tế như nhau, có những sự đóng góp như nhau vào nền kinh tế và sự phát triển đất nước thì một dân tộc mới thống nhất.

Lịch sử của tất cả các nước trên thế giới cho thấy mọi xã hội đều phải qua những quá trình phát triển như trên để đi tới trình độ hôm nay. Đó là một con đường tất yếu của Việt Nam, nhưng nó cũng tất yếu làm hao mòn quyền lực và quyền ăn của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Hà Nội biết rõ điều này chứ không phải họ sai lầm gì cả. Nhưng họ chống lại những thay đổi và dùng tất cả năng lực để chống điều mà họ gọi là diễn tiến hòa bình. Trên bình diện đảng, họ đã làm đúng. Trên bình diện quyền lợi dân tộc Việt Nam, họ... mặc kệ.

Hai mươi lăm năm sau nhìn lại, nước Việt Nam vẫn nghèo nàn, lạc hậu và chia rẽ. Bắc và Nam không cách bởi một biên giới mà vẫn xa, rất xa. Những người cộng sản Việt Nam hay nói về lịch sử, về tổ quốc, về nhiệm vụ thiêng liêng v.v..., nhưng nếu chúng ta nhìn kỹ họ, nhìn phong cách của họ, nhìn hành động của họ, chúng ta thấy họ chỉ là một đám người tinh thần thô lậu, ham hố bám giữ quyền hành, không có ý niệm lịch sử, không có khả năng tìm thấy linh hồn mình. Họ giống y như Hun Sen ở Cam Bốt hay những tên cai trị ở Miến Điện hay Phi Châu. Bà Aung San Suu Kyi có nói rằng điều ghê tởm nhất ở xứ bà là sự thô lậu của những tên cầm quyền. Chúng sẽ biến xã hội Miến thành một xã hội thô lậu và sẽ hạ cấp nền văn hóa của dân tộc này. Ở Việt Nam cũng vậy thôi. Có những khách sạn mới để người ta chứa diêm, những xe hơi mới để người ta biểu diễn, những cái cell phone để người ta vừa ăn ngòm ngoàm vừa nói, nhưng không có ai có khả năng xác định được lý lịch của dân tộc Việt Nam, cũng như dân tộc này chưa tìm thấy được linh hồn của nó.

Hai mươi lăm năm nhìn lại, chỉ thấy một màu đen.

**Nguyễn Hữu Chung**  
Montreal tháng 3 năm 2000

## Cảnh giác để đừng "đổ dầu vào lửa"

Vũ Thiện Hân

Tôi đã rất ngạc nhiên khi đọc bài *Hai mươi lăm năm nhìn lại* của ông Nguyễn Hữu Chung, một người thường có những bài bình luận chính trị sắc bén trên các báo chí hải ngoại cũng như trên báo Thông Luận. Qua lối viết "khiêu khích" trong bài này, phải chăng ông Chung muốn buộc độc giả suy nghĩ về những hậu quả nghiêm trọng của chính sách hận thù, phân biệt đối xử từ 25 năm qua của Đảng Cộng Sản Việt Nam? Nếu quả tình có dụng tâm như vậy thì ông đã thành công. Nhưng tiếc thay trong bài viết có những so sánh sai lầm, những chữ dùng quá đáng, nhiều ý niệm lẫn lộn và nặng tình thần kỳ thị Nam-Bắc. Do đó bài viết có tác động "đổ dầu vào lửa", đào sâu thêm hố chia rẽ Nam-Bắc và cuối cùng thành ra có lợi cho đảng cầm quyền mà ông đã tố cáo trách nhiệm chia rẽ dân tộc một cách hữu lý. Bài viết của ông Chung đã được phổ biến trên một số báo ở hải ngoại vì vậy tôi thấy có bốn phận nêu lên dưới đây những điều và lý do chính tại sao tôi không chia sẻ ý kiến với tác giả.

### 1. Chiến tranh và "nội lực".

Trước hết, tôi không đồng ý với tác giả về quan điểm cho rằng chiến tranh Việt Nam 1960-1975 chỉ là một cuộc tranh chấp giữa hai khối tư bản-cộng sản như sau: Mỹ chống cộng thay người miền Nam và sau chán, bỏ rơi vì lớp lãnh đạo thiếu "cái trí", người dân Sài Gòn vô tâm cho nên miền Nam tất nhiên phải thua. Thiếu sót chính của luận điểm này là nó đã bỏ quên những yếu tố dân tộc trong cuộc chiến, bỏ quên vai trò không kém quan trọng của những người Việt sinh sống ở miền Nam, cộng sản cũng như không cộng sản, bỏ quên vai trò của dư luận quốc tế cũng như dư luận Mỹ. Do đó, cái khác biệt cơ bản giữa việc chính phủ Mỹ buộc phải ra đi hay chủ động "rủ áo ra đi" đã không được bàn đến. Nhưng với chỗ đứng của một kẻ bàng quang lạnh lùng mà tác giả đã chọn lựa trong bài viết, quan điểm phiếm diện này có thể hiểu được. Thực ra nó đã được

rất nhiều người, thuộc chế độ Việt Nam Cộng Hòa ngày trước, sử dụng để phân nào tự bào chữa cho mình. Nhưng điều làm tôi ngạc nhiên là việc tác giả "bảo đảm" rằng ngay bây giờ nếu Mỹ rút quân ra khỏi Nam Hàn thì chỉ trong vòng sáu tháng "Hàn Quốc sẽ được thống nhất dưới gót giày của của quân phương Bắc". Lý do chính, theo tác giả, là vì miền Nam trước đây cũng như Nam Hàn ngày nay "chưa bao giờ tự tạo ra nội lực để có khả năng tồn tại một mình". Đây là một cách dùng giả thuyết để nhấn mạnh và biện minh cho quan điểm về kết cục "tất yếu" của cuộc chiến nói trên của tác giả.

Cái khó hiểu cho người đọc là tác giả không định nghĩa thế nào là nội lực. Điều chắc chắn, "nội lực" theo tác giả không phải là tiềm lực kinh tế, quân sự, xã hội... mà là một cái gì khác. Vì nếu so sánh nội lực, hiểu theo nghĩa thông thường, giữa Hàn quốc và Bắc Triều Tiên ngày nay thì một người bình thường sẽ nghĩ ngược lại và có thể muốn đánh cá với tác giả. Nhưng sẽ không một ai thắng khi đánh cuộc về kết quả của một giả thuyết mà nó không có khả năng xảy ra. Thông thường đó là một cách nói chơi, bòn cọt giữa bè bạn, không có giá trị gì về lý luận. Tôi đề cập đến cách lập luận đó ở đây vì thấy nó được tác giả dùng nhiều lần trong bài viết ngay cả khi bàn luận về những vấn đề nghiêm trọng của đất nước. Nhưng đó là quyền của tác giả cũng như việc đánh giá là quyền của người đọc.

### 2. Thống nhất đất nước kiểu Nga ?

Điều khiến tôi ngỡ ngàng đầu tiên là khi đọc đến đoạn tác giả viết rằng "...nước Việt Nam chưa hề được thống nhất. Nó được thống nhất theo cái cách nước Nga đang thống nhất phần lãnh thổ Chechnya". Ngờ ngàng vì so sánh này hoàn toàn sai lầm và hàm ý xấu. Tôi hy vọng tác giả không biết rõ là hai dân tộc Nga và Chechnya có nguồn gốc khác nhau, một bên gốc người Slave, bên kia gốc Caucase. Phần lớn người Nga theo Thiên Chúa Giáo Chính Thống còn người

Chechnya theo Hồi Giáo, mỗi dân tộc có một ngôn ngữ riêng. Do hoàn cảnh lịch sử, xứ Chechnya còn ở trong Liên Bang Nga. Đó là phần còn lại của Liên Bang Xô Viết khi đế quốc cộng sản này của người Nga sụp đổ. Mới đây để đối phó với đòi hỏi độc lập của dân Chechnya, chính quyền Liên Bang Nga đã dùng bom đạn để san bằng nhiều thành phố và tàn sát người Chechnya hầu duy trì nền thống trị của người Nga trên xứ này. Trong khi đó người Việt (người Kinh) sinh sống từ Bắc xuống Nam là một dân tộc thuần nhất có chung một ngôn ngữ, một phong tục. Những khác biệt về giọng nói, tâm tình của người Việt ở ba miền Bắc, Trung và Nam rất bình thường. Chúng thể hiện sự giàu có và tính đa dạng về văn hóa của những dân tộc đông người. Sự phân biệt Nam-Bắc theo sông Bến Hải chỉ là sự chia cắt giả tạo do Hiệp Định Geneva 1954 ấn định để chấm dứt chiến tranh chống Pháp. Nguyên vọng giành lại độc lập và thống nhất đất nước đã là động lực, là mục tiêu đưa đến sự hy sinh của hàng triệu người Việt từ Bắc chí Nam, quốc gia cũng như cộng sản, trong nhiều thế hệ. Sau chiến thắng quân sự năm 1975, Đảng Cộng Sản Việt Nam đã thống nhất đất nước một cách vội vàng, thô bạo, không thực hiện "hòa giải hòa hợp dân tộc" như đã hứa hẹn mà còn phân biệt đối xử và đầy đọa hàng trăm ngàn gia đình sinh sống ở miền Nam. Họ đã cư xử như những kẻ chiến thắng, đã coi đất nước là của riêng Đảng cho nên đã chia rẽ dân tộc, không "thống nhất" được nhân tâm. Hai sự kiện như vậy rất khác nhau. So sánh quá đáng như ông Chung đã làm tôi nghĩ không có tính thuyết phục mà còn có hại là gây thêm hận thù giữa hai miền Nam - Bắc trong khi trách nhiệm của chính sách phân biệt đối xử là thành phần lãnh đạo thủ cựu, độc đoán của Đảng Cộng Sản Việt Nam.

### 3. Thực dân trên đất nước mình ?

Về ý niệm "đặc biệt" này tác giả viết như sau: "Trên nguyên tắc thì người dân trong một nước muốn đi đâu để làm ăn



cũng được. Nhưng làm ăn thì được, ăn cướp thì không. Thực dân là ăn cướp. Vì vậy, bài này không phải để kỳ thị những người di dân từ Bắc vào Nam, mà là nêu lên chánh sách thực dân của Hà Nội".

Trước và sau đoạn viết này là những lý luận quanh co nhưng khéo léo bằng các ví dụ, các con số nửa hư, nửa thực để nói rằng quân đội miền Bắc không khác gì quân Mông Cổ ngày xưa, miền Nam là chiến lợi phẩm của họ, người Bắc vào Nam là để chia phần... Có lẽ từ suy luận đó, tác giả dự đoán là có khoảng 80% người miền Bắc ủng hộ cộng sản, trong khi đó trong miền Nam số người ủng hộ Đảng sẽ không quá 20%. Mặt khác, miền Nam giàu có và nếp sống quá khác biệt với miền Bắc cho nên "Nước Việt Nam ngày hôm nay, nếu không có một quân đội và công an lúc nào cũng sẵn sàng nổ súng, sẽ tan rã trong nháy mắt. Nước Việt Nam hôm nay, nếu mọi người dân có tự do lựa chọn, cũng sẽ tan rã như Tiệp Khắc hay Nam Tư". Do đó tác giả khuyên "...Nếu bạn quan tâm tới sự thống nhất nước Việt Nam thì bạn nên hiểu rằng chuyện thống nhất hôm nay chỉ là một hình thức tạm bợ và muốn cho nó vững bền bạn nên cầu nguyện sao cho chánh quyền Hà Nội được vững mạnh với thời gian". Nói cách khác, theo tác giả người Việt chỉ có thể chọn lựa giữa hai cặp "độc tài cùng với thống nhất kiểu Nga" hay "dân chủ cùng với chia cắt đất nước".

Không kể đến những chữ dùng và so sánh theo tôi là quá đáng hay sai lầm (thực dân, quân Mông Cổ, Việt Nam sẽ tan rã như Tiệp Khắc hay Nam Tư, con số vô đoán 80%...), lẫn lộn (amalgam) lớn của ông Chung là đồng hóa Đảng Cộng Sản Việt Nam với người dân miền Bắc một cách vô căn cứ. Phải chăng ông nghĩ rằng có đến 80% người dân miền Bắc đã được hưởng "chiến lợi phẩm" ở miền Nam? Trong khi số đảng viên là khoảng 2 triệu và trên thực tế trong số đó chỉ có một thiểu số cao cấp, có chức có quyền ở trong Nam mới có thể đóng vai "thực dân" như ông định nghĩa. Mặt khác, khách quan mà xét thì người dân miền Bắc có lý do để bất mãn với Đảng nhiều hơn người dân miền Nam. Họ đã phải chịu nhiều thảm họa hơn: hàng trăm ngàn người thiệt mạng vì đấu tố trong cải cách ruộng đất năm 1955; trí thức và văn nghệ sĩ bị trừ đầy từ năm 1956 trong vụ

Nhân văn giai phẩm; hàng trăm đảng viên "cứng đầu" bị tù tội trong cái gọi là vụ án xét lại chống Đảng năm 60; số bom đạn miền Bắc phải chịu đựng vào những năm cuối thập niên 60 đầu 70 có thể nhiều hơn; số người tử vong chắc chắn không kém so với miền Nam. Sau tất cả các hy sinh gian khổ họ đã được gì ngoài tình trạng nghèo đói còn hơn cả đồng bào của họ ở trong Nam? Do đó họ có thể sẽ là thành phần tiên phong trong phong trào đòi dân chủ hóa chế độ. Những sự kiện thực tế đang minh chứng cho nhận xét này. Từ năm 1990 cho đến nay những chiến sĩ dân chủ không phải chỉ có ở miền Nam mà ở khắp mọi miền đất nước và đặc biệt là tại Hà Nội. Cuộc nổi dậy đòi dân sinh dân quyền có qui mô lớn nhất đã xảy ra tại Thái Bình. Mặt khác, chính sách thô bạo của đảng cộng sản đối với người miền Nam sau 1975 là cách đối xử cố hữu của họ đối với mọi thành phần không cộng sản mà họ ngỡ vực và coi là thù địch. Ở miền Nam thời đó số đảng viên không đông, số đảng viên đi tập kết đưa về không đủ cho nên đảng cộng sản đã đưa ò ạt những đảng viên gốc người miền Trung hay Bắc vào Nam để nắm mọi quyền hành. Chỉ những thành phần này mới có thể có đủ điều kiện để trở thành "thực dân" như ông Chung quan niệm. Trong bài viết ông Chung không phân biệt mà còn gián tiếp coi những người dân nghèo chạy đói từ miền Bắc hay miền Trung vào Buôn Ma Thuột hay Sài Gòn làm ăn sinh sống là những tên thực dân theo Đảng. Quan điểm này không những bất công, không đúng với sự thực mà còn rất độc hại vì nó chụp cái mũ "thực dân" xấu xa cho những người làm ăn ở trong miền Nam nhưng không sinh trưởng tại đây. Đó là một quan điểm kỳ thị độc hại không thể chấp nhận được.

Lập luận của tác giả về sự tan rã của đất nước, "ngày hôm nay", nếu người dân có tự do lựa chọn cùng loại với lý luận bằng giả thuyết như đã phân tích ở phần trên. Tôi chỉ muốn đánh cá ngược lại với tác giả rằng dân chủ đi đôi với thống nhất cả trong lòng người và còn độc tài tiếp tục đi đôi với phân hóa, chia rẽ vì áp bức.

#### 4. Vô đũa cả nắm và bi quan thái quá

Cảm tưởng cuối cùng của tôi khi đọc tới đoạn kết bài viết của ông Chung là

phân vân, tự hỏi không hiểu vì lý do gì tác giả đã bi quan đến độ viết rằng "Hai mươi lăm năm sau nhìn lại, chỉ thấy một màu đen"? Từ đó tôi nghĩ là việc tác giả "vơ đũa cả nắm" đồng hóa mọi người cộng sản Việt Nam với thiểu số lãnh đạo thối nát, "ham hố bám giữ quyền hành", để mật sát tập thể cũng như việc tác giả cho rằng dân tộc Việt Nam đã đánh mất lý lịch và "chưa tìm thấy được linh hồn của nó" có thể chỉ phản ảnh tâm trạng quá bi quan, bức tức lúc đó của tác giả. Người đọc có thể thông cảm với tác giả nhưng không vì vậy mà có thể chấp nhận một số quan điểm kỳ thị với những từ ngữ mỉa mai độc hại trong bài viết.

#### 5. Góp ý về vấn đề kỳ thị Nam - Bắc

Từ xưa đến nay đầu óc địa phương và tinh thần kỳ thị là căn bệnh phổ thông của mọi dân tộc. Nhưng không phải vì vậy mà tinh thần này là bình thường và không nguy hiểm. Ở mức độ trầm trọng nó có thể đưa tới sự tan vỡ của quốc gia kéo theo sự lệ thuộc hay tiêu vong của cả dân tộc. Lịch sử xưa và nay đã không thiếu những trường hợp như vậy. Trình độ văn minh và cảnh giác càng cao thì căn bệnh này không phát lên được. Đó là trường hợp của các nước tiền tiến hiện nay. Ở những nước này không những luật pháp nghiêm phạt các hành động hờ hào, phân biệt đối xử mà còn có nhiều tổ chức thuộc xã hội dân sự, cũng như phần lớn thành phần trí thức, văn nghệ sĩ, luôn luôn cảnh giác để tố cáo, ngăn chặn mọi hình thức kỳ thị, phân biệt đối xử. Cách duy nhất để chữa chạy là không dấu diếm mà trái lại cần mở xẻ, tìm hiểu một cách khoa học để có thể loại trừ các nguyên nhân, xóa bỏ các thành kiến. Nguyên nhân thông thường là những bất công do chính sách sai lầm hay cố tình lợi dụng vì tham vọng cá nhân của lớp cầm quyền. Thành kiến thường thường do sự nghi ngờ vì thiếu hiểu biết hay do hận thù của quá khứ. Giáo dục học đường, du lịch, trao đổi văn hóa, sống chung hòa bình là những biện pháp được cổ võ và áp dụng dài hạn. Về mặt chính trị, dân chủ và hình thức tán quyền là biện pháp cho phép giữ được thống nhất, xóa bỏ đầu óc địa phương và tinh thần kỳ thị, vị kỷ. Đó là hình thức tổ chức có khả năng bảo đảm được công bằng, quyền lợi và tương lai chung.

Trở lại trường hợp của Việt Nam, tôi

Nhân đọc bài "25 năm nhìn lại" của Nguyễn Hữu Chung:

## Góp ý về vấn đề kỳ thị Nam-Bắc

nghe rằng cách phân chia Nam - Bắc như trong bài viết của ông Chung không còn đúng với thực tế. Hai mươi lăm năm qua đã xóa được sự phân chia giả tạo qua giòng sông Bến Hải và đó là điều tốt. Giới trẻ sinh sống tại Việt Nam ngày nay có mấy ai biết đến giòng sông này? Nhờ sự tiếp xúc giao lưu về mọi mặt, nhờ sự tương trợ khi thiên tai hoạn nạn, đa số người dân thường, sinh sống ở bất cứ nơi nào trên đất nước, cũng đã ý thức được rằng họ cùng chung một đất nước, cùng chung một số phận nghèo đói. Ở trong nền tảng xã hội những thành kiến về Nam-Trung -Bắc vì vậy đã giảm đi nhiều.

Tuy nhiên nguy hiểm hiện nay đến từ tầng lớp có quyền lực vì tình trạng bè phái, chia chác hiện có trong đảng cộng sản và Nhà nước Việt Nam. Từ lâu, thành phần cầm quyền này không còn lý tưởng nữa. Chế độ độc tài không cho phép người dân làm vai trò trọng tài để chọn những người lãnh đạo. Cách duy nhất để tranh giành quyền lợi trong Đảng là làm bè, làm phái dựa trên tiêu chuẩn quê quán, làng xóm. Tình trạng này có khả năng làm bột phát căn bệnh kỳ thị và đầu óc địa phương trong ngắn hạn nếu không được cảnh giác để ngăn chặn kịp thời. Mặt khác, sự phân hóa trong xã hội Việt Nam không do sự kỳ thị Nam-Trung-Bắc mà do chính sách phân biệt đối xử với manh tâm "chia để trị" của đảng cầm quyền. Có phân biệt, ngay cả trước luật pháp, giữa người trong Đảng và ngoài Đảng. Có phân biệt để gây chia rẽ giữa và trong các tôn giáo với sách lược "nắm" tôn giáo của Đảng. Có tị hiềm giữa người Kinh và các sắc tộc thiểu số vì các sắc tộc này bị người Kinh lấn áp mà không được luật pháp bảo vệ... Thêm vào đó là những hận thù của quá khứ chưa được hóa giải nên vẫn âm ỉ và chỉ chờ dịp là bùng nổ.

Chế độ độc tài, độc đảng là nguyên nhân của hiện trạng trên cho nên nó đã và sẽ không thể "thống nhất" nhân tâm để huy động mọi tiềm lực của người Việt vào công cuộc phát triển, xây dựng đất nước. Chỉ một chính phủ dân chủ mới có điều kiện chính thống và tâm lý để có thể thực hiện công việc này.

**Vũ Thiện Hân**

Vấn đề kỳ thị Nam Bắc không chỉ là câu hỏi có hay không mà phải được xem như một vấn nạn của dân tộc nếu nó thực sự hiện hữu, một vấn nạn mà tất cả những đoàn thể đảng phái chính trị đứng đắn đều phải đặt ra một phương cách để giải quyết hay vô hiệu hóa tệ nạn này.

Ý niệm kỳ thị Nam Bắc được khơi dậy trong bài viết "25 năm nhìn lại" của ông Nguyễn Hữu Chung đã gây ra những tranh luận sôi nổi về vấn đề này, và vì ông đã không đặt vấn đề kỳ thị như một nghi vấn cần tìm hiểu mà lại sử dụng những xét đoán có tính cách cá nhân và chủ quan để khẳng định một vấn đề quan trọng nên đã vô tình hướng dẫn dư luận vào một thành kiến hết sức tai hại.

Ai cũng có những kinh nghiệm sống về những cọ sát có tính cách kỳ thị Nam Bắc, nhưng những cọ sát đó có đích thực là kỳ thị không hay chỉ là những thành kiến về cá tính của con người ở từng miền trên toàn lãnh thổ. Chúng ta không nên làm lẫn những thiên vị tự nhiên trong đời sống như cảnh con yêu con ghét trong một gia đình với một chính sách kỳ thị của những tập đoàn thống trị vô nhân.

Từ thuở xa xưa trước khi người cộng sản có mặt trên quê hương thì vì những phương tiện giao thông và truyền thông còn hạn hẹp nên người miền này thường có những thành kiến không tốt về người miền kia bởi tiếng lành đồn gần, tiếng dữ đồn xa. Những người miền này thường chỉ nhớ và tiếp tục đồn đãi và phóng đại những điều không đẹp của người miền kia, để từ đó đã làm cho bao cuộc tình gây đổ, không phải chỉ giữa những mối tình Nam, Bắc mà còn cả miền Trung nữa. Đôi khi những cuộc tình cùng miền cũng gây đổ vì người thành thị, kẻ thôn quê. Rồi có khi cái chuyện "trâu ta ăn cỏ làng ta" đã xong rồi, rất môn đăng hộ đối, nhưng vẫn phải xa nhau vì Dân Thân Ty Hội tứ hành xung. Không lẽ lại bảo là có kỳ thị trong tử vi đấu số.

Cá tính của người ba miền khác nhau vì điều kiện sinh sống và điều kiện văn hóa khác nhau, nhưng nổi bật nhất người ta cũng chỉ có thể tóm lược được vào một cá tính điển hình nhất cho hai miền Nam, Bắc là người Nam nóng tính, thấy chuyện gì không vừa ý là nói ngay, nghĩ sao nói vậy. Trong khi người Bắc hay rào trước,

đón sau, hay nói bóng, nói gió chứ không quen nói thẳng nên trai Bắc bị gán cho chữ "đểu", một cách nói để ám chỉ một lối "tán gái" kiểu lượn vành, chứ không phải là phường đêu cáng. Tập đoàn cộng sản Việt Nam đã kim kẹp miền Bắc bằng công an và nhà tù. Nhưng lại lừa dối và khơi dậy lòng yêu nước, thương nòi của người miền Bắc qua chiêu bài chống Mỹ cứu nước, cứu miền Nam nô lệ, đói khổ, để đưa họ vào giải phóng miền Nam.

Người cộng sản đã thi hành những chính sách kỳ thị giai cấp rõ rệt trong chủ trương "hồng hơn chuyên", để đặc biệt ưu đãi những đảng viên, công an, bộ đội cộng sản. Đó là lẽ thường tình của một đảng cướp, bao che và chia chác chiến lợi phẩm với nhau, đó là hình ảnh công an, bộ đội vào Nam đã lê mề khuân về những nhu yếu phẩm và máy móc đã tràn ngập ở miền Nam nhưng lại là những thứ hiếm hoi ở miền Bắc. Phần còn lại là tuyệt đại đa số những người miền Bắc đói khổ, họ không có một lý do gì để ủng hộ cái chế độ cộng sản vô nhân này.

Chúng ta không nên đổ lỗi cho nhau, vì nếu những người miền Bắc đã không làm được gì để chống lại sự kim kẹp và lừa dối của cộng sản Việt Nam trong suốt 20 năm, thì người miền Nam đã làm được gì trong suốt 25 năm có cơ hội nhìn thấy thật rõ bộ mặt vô nhân của người cộng sản?

Vấn đề là dân tộc nào cũng thế, con người nào cũng thế, nếu bị một lũ ác ôn còn đồ vùi dập thì cũng phải chịu đựng đến một ngày mà những kẻ bị trị biết nắm lấy tay nhau để vùng lên lật đổ bọn thống trị bất lương. Nhanh chóng và êm xuôi như các nước Đông Âu, lao đao, lặn đạn như Nga hay cứ mãi mãi ừ lì chịu trận như Bắc Hàn, Cu Ba, Trung Hoa, tất cả đều tùy thuộc vào mỗi cá nhân chúng ta có biết từ bỏ những điều không cần thiết cho công cuộc đại đoàn kết hay không mà thôi.

Dành rằng chúng ta có quá nhiều điều để thất vọng hơn là để hy vọng về tương lai của dân tộc, nhưng có ích lợi gì nếu cứ mãi đào sâu thêm niềm thất vọng, thay vì hãy cố vun bồi cho niềm hy vọng dâng cao để lôi kéo mọi người vui lây với chúng ta niềm vui về một ngày mai tươi sáng.

**Hoàng Anh Phương**

# Nước non nghìn dặm

Nguyễn Gia Kiểng

Tấm áo nâu  
Đất diu nhau vào chốn rừng sâu  
Đất diu nhau vào tới Cà Mau...

Phạm Duy (Tinh Ca)

*Ngoài đề: Bài "25 năm nhìn lại" của Nguyễn Hữu Chung là một bài rất có ích. Nó có ích vì sự bộc trực của nó, và nó cũng có ích vì đã phơi bày được những lập luận đưa đến phân biệt Nam Bắc. Đây là dịp để chúng ta thảo luận thẳng thắn về một vấn đề vẫn còn nhức nhối trong đó có nhiều điều mọi người đều biết nhưng lại ngại không nói ra.*

Ca dao của ta có câu "Nước non nghìn dặm ra đi" nghe thật ai oán. Đất nước xa lạ và những con người cũng xa lạ với nhau. Nếu ta không chấp nhận tâm lý của con đà điểu từ chối nhìn một sự thực đáng buồn thì phải nhìn nhận rằng vấn đề kỳ thị Nam Bắc là có thực.

Không những có thực mà còn trầm trọng. Vương Văn Bắc, cựu bộ trưởng ngoại giao Việt Nam Cộng Hòa, có lần nói với tôi: "Tệ quá anh ạ, ngay cả tuyên dụng một thư ký cũng phải lo cân bằng người Bắc, người Nam". Quan sát các tổ chức chính trị, chúng ta cũng không thể không thấy một sự thực là hầu hết đều có đến hai phần ba, hay nhiều hơn, thành viên hoặc là người Bắc, hoặc là người Nam, hoặc là người Trung. Sự pha trộn rất ít. Niềm vui lớn nhất của tôi là Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên, mà tôi là thành viên, tuy không bao giờ có bất cứ một ưu tư nào về thành phần địa phương của các thành viên lại cũng là tổ chức chính trị rất cân đối Nam, Trung, Bắc trong cả số lượng thành viên lẫn thành phần trách nhiệm. Đó là tổ chức chính trị hiếm hoi, nếu không là duy nhất, không có vấn đề địa phương. Có thể đó là một sự tình cờ màu nhiệm, nhưng cũng có thể do chính bản chất của vấn đề kỳ thị Nam Bắc: chúng ta càng không sợ nó thì nó càng ít tác hại.

## Từ thực dân tới di cư

Sự cách biệt Nam Bắc dĩ nhiên phải có. Cứ nhìn vào lịch sử nước ta trong năm thế kỷ qua. Năm 1527, ngay khi Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê thì đã có lực lượng phủ Lê nổi lên chống lại tại phía Nam. Lúc đó "phía Nam" mới chỉ là Thanh - Nghệ, nhưng phân tranh Nam Bắc đã bắt đầu và cứ thế mà tiếp tục. Đất nước càng mở rộng thì "phía Nam" lại càng lui về miền Nam. Sau đó là Trịnh - Nguyễn phân tranh, rồi Tây Sơn - Nguyễn Ánh, rồi thời Pháp thuộc trong đó ba miền bị đặt dưới những chế độ

chính trị khác nhau, đặc biệt sáu tỉnh phía Nam bị cắt lìa hẳn khỏi đất nước. Sau cùng là cuộc phân tranh quốc - cộng cho đến ngày 30-4-1975. Tổng cộng trong gần năm thế kỷ cuối cùng này, từ 1527 đến 2000, nước ta đã chỉ có được 85 năm thống nhất, gồm 60 năm dưới triều Nguyễn (từ 1802 khi vua Gia Long thống nhất đất nước đến năm 1862 khi vua Tự Đức nhường ba tỉnh miền Đông cho Pháp) và 25 năm dưới chế độ cộng sản, từ ngày 30-4-1975. Trong 473 năm qua chúng ta đã chỉ thống nhất được 85 năm. Thời gian thống nhất chưa bằng một phần tư thời gian chia cắt.

Mà cũng không phải chỉ có thế. Những năm chia cắt của nước ta lại thường là những năm xung đột đẫm máu, trong khi những năm thống nhất chỉ là thống nhất về mặt hành chánh, kết quả của những cuộc chiến thắng không đi đôi với một chính sách hòa giải và hòa hợp dân tộc. Chúng ta đã hai lần thống nhất, khi vua Gia Long tiêu diệt nhà Tây Sơn năm 1802 và khi quân cộng sản đánh bại miền Nam năm 1975. Trong cả hai lần, kẻ chiến thắng đều đã đặt ưu tư bình định lên trên hết cho nên đã chỉ quan tâm tiêu diệt mọi mầm mống chống đối. Cuối cùng thì, dù họ muốn hay không, kết quả cũng chỉ là những chính sách chiếm đóng. Dưới mắt người dân bình thường thì người Nam đã thống trị người Bắc sau năm 1802 và người Bắc đã thống trị người Nam sau năm 1975. Các nhà khoa bảng của ta, được nhào nặn qua hai ngàn năm văn hóa xơ cứng, giáo điều và nhai lại cũng không đảm nhiệm được vai trò soi sáng và hướng dẫn quần chúng, trong đại bộ phận họ chỉ chạy theo quần chúng và dùng những văn từ trau chuốt để minh họa những suy nghĩ sơ sài. Sự tị hiềm Nam Bắc cứ thế mà tiếp tục.

Địa lý của chúng ta cũng rất đặc biệt. Nước ta thành hình tại châu thổ sông Hồng, phía Đông giáp với biển, phía Bắc và phía Tây có dãy núi dày đặc và hiểm

trở vây bọc. Bắt đầu từ thiên niên kỷ thứ hai dân số đã gia tăng và nhu cầu tìm đất mới xuất hiện. Chúng ta là một dân tộc nông nghiệp sợ hải biển cả nên lối mở duy nhất là phía Nam. Cuộc Nam Tiến của dân tộc ta đã bắt đầu từ thời Lý, Trần và đã gia tăng mạnh mẽ từ khi Nguyễn Hoàng mở ra miền Nam, luồng di chuyển không bao giờ ngừng và gần đây chúng ta còn ghi nhận hai đợt di cư lớn: năm 1954 sau hiệp định Genève chia đôi đất nước, và từ năm 1975 sau khi đất nước thống nhất.

Đặc tính quan trọng của cuộc Nam Tiến mở nước này là nó đã chủ yếu do những người nông dân rất mộc mạc, đi về phía Nam để tìm đất sống. Những tấm áo nâu đã "đất diu nhau vào tới Cà Mau" như Phạm Duy mô tả. Những người di dân đầu tiên đã là những người "thực dân" đúng nghĩa, họ rời quê hương đi kiếm ăn ở đất mới. Giai đoạn "thực dân" này đã chấm dứt từ giữa thế kỷ 18, nghĩa là từ hơn hai thế kỷ nay, khi miền Nam được chính thức sát nhập vào lãnh thổ Việt Nam. Từ đó chỉ còn những người Việt Nam sống và di chuyển trên lãnh thổ Việt Nam. Phong trào di cư - nghĩa là thay đổi nơi cư trú trong cùng một nước khác với di dân là sự kiện rời một nước để sang một nước khác - từ miền Bắc và miền Trung đất hẹp người đông vào miền Nam chỉ là một sự tái phối trí dân cư cần thiết trong một quốc gia vừa thu nhận một vùng đất mới rộng lớn.

Tuy vậy, do đặc tính một chiều (từ Bắc vào Nam) của nó, những cuộc di cư này không khỏi đặt ra những vấn đề trong dân chúng. Người miền Nam luôn cảm thấy khó chịu vì bị làm phiền dù rằng chính mình cũng là người miền Bắc cách đây không bao lâu và cũng đã từng làm phiền những người đã có mặt trước. Đây là một tâm lý rất tự nhiên. Trong một toa xe lửa trước giờ khởi hành, có những người lên trước đã đặt xong hành lý và "ổn định" xong chỗ ngồi thì một đợt

hành khách khác lại đến. Đám hành khách cũ, dù chỉ mới lên tàu trước đó chừng nửa giờ thôi, cũng cảm thấy khó chịu với những người vừa lên. Sự khó chịu này kéo dài vài phút để rồi tất cả đều thành hành khách cũ và đều cảm thấy khó chịu với những người sắp lên cho đến khi toa tàu chuyển bánh. Vấn đề Nam Bắc của chúng ta cũng chỉ tương tự như vậy thôi. Những người miền Nam ghét "Bắc Kỳ" trong đại bộ phận cũng chỉ là "Nam Kỳ" từ một vài thế hệ thôi. Chính vì thế mà đã có những cụm từ ngộ nghĩnh: "Bắc Kỳ 40", ngày nay đã hoàn toàn trở thành Nam Kỳ thứ thiệt, "Bắc Kỳ 54", đã gần như được Nam Kỳ hóa, và "Bắc Kỳ 75", vẫn còn được coi là Bắc Kỳ thứ thiệt vì đến sau cùng. Chính vì các đợt di cư đã diễn ra theo một chiều, từ Bắc vào Nam, mà sự khó chịu cũng một chiều, nghĩa là người Nam khó chịu đối với người Bắc. Trong một mức độ nào đó, sự khó chịu này đã gia tăng do điều kiện xã hội của những người vừa tới: họ là những người nghèo khổ cùng cực tại một miền Bắc vốn đã nghèo, họ vào Nam với tất cả quyết tâm và thèm muốn để xây dựng một cuộc sống mới. Do thành phần xã hội, phần đông họ ít kiến thức, ít từng trải, lại sẵn sàng chấp nhận mọi cố gắng để làm giàu. Nói chung những người vừa khó thương vừa cạnh tranh một cách đáng lo ngại. Sự khó chịu của người Nam đối với người Bắc này là bình thường, như làn sóng di dân *phải có* từ Bắc vào Nam, nhưng về bản chất nó không phải là một sự kỳ thị. Nó đã chỉ biến thành một sự kỳ thị sau khi được các thế lực chính trị thổi phồng và khai thác. Phải nhận xét ngay rằng trong tiếng Việt "kỳ thị" là một tiếng rất nặng, chỉ dùng giữa những chủng tộc khác nhau. Khi nói tới "kỳ thị Bắc Nam" là một cách gián tiếp chúng ta đã nhìn nhận mức độ trầm trọng của vấn đề. Những âm mưu chia rẽ Bắc Nam này cũng đã được một thiểu số có đặc quyền đặc lợi tại miền Nam trực tiếp hoặc gián tiếp hưởng ứng.

Chúng ta sẽ thảo luận một cách thẳng thắn, nhưng trước hết cần ghi nhận một sự kiện. Mặc dầu đã bị chia cắt và đặt vào thế phân tranh đẫm máu trong gần suốt năm thế kỷ qua, người Việt ở miền Nam và miền Bắc vẫn rất giống nhau, gần gũi với nhau và đều rất gắn bó với sự thống nhất của đất nước. Sự kiện này quả

thực là một phép màu có một không hai trên thế giới. Điều này cần được đặc biệt nhấn mạnh.

### Trong một thế hệ nữa

Những thế lực nào đã dụng tâm chia rẽ người Nam và người Bắc?

Nếu ta chỉ giới hạn vào khoảng một thế kỷ rưỡi nay (những nguyên nhân lâu đời hơn coi như không còn tác dụng nữa) thì thủ phạm trước hết là người Pháp. Sau khi chiếm được miền Nam làm thuộc địa, người Pháp đã cố hết sức để tách sáu tỉnh miền Nam ra khỏi phần còn lại của đất nước, họ bịa đặt huyền thoại người Bắc gian xảo, tham lam, què mùa, phàm tục, thâm hiểm, phản trắc, v.v... để tạo tâm lý xua đuổi hỗ trợ cho chính sách ngăn cản di cư từ miền Bắc. Làn sóng di cư đã khựng hẳn lại từ khi người Pháp chiếm miền Nam cho đến khi thế chiến II bắt đầu. Những tính xấu được gán cho người Bắc rất mâu thuẫn đối với một người có suy nghĩ (làm sao có thể vừa què mùa vừa gian xảo?), nhưng tuyên truyền của người Pháp đã có hiệu lực bởi vì nó đã được sự hậu thuẫn của một thành công lớn về kinh tế. Dù ở dưới chế độ thuộc địa, người dân ở đây cũng đã sung túc và tự do hơn hẳn miền Trung và miền Bắc. Sáu tỉnh miền Nam nói chung hài lòng với chủ nhân mới, cho nên điều gì người Pháp nói cũng dễ lọt tai. Nhưng người Pháp không phải chỉ tuyên truyền để tách rời miền Nam, họ còn tạo ra một lớp người được ưu đãi để yểm trợ chính sách ly khai này. Các ông hội đồng, đốc phủ đầu tiên không thuộc tầng lớp có danh giá của xã hội cũ, họ là những người đã may mắn được người Pháp chọn và nâng đỡ. Họ gần người Pháp hơn người Việt, nhất là nếu họ lại là những người gốc Hoa mới tới miền Nam từ vài đời. Tôi có thể bảo đảm rằng nếu lục trong gia phả của một trí thức miền Nam kỳ thị người Bắc thì có ít nhất một sắc xuất 80% họ là con cháu của những ông hội đồng, bá hộ đầu tiên, những người mà cách đây khoảng 100 năm đã may mắn được người Pháp kéo ra khỏi sự nghèo khổ và đưa vào sự giàu sang.

Tầng lớp danh phận mới này đã kế thừa một cách hăng say chính sách chia rẽ Nam Bắc của người Pháp, họ vẫn tiếp tục bài xích người Bắc ngay cả sau khi người Pháp, vì đã áp đặt được sự thống trị trên toàn cõi Đông Dương, không còn

cần đến sự kỳ thị này nữa. Nên nhớ rằng khi mới bắt đầu chinh phục Đông Dương, người Pháp không phải chỉ cố gắng chia rẽ người Nam với người Bắc mà còn cố gây thù ghét giữa ba dân tộc Việt-Lào-Kampuchia, nhất là giữa người Lào-Kampuchia và người Việt.

Sau thế chiến II, khi người Pháp trở lại Đông Dương, họ hiểu ngay là không thể tái lập guồng máy thuộc địa trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Họ lại một lần nữa dựa vào thành phần danh phận mà họ đã tạo ra để hy vọng giữ được miền Nam và Kampuchia. Cả một phong trào "đánh Bắc Kỳ" được dấy lên mà nạn nhân chủ yếu là những người nghèo khổ được chuyển chỗ từ miền Bắc vào trước đó không lâu để làm phu trong những đồn điền cao su. Những người đáng thương này là những con dê tế thần cho một chính sách gây hấn với người miền Bắc để củng cố cái "Nam Kỳ Cộng Hòa Quốc" mà Pháp thành lập ngày 25-5-1946. Các thủ tướng, bộ trưởng của cái "Nam Kỳ Cộng Hòa Quốc" này dĩ nhiên đều thuộc thành phần danh phận do Pháp tạo ra.

Một thủ phạm khác là đảng cộng sản. Trong suốt cuộc chiến, những người lãnh đạo thực sự lực lượng cộng sản tại miền Nam đều là người miền Bắc hoặc miền Trung. Họ là những Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, Phạm Hùng, Nguyễn Chí Thanh, Nguyễn Văn Linh, Trần Độ, Trần Văn Trà, Hoàng Văn Thái, Võ Chí Công, v.v... nhưng họ giấu mặt. Những gương mặt mà họ đưa ra, những Nguyễn Hữu Thọ, Trịnh Đình Thảo, Huỳnh Tấn Phát, Trần Bửu Kiếm, Nguyễn Thị Bình, Nguyễn Văn Hiếu, Dương Quỳnh Hoa, v.v... đều là bù nhìn và đều thuộc thành phần danh phận cũ của miền Nam. Tuyên truyền cộng sản nhấn mạnh rất nhiều ở tính "miền Nam" của "Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam" và khai thác tối đa tính "Bắc Kỳ" của các chính quyền Ngô Đình Diệm và Nguyễn Văn Thiệu, dù rằng điều này hoàn toàn không đúng. [Ở đây xin mở một ngoặc đơn: riêng ông Diệm không những không ưu đãi người Bắc mà trái lại còn rất kỳ thị người Bắc. Trong những bổ nhiệm của bộ máy hành chính, một phương châm được gán cho ông Diệm là "Bắc NON (không), Trung OUI (được), Nam CHỜ". Trong quân đội, các sĩ quan gốc Bắc dù tài cán tới đâu cũng không được lên quá cấp trung tá.

Cuộc đảo chính ngày 11-11-1960 là do một nhóm sĩ quan gốc Bắc: Vương Văn Đông, Nguyễn Triệu Hồng, Nguyễn Huy Lợi, Phạm Văn Liễu, Nguyễn Văn Lộc, Phan Trọng Chinh... phản nộ vì thấy mình không có tương lai trong khi các sĩ quan xu nịnh chẳng có tài cán gì vẫn được thăng tiến nhanh chóng và với bản tính thượng đội hạ đạp một khi trở thành thượng cấp lại đối xử một cách hống hách và khinh miệt đối với họ. Cuộc binh biến này đã mở đầu tiến trình suy sụp của chính quyền Ngô Đình Diệm]. Xảo thuật tuyên truyền của đảng cộng sản đã ru ngủ được một số trí thức miền Nam. Những người này dù giữ những chức vụ khá quan trọng trong chính quyền Việt Nam Cộng Hòa, hay có những quyền lợi lớn ở Sài Gòn, vẫn gần với Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam hơn là với chính quyền Việt Nam Cộng Hòa đang sử dụng hoặc che chở họ. Cho đến giờ chót họ vẫn tin là có thể nói chuyện được với Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam (cùng người Nam với nhau cả mà!).

Đảng cộng sản còn có một trách nhiệm khác trong việc gây tị hiềm giữa hai miền Nam Bắc sau ngày 30-4-1975. Bề ngoài thì họ đã thống nhất đất nước, nhưng bề trong họ đã khơi lại mối tị hiềm Nam Bắc. Họ đã thực hiện một chính sách chiếm đóng, hạ nhục và bỏ tù tập thể đối với miền Nam. Nhưng lần này phải nhìn nhận là họ đã không cố ý gây chia rẽ Nam Bắc, trái lại họ còn tỏ ra lo sợ sự kỳ thị Nam Bắc. Họ đã chỉ hành động để áp đặt bộ máy cai trị cộng sản và tiêu diệt mọi mầm móng chống đối, nhưng mục tiêu này đã khiến họ phải dùng cán bộ mà họ đem từ miền Bắc vào. Do đó, dưới mắt một số người quan sát hời hợt, hay cố tình quan sát hời hợt, "người Bắc" đã thống trị "miền Nam", vơ vét của cải và khiến miền Nam suy sụp.

Trong suốt lịch sử của tị kỳ thị, trừ giai đoạn hai mươi lăm năm gần đây, kể giạt đây có thể là thực dân Pháp hay là đảng cộng sản, nhưng đội ngũ cán bộ của nó bao giờ cũng là một: đó là một lớp trưởng giả mà người Pháp tạo ra cách đây hơn một thế kỷ, lớp người này lưu truyền qua các thế hệ. Họ chỉ là một thiểu số rất nhỏ, nhưng ở mỗi giai đoạn do địa vị xã hội, họ lôi kéo được một số quần chúng đông hơn. Thế hệ đầu kỳ thị theo mệnh lệnh và vì mặc cảm, các thế hệ sau kỳ thị

vì quyền lợi. Cần phải nói ngay rằng ngay trong giới trí thức miền Nam, những người kỳ thị cũng chỉ là một thiểu số và trong thâm tâm chính họ cũng không thù ghét người Bắc, họ chỉ khai thác tâm lý kỳ thị để đưa vào đặc tính "Nam Kỳ" của mình mà giành thế thượng phong. Về bản chất đây chỉ là một cạnh tranh không đúng đắn mà thôi. Nhưng loại người này đang ngày càng ít đi, rất khó mà tìm thấy thái độ phân biệt Nam Bắc, chưa nói tới kỳ thị, nơi những thanh niên dưới 30 tuổi. Tâm lý kỳ thị đang chấm dứt và sẽ chấm dứt hẳn trong vòng một thế hệ nữa.

### Thoảng nghĩ đã rùng mình

Chúng ta sẽ còn thấy rõ hơn sự giả tạo của hiện tượng kỳ thị Bắc Nam khi quan sát con người Việt Nam trên khắp lãnh thổ. Người miền Bắc và miền Nam giống nhau một cách kỳ lạ. Dù trải qua gần bốn thế kỷ phân tranh trong năm thế kỷ vừa qua, chúng ta vẫn có chung một ngôn ngữ, phát âm có thể hơi khác nhau nhưng chữ viết vẫn là một. Tỷ lệ của các tôn giáo ở cả ba miền trước năm 1954 cũng giống nhau (sau 1954, vì đã có gần một triệu người công giáo di cư vào Nam và sau đó đảng cộng sản thực hiện chính sách bóp nghẹt các tôn giáo tại miền Bắc, tình trạng của các tôn giáo ở hai miền mới khác nhau). Thái độ của người Nam và người Bắc đối với cuộc chiếm đóng của người Pháp cũng không khác nhau. Ở đây phải nói đại bộ phận sĩ phu miền Nam đã không chấp nhận sự chiếm đóng của người Pháp, thành phần danh phận mà Pháp tạo ra, và sau này là chủ lực của khuynh hướng kỳ thị, là những thường dân may mắn được Pháp chiếu cố, nhưng một phần đáng kể con cái của họ cũng phản đối họ để đứng vào hàng ngũ chung của dân tộc.

Người Bắc và người Nam cũng có cùng một thái độ đối với phong trào cộng sản và ngược lại đảng cộng sản cũng có cùng một chính sách đối với miền Bắc và miền Nam, nếu không muốn nói là họ còn khắc nghiệt hơn đối với miền Bắc.

Nghĩ rằng "miền Bắc" đã khống chế "miền Nam" sau năm 1975 là rất sai. *Đó chỉ là đảng cộng sản khống chế nhân dân Việt Nam.* Sự khống chế này đã diễn ra trước tại miền Bắc năm 1954 và sau đó tại miền Nam từ 1975 trở đi. Đảng cộng sản đã tàn bạo tại miền Bắc gấp nhiều lần tại miền Nam. Những đợt "cải tạo tư

sản" tại miền Nam sau 1975 không thấm thía gì so với những đợt cải cách ruộng đất tại miền Bắc. Hàng vạn người đã bị giết trong một cuộc tàn sát đẫm máu. Việc "tập trung cải tạo" các sĩ quan và viên chức của "ngụy quân, ngụy quyền" ở miền Bắc sau năm 1954 cũng tàn bạo hơn ở miền Nam sau năm 1975, chỉ có khác là số nạn nhân ít hơn vì phần lớn quân nhân và công chức phe quốc gia đã di tản vào Nam. Cũng đừng nên quên rằng sau ngày 30-4-1975 thành phần bị chế độ cộng sản ngò vục và ngược đãi nhất không phải là những người gốc miền Nam, mà là những người đã di cư từ Bắc vào Nam năm 1954. Chính sách đàn áp của chế độ cộng sản không phân biệt Nam Bắc, nó nhắm trước hết vào những người mà chế độ tin rằng không chấp nhận chủ nghĩa cộng sản.

Trong suốt ba mươi năm phân tranh (1945-1975), chọn lựa của nhân dân miền Bắc và miền Nam cũng không khác nhau bao nhiêu. Thành phần ủng hộ cộng sản tại miền Bắc không đông hơn miền Nam. Nếu lực lượng cộng sản đã chống trả được quân lực Việt Nam Cộng Hòa với sự ủng hộ mãnh liệt của Hoa Kỳ thì trước hết là nhờ sự kiên trì của những người cộng sản miền Nam. Người miền Bắc chống chủ nghĩa cộng sản không kém người miền Nam. Trong một nửa thế kỷ qua, từ 1954, những cuộc phản kháng qui mô nhất đối với chế độ cộng sản đã xảy ra tại miền Bắc. Vụ nổi dậy ở Quỳnh Lưu, vụ phản kháng Nhân Văn Giai Phẩm của trí thức, văn nghệ sĩ trong những năm 1955-1956 là những sự kiện chưa hề có tại miền Nam sau 1975. Sau 1975, vụ nổi dậy lớn nhất cũng vẫn là ở miền Bắc, tại Thái Bình trong mùa hè 1997. Hiện nay các trí thức dân chủ tại Hà Nội cũng đông đảo và tích cực không kém các trí thức dân chủ miền Nam. Người trí thức phản kháng kiên trì và đang gặp nhiều khó khăn nhất trong lúc này là Hà Sĩ Phu, một "Bắc Kỳ 75".

Đảng cộng sản đã cai trị miền Bắc 20 năm trước miền Nam, số đảng viên cộng sản miền Bắc dĩ nhiên là phải đông đảo hơn tại miền Nam, nhưng sự gia nhập đảng trong hầu hết mọi trường hợp là vì tiện ích cá nhân chứ không do một chọn lựa chính trị. Ngày hôm nay nếu có bầu cử tự do thì chắc số người bỏ phiếu cho đảng cộng sản tại miền Bắc sẽ đông hơn, vì họ là đảng viên cộng sản hay vì thuộc

gia đình đảng viên, nhưng nhiều hơn miền Nam không có nghĩa là đa số. Tôi đã thăm dò khá nhiều người, trong đó có cả những đảng viên cộng sản ở cả hai miền, kết luận của tôi là đảng cộng sản sẽ được tới đa 5% tại miền Nam và 10% tại miền Bắc, nghĩa là sẽ thảm bại ngay trong cuộc bầu cử đầu tiên trên cả hai miền. Đó là lý do tại sao họ sợ bầu cử tự do.

Người Việt ở hai miền không những phản ứng như nhau trước các biến cố lịch sử, mà họ còn hòa trộn với nhau một cách dễ dàng. Chỉ một vài năm sau 1954 các cuộc hôn nhân Nam Bắc đã trở thành thông thường. Điều kiện địa lý và kinh tế của hai miền khác nhau dĩ nhiên phải phản ánh trên tập quán và lối sống, nhưng người dân hai miền chấp nhận nhau và thích nghi với nhau nhanh chóng hơn mọi dự đoán. Một thanh niên Việt Nam ngày nay khi chọn bạn, chọn vợ, chọn chồng không bao giờ còn quan tâm đến vấn đề Nam Bắc.

Sự hòa trộn dễ dàng này, mặc dầu cần nhắc lại là chúng ta đã phân tranh gần hết năm thế kỷ qua, có một giải thích: chúng ta là một dân tộc tương đối khá thuần nhất về chủng tộc và văn hóa. Những cuộc di dân và di cư từ Bắc vào Nam là một trào lưu mở nước và khai phá đất mới của một dân tộc chứ không phải là sự chinh phục một dân tộc do một dân tộc khác.

Những va chạm trong đời sống, dĩ nhiên không tránh khỏi, do nếp sống khác nhau lúc ban đầu, nhưng đã được khắc phục nhanh chóng. Sự hòa hợp Bắc Nam là một tiến trình gần như đã hoàn tất và chắc chắn sẽ hoàn tất nhanh chóng vì nguyên nhân đã tạo ra nó đã chấm dứt: làn sóng di cư từ Bắc vào Nam từ nay không đáng kể nữa, miền Nam không còn khả năng nhận thêm người và vào Nam cũng không còn hấp dẫn. Sự phân phối dân chúng trên toàn lãnh thổ đã tạm ổn định.

Đồng thời với sự chấm dứt của phong trào di cư, các phương tiện giao thông và truyền thông lại không ngừng phát triển, đem các miền đất nước lại gần nhau và đem con người lại với nhau. Nước non nghìn dặm không còn xa lạ nữa. Đất nước đang chuyển mình dù chế độ này muốn hay không, lịch sử cũng đang nhanh chóng tiến tới. Những tâm lý phân cách sẽ mau chóng bị đào thải và

những kết hợp không vượt khỏi tinh thần địa phương cũng sẽ mau chóng trở thành tiền sử.

Dĩ nhiên chúng ta vẫn còn nhiều cố gắng phải làm để đi đến thống nhất thực sự trong cuộc sống và trong lòng người. Nhưng cái giá phải trả cho cố gắng đó không là gì cả so với cái giá phải trả cho sự phân chia đất nước một lần nữa.

Có những người, như tôi, sẽ không biết lý lịch của mình. Tôi di cư vào Nam lúc chưa đầy 12 tuổi. Tôi lớn lên và làm việc tại miền Nam, chịu số phận chung của miền Nam sau 1975. Vợ tôi là người miền Nam. Các con tôi không Bắc không Nam mà chỉ là người Việt, những người như tôi không phải là ít. Rồi những người có cha mẹ miền Bắc nhưng sinh ra ở trong Nam. Hàng triệu cặp vợ chồng Nam Bắc và con cái họ, hàng chục triệu tình bạn vượt lên mọi ranh giới địa phương, và hàng triệu thanh niên Việt Nam sinh ra tại hải ngoại, không Bắc cũng không Nam mà chỉ là người Việt. Chỉ cần thoáng nghĩ đến hậu quả của chia cắt cũng đã thấy rùng mình. Đất nước đã thống nhất và sẽ thống nhất mãi mãi.

### **Nước non nghìn dặm, nước non rộng lớn**

Nhưng làm thế nào để đẩy mạnh tiến trình thống nhất?

Bắt buộc thứ nhất là dân chủ. Dân chủ để có chỗ đứng và tiếng nói ngang nhau cho mọi người và cho mỗi người. Khi những chèn ép chấm dứt thì một nguyên nhân quan trọng của mọi tệ hiềm, kể cả tệ hiềm Nam Bắc, cũng chấm dứt theo. Trong hiện tại chính sự đoàn kết trong một cuộc đấu tranh chung cho dân chủ cũng là một yếu tố đoàn kết. Chúng ta không có chọn lựa giữa dân chủ và thống nhất, trái lại chúng ta chỉ có một chọn lựa: dân chủ hóa để thống nhất.

Bắt buộc thứ hai là một nhà nước nhẹ, nhường chỗ đứng tối đa cho xã hội dân sự. Sở dĩ người miền Nam bực bội là vì, nói chung, họ không thích và cũng không có khiếu làm chính trị trong khi cho tới nay chính quyền chế ngự tất cả. Có quyền là có tất cả. Tất cả mọi danh vọng và tất cả mọi quyền lợi. Nếu ngược lại, chính trị chỉ là một trong những chức năng, danh giá được phân chia đồng đều cho mọi vai trò trong xã hội thì tình thế sẽ thay đổi hẳn. Và đất nước cũng mạnh

lên vì được sự đóng góp tốt đẹp của mọi miền. Miền Bắc sẽ cống hiến những thành tựu lớn về văn học nghệ thuật, miền Trung sẽ cung cấp những công chức mẫn cán, trong khi tại miền Nam sẽ xuất hiện những nhà kinh doanh lớn. Mỗi miền và mỗi người sẽ thi thố sở trường của mình để đóng góp cho một đất nước trong đó mọi người, dù ở cương vị nào, cũng đều vinh quang như nhau.

Bắt buộc thứ ba là tinh thần đa nguyên. Khi đã chấp nhận tinh thần đa nguyên thì mọi khác biệt về tập quán, cách suy nghĩ và làm việc lập tức trở thành không quan trọng.

Bắt buộc thứ tư là tản quyền để tiến tới một thể chế tương tự như một liên bang cho phép mỗi miền tự do tổ chức sinh hoạt của mình một cách phù hợp nhất với hoàn cảnh địa lý và nhân văn riêng. Khi các vùng không còn cảm thấy bị trói buộc và kèm kẹp nữa thì họ cũng không còn lý do để bực bội với chính quyền trung ương và với những vùng còn lại của đất nước. Không nên sợ những ý đồ ly khai, khuynh hướng áp đảo hiện nay không phải là ly khai mà là kết hợp để tạo ra những không gian sinh hoạt lớn hơn. Cũng đừng nên sợ tinh thần địa phương, đó là bước đầu của tinh thần dân tộc nếu được thể hiện một cách đúng đắn.

Nhưng quan trọng hơn hết vẫn là một ý niệm mới về đất nước. Quốc gia phải được quan niệm lại như một không gian liên đới và một dự án tương lai chung trong đó mọi người và mọi vùng phát huy được những khả năng độc đáo của riêng mình và cũng hưởng dụng được những đóng góp khác, tất cả hướng tới xây dựng một niềm tự hào chung và những quyền lợi chung. Trong đất nước ấy nơi sinh, và cả nơi sống, đều không có bất cứ một tầm quan trọng nào.

Nếu được quan niệm và tổ chức như thế thì nước non nghìn dặm sẽ không còn là đất nước xa xôi và xa lạ mà sẽ là đất nước rộng lớn, rộng lớn từ Nam Quan đến Cà Mau, từ đất liền ra các hải đảo, từ Thái Bình đến California và rộng lớn bằng tình cảm dân tộc, bao gồm mọi người thuộc mọi miền và cả những người ở nước ngoài cùng theo đuổi một dự án tương lai chung là xây dựng với nhau một nước Việt Nam mà ai cũng có thể yêu và tự hào.

**Nguyễn Gia Kiểng**

## Kinh tế Việt Nam trước tiến trình toàn cầu hóa

Nguyễn Ngọc Hiệp

Toàn cầu hóa là một tiến trình đang diễn ra trên toàn thế giới mà trọng tâm ban đầu là mở rộng trao đổi sản xuất và thương mại, tự do hóa sự lưu chuyển hàng hóa, dịch vụ, tư bản và công nghệ. Ngày nay toàn cầu hóa gần như bao trùm mọi sinh hoạt kinh tế, xã hội, kỹ thuật, văn hóa, tài chính, tiền tệ, chính trị, xã hội dân sự, quản lý quốc gia, bảo vệ môi sinh, v.v... Theo đà này toàn cầu hóa sẽ dẫn tới sự thành lập một thị trường kinh tế-tài chính thế giới tương đối hợp nhất, một khuôn mẫu tổ chức kinh tế-xã hội theo một quy luật chung cho tất cả các nước và có thể sẽ tạo nên một xã hội dân sự toàn cầu (sự bành trướng của các tổ chức phi chính phủ là một dấu hiệu).

Về mặt lịch sử, toàn cầu hóa đã khởi phát cùng với sự phát triển của những đại công ty tại những quốc gia tư bản tiên tiến. Hiện tượng này thể hiện rõ nét từ đầu thập niên 80 với sự trưởng thành của những đại công ty biến thành những công ty đa quốc gia (1). Và từ mười năm nay, do sự tiến bộ nhanh chóng của ngành tin học cùng kỹ thuật nối kết và truyền thông dữ kiện, tiến trình toàn cầu hóa phát triển với một tốc độ nhanh, không một quốc gia nào không chịu sức ép của nó. Cường độ của tiến trình không dịu xuống mà còn, trái lại, gia tăng hơn trước, cả về bề rộng lẫn chiều sâu. Sinh hoạt của dân chúng trong mỗi nước trên thế giới đều bị ảnh hưởng bởi tiến trình toàn cầu hóa.

Toàn cầu hóa tuy có cho phép các quốc gia, các dân tộc, các tập thể có hy vọng lập nên những thành tích mới, nhưng cũng có những đe dọa của nó. Thực tế cho thấy, quốc gia nào có trình độ tự do dân chủ cao, nền kinh tế và tổ chức xã hội dân sự năng động (thí dụ các nước G7) đều thành công ít hoặc nhiều trong việc chuyển sức ép của toàn cầu hóa thành vận hội mới để củng cố sản xuất, tăng cường thương mại, đưa kinh tế-xã hội tiến cao hơn nữa, bảo đảm phồn vinh và hạnh phúc cho dân tộc. Chúng ta đã từng chứng kiến những quốc gia khởi đầu là chậm tiến nhưng

nhờ đã chọn tự do kinh tế và áp dụng kỹ thuật quản lý tương xứng đã, trong vòng 20-25 năm hoặc ngắn hơn, tiếp cận và vượt qua các thử thách của toàn cầu hóa. Đó là trường hợp của Đài Loan, Singapore, Đại Hàn, Mã Lai, Chili, Ba Lan, Thổ Nhĩ Kỳ, Mexique, v.v...

Nước Việt Nam của chúng ta thì không may mắn chút nào. Chính sách "đổi mới", mở cửa ra thế giới bên ngoài từ 1987 đã chỉ giúp kinh tế Việt Nam "tinh dương" và "hồi sức" sau những năm bị kèm chế, nhưng trước tiến trình toàn cầu hóa trên thế giới và trong khu vực, chúng ta đã thua thiệt một cách đáng lo ngại. Với những người lãnh đạo không sáng suốt và những chính sách không thúc thời như hiện nay thì Việt Nam khó có thể đương đầu trước những thử thách của tiến trình toàn cầu hóa để đưa đất nước đi lên.

### Nguồn gốc và tiến trình của sự toàn cầu hóa

Toàn cầu hóa biểu hiện một giai đoạn phát triển mới của chủ nghĩa tư bản nhằm mở rộng phạm vi hoạt động, tăng cường ảnh hưởng và nâng cao hiệu suất. Sau thế chiến thứ hai, các chế độ thuộc địa tan vỡ, hệ thống kinh tế thế giới không đồng nhất, một bên là khối kinh tế tự do của các nước tư bản và bên kia là Hội Đồng Tương Trợ Kinh Tế gồm các nước cộng sản Đông Âu (CMEA). Chỉ một thời gian ngắn sau, khối kinh tế tự do đã có những thay đổi quan trọng.

Do yêu cầu hợp tác kinh tế và phát triển sản xuất và thương mại, khối kinh tế tự do đã kết hợp lại, mở đầu bằng Cộng Đồng Than và Thép (CECA), rồi Cộng Đồng Châu Âu (EEC), Hiệp Hội Buôn Bán Tự Do Châu Âu (EFTA), v.v... Trong khung cảnh đó, các nền kinh tế tư bản đã dần dần hạ thấp các hàng rào thương mại và thuế quan, tháo gỡ các hạn chế giao lưu hàng hóa, dịch vụ, tư bản và công nghệ. Các tư bản quốc gia sở tại có điều kiện thuận lợi để lớn mạnh, các công ty quốc gia bành trướng và trở thành quốc tế, rồi toàn cầu,

đa quốc gia, xuyên quốc gia. Trong thập niên 80, những công ty đa quốc gia đã đóng vai chính trong việc phát triển trao đổi sản xuất và thương mại trên thế giới, thúc đẩy phát triển kinh tế thị trường, tăng cường quan hệ hợp tác và thúc đẩy tiến trình toàn cầu hóa.

Tiến trình toàn cầu hóa buộc các thị trường trên thế giới mở rộng hơn trước để lưu lượng hàng hóa và tư bản trao đổi giữa các nước ngày càng thêm. Hiện nay, số lượng tư bản lưu chuyển trên toàn cầu khoảng 1.500 tỷ USD mỗi ngày, cao gấp 70 lần trị giá hàng hóa và dịch vụ trao đổi. Cùng với những chuyển biến kinh tế, thương mại và tài chính này, tự do dân chủ trở nên phổ cập trên toàn thế giới. Năm 1980, 37 trong tổng số 121 quốc gia trên thế giới, với 35% dân số toàn cầu, được xếp vào hạng có dân chủ; năm 1999, 117 trong tổng số 193 quốc gia trên thế giới, với 54% dân số, theo chế độ dân chủ.

Sự bùng nổ của lượng thông tin và kiến thức buộc các mô hình phát triển kinh tế-xã hội mẫu mực trước kia phải duyệt lại xét lại phương hướng để kịp thời thích hợp nếu không muốn bị đào thải. Các định chế lớn như nhà nước, quốc gia cũng bị tấn công từ mọi phía (2). Biên giới giữa các quốc gia đang bị xóa bỏ để sự giao lưu được dễ dãi và tự do hơn. Giá trị và ý niệm về quyền dân tộc tự quyết không còn tính tuyệt đối. Chủ quyền quốc gia cũng đã thu hẹp lại. Tổ chức nhà nước và quản lý quốc gia cũng chuyển đổi thích hợp.

Nhưng sự toàn cầu hóa không có tính tuyệt đối. Chúng ta đã thấy thành lập những liên minh khu vực đối trọng với toàn cầu hóa. Sự hình thành của các khối hợp tác khu vực như Liên Minh Châu Âu (EU), Khu Vực Tự Do Mậu Dịch Bắc Mỹ (NAFTA), Hiệp Hội các Quốc Gia Đông Nam Á (ASEAN), Diễn Đàn Hợp Tác Kinh Tế Châu Á Thái Bình Dương (APEC), Khu Vực Mậu Dịch Tự Do (ASEAN Free Trade Area) xuất phát từ yêu cầu hòa nhập vào khu vực, lấy thế của liên kết khu vực để hòa nhập dễ dàng hơn vào cộng đồng thế

giới, giảm thiểu các đe dọa và thử thách của tiến trình toàn cầu hóa.

Kết quả là các nền kinh tế quốc gia được tổ chức trên qui mô vừa khu vực lẫn toàn cầu. Các nền kinh tế dựa vào nhau, liên kết với nhau, xâm nhập lẫn nhau, tùy thuộc vào nhau để phát triển. Nhìn chung, cả toàn cầu hóa lẫn liên minh khu vực đều xây dựng theo mô hình mở thuận lợi cho quan hệ giao lưu hợp tác nhiều hơn giữa các nước. Đó là hướng chủ đạo của nền kinh tế thế giới và các kinh tế khu vực trong tiến trình toàn cầu hóa.

### **Những lợi ích, đe dọa và thử thách của tiến trình toàn cầu hóa**

Trên bình diện thế giới, toàn cầu hóa đã đem lại phần vinh, tiến bộ cho loài người. Nó tạo ra một làn sóng cải cách tích cực về kinh tế, xã hội, chính trị, giáo dục, văn hóa ở khắp mọi nơi, tại các nước phát triển cũng như các nước đang phát triển, các nước tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa, các nước có tự do dân chủ cao hoặc thiếu dân chủ. Nhờ vậy, nói chung, kinh tế thế giới đã có những bước tiến rõ rệt. Sinh hoạt sản xuất và thương mại trở nên sôi động, những sáng chế khoa học công nghệ được thương mại hóa nhanh chóng, các phương pháp quản lý được kiện toàn, các tư liệu sản xuất được tận dụng. Tất cả đã tạo ra một hiệu ứng tổng hợp tác động thuận lợi cho sự phát triển của nền kinh tế thế giới.

Về mặt chính trị và xã hội, toàn cầu hóa đã có những tác động quan trọng đáng chú ý là: ý niệm về chủ quyền quốc gia, quyền dân tộc tự quyết cũng như phạm vi hành sử các quyền này đang thay đổi và ngày càng dựa theo những chuẩn mực quốc tế. Trong lãnh vực kinh tế, sự tham gia của các nước vào các liên minh kinh tế khu vực hoặc toàn cầu (WTO) là một chứng minh. Quyền hạn của các nhà nước trên thế giới bị thu hẹp lại, xã hội dân sự có một vai trò và trách nhiệm đáng kể trong việc quản lý quốc gia.

Các quyền cơ bản của con người ngày càng được thể hiện một cách cụ thể hơn trên toàn thế giới, nhất là tại những nước thiếu tự do dân chủ. Với những phát minh và tiến bộ của tin học và truyền thông, tự do thông tin đã thực sự

bành trướng tại mỗi nước trên toàn cầu và đã phần nào ảnh hưởng đến việc tôn trọng và bảo đảm các quyền về con người.

Các nước đã phát triển hoặc còn chậm tiến, đã có dân chủ hoặc còn thiếu dân chủ, đều buộc phải cải tiến cơ cấu nhà nước, tổ chức chính quyền và phương thức quản lý quốc gia. Tính đa nguyên và phụ thuộc lẫn nhau, tinh thần hợp tác và đối thoại, mô hình tổ chức mở và năng động là những yếu tố chủ yếu quyết định sự thành công của những thay đổi vừa nêu (3).

Toàn cầu hóa đặt trọng tâm vào việc phát triển con người, thiết lập những định chế tổ chức chính trị và xã hội và khuôn khổ pháp luật năng động có hiệu suất cao. Đó là những đòi hỏi tối thiểu, cần thiết và thuận lợi cho sự hòa nhập vào tiến trình toàn cầu hóa, chuyển những thử thách thành cơ hội để phát triển bền vững, xây dựng xã hội tiến bộ.

Toàn cầu hóa tạo ra một hệ thống quản lý quốc gia gồm ba thành phần: nhà nước, tư nhân và xã hội dân sự. Hệ thống này đòi hỏi sự tham gia tích cực của người dân, có một chế độ pháp trị công bằng, sự trong sáng trong quản lý và tinh thần trách nhiệm trong việc giải trình các vấn đề.

Tiến trình toàn cầu hóa tuy có tạo sự lạc quan và thúc giục những cải tổ để có phát triển, nhưng nó cũng đặt cho các nước chậm tiến nói chung, cho Việt Nam nói riêng, nhiều vấn đề nan giải mà quan trọng nhất là cách biệt giàu nghèo ngày càng lớn rộng giữa các quốc gia. Phúc trình năm 1999 về phát triển con người của UNDP cho biết trên thế giới sự cách biệt giữa thu nhập đầu người của 20% dân số có mức sống cao nhất với 20% dân số đói nghèo nhất là 74/1 năm 1997 so với 60/1 năm 1990, 30/1 năm 1960 (4).

Tình trạng mất cân đối liên tục về tài chính của những quốc gia chậm tiến khiến số nợ nước ngoài ngày càng tăng và không trả nổi, nỗ lực huy động vốn trong nước thiếu hiệu quả, khả năng thu hút và tận dụng vốn quốc tế còn thấp.

Trong tiến trình toàn cầu hóa, ưu thế về tài nguyên thiên nhiên, giá lao động rẻ, chế độ thuế khóa ưu đãi để thu hút đầu tư ngày càng ít hấp dẫn. Thay vào đó là ưu thế về kỹ thuật, tri thức, khoa

học công nghệ, khung cảnh luật pháp, tổ chức năng động, tự do kinh tế, xã hội dân sự, quản lý quốc gia ngày càng có tầm quan trọng lớn hơn. Xây dựng môi trường hấp dẫn đầu tư dựa trên các yếu tố này là một thử thách vô cùng gay go.

Ngay trong nội bộ các nước như Việt Nam, Trung Quốc, v.v... chênh lệch giàu nghèo gia tăng một cách đáng ngại. Tiến trình toàn cầu hóa không giúp mức sống của các thành phần xã hội gia tăng đồng đều. Mặc dù Việt Nam có những chương trình xóa đói giảm nghèo, ổn định việc làm, bảo trợ xã hội, giáo dục cơ sở, phát triển nông thôn, v.v... nhưng trong xã hội còn đầy đầy bất công, đe dọa sự phát triển ổn định và hài hòa cần thiết.

Guồng máy quản lý nhà nước của Việt Nam còn quá cồng kềnh, không thích hợp với tiến trình toàn cầu hóa mà trong đó khu vực tư nhân và xã hội dân sự cần giữ một vai trò quan trọng. Ngoài ra, vì các hệ thống ngày càng mở và mọi sinh hoạt kinh tế xã hội đều do quy luật thị trường điều tiết nên một tổ chức nhà nước cồng kềnh trở nên thiếu năng động. Các yếu tố cần thiết để tạo sự hội nhập thuận lợi vào tiến trình toàn cầu hóa của Việt Nam hoặc chưa có hoặc chưa đủ.

### **Tự do kinh tế và toàn cầu hóa**

Như đã nói, toàn cầu hóa xuất phát từ yêu cầu có một hệ thống kinh tế mở để tăng cường sản xuất, phát triển thương mại, đem lại phần vinh và tiến bộ. Toàn cầu hóa đòi hỏi phải có tự do trao đổi, tự do chuyển nhượng, tự do thương mại, tự do sản xuất, tự do đầu tư, v.v... trong mục đích nâng cao hiệu suất kinh tế, cải thiện mức sống và đem lại phúc lợi cho mọi người.

Tự do kinh tế là một giá trị nền tảng của toàn cầu hóa. Nó là động cơ thúc đẩy kinh tế phát triển. Nó bao hàm mọi quyền tự do cơ bản, đồng thời đòi hỏi nhà nước hạn chế mọi tham gia trực tiếp vào sản xuất và thương mại, và chuyên lo bài trừ buôn lậu, tham nhũng và hối lộ, không được cạnh tranh với tư nhân và không trở thành một gánh nặng cho kinh tế quốc gia bởi chế độ thuế khóa cao. Để tiếp cận đúng đắn và hội nhập thuận lợi vào tiến trình toàn cầu hóa chỉ có một con đường duy nhất đó là bảo



đảm tự do kinh tế.

Ảnh hưởng tích cực của tự do kinh tế lên sự phát triển kinh tế và việc hội nhập vào tiến trình toàn cầu hóa đã được thực tế chứng minh qua nhiều công trình nghiên cứu của nhiều trung tâm nghiên cứu và học giả trên thế giới. Đặc biệt các nghiên cứu của Fraser Institute và Heritage Foundation (5) đã đi tới những kết luận giống nhau như sau :

- Tự do kinh tế là cơ sở của sự tăng trưởng và phồn vinh kinh tế, quốc gia nào mà người dân có quyền tự do kinh tế càng nhiều thì về lâu về dài có tỷ lệ phát triển kinh tế càng cao;

- Những quốc gia nào có nhiều tự do kinh tế đều có một nền kinh tế phồn vinh hơn những quốc gia có ít tự do kinh tế;

- Công dân một quốc gia được hưởng nhiều tự do kinh tế có thu nhập và mức sống cao hơn công dân một quốc gia bị hạn chế về tự do kinh tế;

- Tự do kinh tế giúp nền kinh tế của một nước tăng trưởng nhanh và có nhiều khả năng cạnh tranh. Nó còn giúp đầu tư có hiệu suất cao, hạ thấp tỷ số ICOR (Incremental Capital Output Ratio);

- Tự do kinh tế có khả năng hạn chế tham nhũng và hối lộ, càng hiệu quả hơn nếu pháp luật được công minh.

Quá trình phát triển kinh tế của những nước có truyền thống tự do dân chủ lâu đời (Hoa Kỳ, Pháp Quốc, Anh Quốc, Hà Lan, Bỉ Quốc, Thụy Sĩ, v.v...), kinh nghiệm đáng chú ý của những nước từ hạn chế tự do dân chủ sang thiết lập tự do kinh tế rồi tiến tới chế độ dân chủ một cách rõ ràng và dứt khoát (Argentina, Bồ Đào Nha, Islande, Chili, v.v...) và những thí dụ thành công của Hồng Kông, Singapore, Đài Loan, Mã Lai, Thái Lan, v.v... chứng minh rằng tự do kinh tế là điều kiện không có không được nếu muốn chuyển những thử thách của toàn cầu hóa thành vận hội mới.

Lấy thí dụ Hồng Kông, kể từ 1970 khi Fraser Institute bắt đầu xếp hạng các nước theo chỉ số tự do kinh tế, Hồng Kông luôn đứng hàng đầu một cách rõ rệt. Từ năm 1990 trở về sau, Singapore cũng đạt được chỉ số tự do kinh tế tương đương với Hồng Kông. Theo Heritage Foundation, lúc trung tâm nghiên cứu này bắt đầu tính chỉ số tự do kinh tế của các nước năm 1995, Hồng Kông và

Singapore luôn luôn xếp hàng đầu về tự do kinh tế. Theo ước tính của hai trung tâm nghiên cứu về khả năng cạnh tranh kinh tế (6), từ 5 hay 6 năm gần đây, Hồng Kông và Singapore là 2 trong 5 nước đứng đầu có khả năng cạnh tranh cao nhất trên thế giới. Lợi tức bình quân đầu người của Singapore đứng hàng thứ 9 trên thế giới, Hồng Kông thứ 21.

Tóm lại, tự do kinh tế ảnh hưởng tích cực giúp kinh tế tăng trưởng và có lợi thế so sánh, công nghệ trở nên tiên tiến, xí nghiệp giành ưu thế thương mại và có nhiều khả năng cạnh tranh. Tự do kinh tế cho phép hội nhập thành công vào tiến trình toàn cầu hóa và đưa đất nước tiến lên văn minh và giàu mạnh.

### **Tự do kinh tế và vấn đề hội nhập vào tiến trình toàn cầu hóa của Việt Nam**

Theo kết quả nghiên cứu của Heritage Foundation thì hiện nay Việt Nam, xét về phương diện tự do kinh tế, đứng hàng thứ 148 trong danh sách 161 quốc gia trên thế giới. Tài liệu còn cho biết mức độ tự do kinh tế của Việt Nam năm 2000 không thay đổi so với 1999, và nếu nhìn quá trình từ 1995 tới nay thì tình trạng tự do kinh tế chỉ được cải thiện một cách chậm chạp và rất khiêm tốn. Mức độ tự do kinh tế thấp là một trong những nguyên do giải thích tại sao thu nhập đầu người của Việt Nam đứng vào hạng thứ 180 trên tổng số 210 quốc gia và lãnh thổ trên thế giới, và thứ 164 nếu tính theo mãi lực của đồng tiền và lợi tức (7). Xét theo chỉ số tổng hợp về phát triển con người, Việt Nam đứng vào hạng 122 trong danh sách 174 nước của UNDP.

Ở Việt Nam, những quyền căn bản của con người bị chà đạp một cách trắng trợn. Trung tâm nghiên cứu Freedom House, sau khi phân tích và so sánh các quyền chính trị và quyền dân sự của 193 quốc gia và lãnh thổ trên thế giới năm 1999, đã xếp Việt Nam là một trong số 13 nước không có dân chủ, dân quyền. Vẫn theo Freedom House, trong năm 2000 số nước này giảm xuống còn có 5 và Việt Nam vẫn tiếp tục có tên trong số 5 quốc gia đó (8)!

Từ hơn ba năm nay kinh tế Việt Nam bị tắc nghẽn, tình trạng này sẽ tiếp tục cho tới khi nào chính quyền Việt Nam chọn lựa hội nhập dứt khoát vào

tiến trình toàn cầu hóa. Điều kiện tiên quyết của sự hội nhập này là bảo đảm tự do kinh tế. Mức độ tự do kinh tế tối thiểu phải là: cá nhân có quyền sở hữu, được tự do thành lập công ty, sản xuất và thương mại, trao đổi tư liệu sản xuất, hàng hóa và dịch vụ, tự do chuyển dịch vốn, tư bản, lao động, phương tiện sản xuất, tự do quyết định giá cả, tìm lợi nhuận, tự do chuyển nhượng, tiêu dùng, đầu tư, mua bán, v.v... Đồng thời nhà nước phải thi hành chế độ pháp trị, bảo vệ và bảo đảm quyền tư hữu và các quyền kinh tế cá nhân khác, hạn chế tối đa tham gia trực tiếp vào sản xuất và thương mại, chống và bài trừ hữu hiệu tham nhũng, hối lộ và buôn lậu, điều hoà guồng máy kinh tế-tài chính và giữ vai trò khuyến khích kinh tế tư nhân, làm trọng tài công bằng giải quyết các chênh lệch hoặc tranh chấp kinh tế. Nói chung là phải từ bỏ mọi qui chiếu và chủ nghĩa xã hội và chuyên chính vô sản.

### **Hội nhập vào tiến trình toàn cầu hóa có những bắt buộc nào ?**

Như đã trình bày, khoảng cách giàu nghèo ngày càng nghiêm trọng giữa các nước và giữa các tầng lớp xã hội trong một nước cho thấy chỉ có một thiểu số quốc gia đã hội nhập thành công vào tiến trình toàn cầu hóa trong khi đa số hội nhập không thành công.

Hội nhập vào tiến trình toàn cầu hóa có những bắt buộc của nó. Ngoài bốn điều kiện cơ bản phải có cho sản xuất (một lực lượng sản xuất có huấn luyện, nguồn tư bản cần cho đầu tư và tích lũy, những khoa học và công nghệ mới áp dụng trong sản xuất và một hệ thống tổ chức khoa học và quản lý hữu hiệu), còn phải có thêm những điều kiện sau:

- Một chính sách phát triển kinh tế đặt trọng tâm vào phát triển con người và phát triển bền vững;

- Kết hợp mở rộng thị trường và thương mại với tăng trưởng và tiến bộ kinh tế và với xóa đói giảm nghèo, bảo trợ xã hội;

- Quản lý quốc gia với sự tham gia, hợp tác và đối thoại tích cực và bình đẳng giữa xã hội dân sự, nhà nước và khu vực tư nhân;

- Một phương thức tổ chức linh động và quản lý linh hoạt các thị trường hàng hóa và dịch vụ, tư bản và tiền tệ, lao

động và việc làm, sản xuất và tiêu dùng.

Hội nhập vào tiến trình toàn cầu hóa, phát triển con người và phát triển bền vững liên quan mật thiết với nhau cần phải được tiến hành song song, hỗ trợ và bổ túc cho nhau. Quan điểm này được thừa nhận rộng rãi và dựa trên kinh nghiệm thành công lẫn thất bại về hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế xã hội của các nước trên thế giới trong 50 năm vừa qua. Gần đây quan điểm ấy lại được Ngân Hàng Thế Giới lập lại như một khuyến nghị và cũng như một khuyến cáo (9) cho các nước vẫn chưa ra khỏi vòng chậm tiến lạc hậu.

### Tạo một vận hội mới cho kinh tế Việt Nam

Tháng 12-1999, Liên Hiệp Quốc phổ biến phúc trình "Hướng về tương lai" (10) đánh giá về tình hình Việt Nam và khuyến nghị nhiều cải tổ thuận lợi cho sự phát triển con người, phát triển bền vững và hội nhập vào tiến trình toàn cầu hóa.

Phần nhận định tổng quát của bản phúc trình viết : "Toàn cầu hóa nhanh chóng mang lại nhiều cơ hội trong thương mại, tài chính và chuyển giao công nghệ và tri thức nhưng cũng đòi hỏi không ngừng tăng cường hiệu quả của công tác quản lý quốc gia... Tăng cường tính công khai minh bạch và sự bình đẳng trong khuôn khổ pháp lý là cần thiết... Khu vực tư nhân sẽ là nguồn cơ bản tạo ra việc làm, thu nhập, tiết kiệm trong nước và tính bền vững cho sự nghiệp phát triển của Việt Nam" (trang 2).

Phúc trình kết luận rằng : "Ngoài việc làm tốt các biện pháp phát triển và hội nhập quốc tế cần phải có một triết lý phát triển con người, tức là phát triển thực tiễn và công bằng... Cần phải xây dựng các chiến lược bổ sung lẫn nhau để phát triển kinh tế xã hội một cách bền vững, hội nhập kinh tế quốc tế" (Chương 11 : Kết luận).

Đối chiếu các khuyến nghị hành động nêu trong phúc trình "Hướng về tương lai" với các giá trị nền tảng và định hướng chiến lược mà nhà nước và Đảng Công Sản Việt Nam đang tiếp tục theo đuổi, chúng ta có thể nhận định rằng:

- Chính quyền Việt Nam còn rất do

dự đối với các khuyến nghị của các cơ quan thuộc hệ thống Liên Hiệp Quốc, dù các khuyến nghị này hợp lý, tích cực và thuận lợi giúp Việt Nam vươn lên;

- Các giá trị nền tảng mà Đảng Công Sản Việt Nam áp dụng cùng với chế độ nhà nước đảng trị, cơ sở luật pháp có tích cách kim kẹp và mức độ thấp kém về tự do kinh tế, quyền chính trị và quyền dân sự, tất cả đối nghịch với tinh thần và nội dung các khuyến nghị trong tài liệu "Hướng về tương lai";

- Việt Nam có yêu cầu cấp bách hội nhập vào tiến trình toàn cầu hóa, giao lưu liên kết và dựa vào các nền kinh tế khu vực và thế giới, quản lý năng động quốc gia với sự tham gia bình đẳng của nhà nước, xã hội dân sự và khu vực tư nhân ngõ hầu bảo đảm sự thành công về phát triển con người và phát triển bền vững.

Giới lãnh đạo và Đảng Công Sản Việt Nam luôn luôn tự hào là đã tranh đấu thành công giành độc lập tự do cho đất nước, bây giờ trước tiến trình toàn cầu hóa, họ lúng túng không biết phải làm gì, làm thế nào để bảo vệ và củng cố độc lập tự do. Các giá trị nền tảng của chính quyền và Đảng Công Sản Việt Nam đang bị đào thải, các định hướng chiến lược ngày càng vô hiệu, kinh tế xã hội Việt Nam rơi vào bế tắc. Trên thế giới, Việt Nam có lẽ là quốc gia tương đối có sự cách biệt lớn nhất giữa tiềm năng phát triển và kết quả phát triển, có sự phí phạm cao độ nhất về sử dụng nhân lực, tài nguyên và các nhân tố sản xuất khác. Việt Nam đang bị đe dọa bỏ rơi bên lề tiến bộ và phồn vinh của thế giới. Thực tế chua chát này chất vấn mọi người Việt Nam, nhưng trước hết là những người lãnh đạo cộng sản hiện nay.

Hội nhập vào tiến trình toàn cầu hóa nói chung và kinh tế thế giới nói riêng là một bắt buộc. Toàn cầu hóa tạo ra nhiều cơ hội và vận hội mới, nhưng chỉ có một con đường duy nhất, đó là giải phóng con người khỏi mọi cùm xích ràng buộc và chấp nhận tự do dân chủ. Việt Nam chỉ có một chọn lựa để hội nhập vào tiến trình toàn cầu hóa nếu không sẽ bị đào thải, vpa trong tiến trình bị đào thải nó sẽ lôi kéo theo cả một dân tộc xuống: hố thẳm của nghèo nàn và lệ thuộc; chọn lựa đó là tôn trọng và áp dụng các quyền

tự do kinh tế, tự do chính trị, chế độ pháp trị, xã hội dân sự.

**Nguyễn Ngọc Hiệp**

### Chú thích :

(1) Theo Wisse Dekker, nguyên chủ tịch tổng giám đốc Philips, các công ty lớn phát triển qua 5 giai đoạn: công ty quốc gia, công ty quốc tế, công ty toàn cầu, công ty đa quốc và công ty xuyên quốc gia.

(2) Kenichi Ohmae, "The End of the Nation State: the Rise of Regional Economies", Simon và Schuster, 1995.

(3) The Secretary General of the OECD, Public Management Service, "Globalisation: What Challenges and Opportunities for Governments ?", September 1995.

(4) UNDP, Human Development Report 1999, "Globalisation with a Human Face", July 1999. James Gwartney, Robert Lawson, Dexter Samida, "Economic Freedom of the World 2000", the Fraser Institute, Vancouver, Canada.

(5) Gerald P.O'Driscoll, Jr., Kim R. Holmes, Melanie Kirkpatrick, "2000 Index of Economic Freedom", the Heritage Foundation, Washington, U.S.A.

(6) Hai trung tâm nghiên cứu về khả năng cạnh tranh là: International Institute for Management Development (IMD) và World Economic Forum. Trụ sở của cả hai cơ quan đặt tại Thụy Sĩ.

(7) The World Bank, "World Development Report 1999-2000 : Entering the 21st Century", september 1999, Washington, D.C.

(8) Freedom House, "Democracy's Century: a Survey of Global Political Change in the 20th Century", New York.

(9) The World Bank, "World Development Report 1999-2000: Entering the 21st century", september 1999, Washington, D.C.

(10) "Hướng về tương lai: Báo cáo đánh giá chung về tình hình Việt Nam của Liên Hợp Quốc", Hà Nội, tháng 12-1999. Báo cáo do tất cả các cơ quan của hệ thống Liên Hợp Quốc ở Việt Nam soạn thảo chung. Chính phủ Việt Nam có hợp tác để hoàn tất báo cáo. Bộ trưởng Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư Trần Xuân Giá và điều phối viên thường trú Liên Hợp Quốc Edouard A. Wattez đồng ký tên bài giới thiệu tập phúc trình.

# Các cải tổ ở bậc Đại học sau thời kỳ đổi mới

Tôn Thất Long

Một cách tổng quát, ta có thể nói rằng các cải tổ ở bậc đại học sau thời kỳ đổi mới là một cải cách sâu rộng và toàn diện, về hình thức tổ chức cũng như về nội dung đào tạo và liên hệ tới mọi tầng lớp trong hệ thống đại học cũ. Hiện nay, sau gần một thập niên thực hiện, các cải tổ này vẫn còn đang ở trong thời kỳ giao động và thử nghiệm mới. Để dễ trình bày, chúng tôi sẽ trình bày các cải tổ này thành nhiều đề mục:

\* Sự thành lập và vấn đề quản lý trong các Viện Đại học mới.

\* Quy trình đào tạo hai giai đoạn và sự thành lập các Đại học Đại-cương.

\* Các cải tổ về học vị, học hàm và các hậu quả...

Đề mục đầu sẽ được trình bày trong bài viết này và các đề mục khác sẽ được trình bày sau.

## Sự thành lập và vấn đề quản lý trong các Viện Đại học mới (\*)

### 1. Dự án cải tổ đầu tiên ở bậc Đại học

Sự suy yếu của khối cộng sản Đông Âu và sự sút giảm các chi viện của cộng sản quốc tế vào Việt Nam đã bắt buộc ĐCSVN đi vào con đường đổi mới, bắt đầu từ sau Đại hội VI, tổ chức vào tháng 12-1986. Sự phát triển của nền kinh tế thị trường cho thấy hệ thống đào tạo các chuyên viên kỹ thuật qua các đại học ở Việt Nam đã quá lạc hậu và xa rời với thực tế của các xí nghiệp. Một sự canh tân toàn diện của hệ thống này là một việc tiên quyết cho mọi phát triển kinh tế. Trước khi tìm hiểu trong các phần sau các tranh luận trên việc thực hiện các cải tổ ở bậc Đại học qua tài liệu của Hội Khuyến học, sau đây là tóm lược một vài nét và thời điểm chính về mục tiêu và quá trình chuẩn bị của các cải tổ này đã được trình bày trước đây.

#### \* Hai nét chính về đại học trước thời đổi mới

Trước thời đổi mới, vấn đề trầm trọng nhất trong hệ trong giới đại học và

các cơ quan nghiên cứu khoa học có lẽ là các vấn đề lưu thông các kiến thức khoa học, vấn đề tiếp xúc, thông tin, hợp tác... giữa các cơ quan trong hệ thống với nhau. Trong tình trạng thực tế thiếu thốn các chuyên viên có trình độ cao nhưng đâu đâu cũng phô trương các hình thức tổ chức bên ngoài đồ sộ, phân tán số nhân lực thiếu kém của mình trong quá nhiều cơ quan ở các Bộ, Viện, Trường, Khoa, Ban, Ngành, Tổ... chuyên môn nên các bộ phận khác nhau trong hệ thống thường không có thực chất và là những bộ phận khép kín, chỉ liên hệ với nhau trong tinh thần tranh giành ảnh hưởng và quyền lợi, cạnh tranh nhau để chia xẻ số cơ sở vật chất vốn đã nghèo nàn, thay vì trao đổi và hợp tác... Gần như không có các liên lạc hợp tác giữa các đại học với nhau và các hợp tác với các xí nghiệp cũng như với các cơ quan nghiên cứu khoa học. Trên lý thuyết, ngoài các đại học, Việt Nam có hơn 300 cơ quan có chức năng làm công tác nghiên cứu khoa học, trực thuộc các Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, các Viện Khoa học Quốc gia... nhưng các cơ quan này không có các phương tiện vật chất thỏa đáng để thực hiện các chức năng của mình cũng như không liên hệ gì với các đào tạo chuyên viên ở các Đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý. Đây chỉ là phần ảnh của một tình trạng chung trên toàn xã hội và trong mọi lãnh vực...

Nhược điểm quan trọng thứ hai của hệ thống các đại học cũ là nội dung các đào tạo. Đa số các đại học đào tạo các cán bộ có trình độ kỹ sư theo các chuyên ngành hẹp, thiên nhiều về lý thuyết không thích hợp với các nhu cầu thực tế của các xí nghiệp. Gần như không có các đào tạo các cán bộ kỹ thuật trung cấp hay các cán sự chuyên môn ngắn hạn. Vì vậy, trừ ra một vài lãnh vực về nghiên cứu lý thuyết mà bên ngoài, khi mới nhìn vào, thì có vẻ vượt hẳn các nước láng giềng trong vùng Đông Nam Á, Việt Nam đã thua kém rất xa các nước láng giềng trong việc đào tạo các

chuyên viên kỹ thuật và cán bộ trung cấp để điều hành các công việc bình thường trong các xí nghiệp, thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế.

#### \* Mục tiêu đầu tiên của dự án

Vấn đề tổng quát trước tiên cần giải quyết để thúc đẩy sự phát triển kinh tế là việc tổ chức lại mạng lưới các trường đại học và của các cơ quan nghiên cứu khoa học và từ đó xét lại nội dung và chương trình đào tạo. Trong tình trạng tranh chấp trong bộ máy Nhà nước, điều này cần có sự dàn xếp trung gian của một cơ quan thẩm quyền tối cao. Tháng 12-1992, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ra quyết định chính thức tổ chức lại mạng lưới các cơ quan nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và nêu rõ mục tiêu: "Gắn nghiên cứu khoa học với đào tạo, coi các trường đại học và các cơ quan nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ là một thể thống nhất...". Cuối tháng 8/1993, một "Hội thảo quốc tế về lựa chọn chính sách cải cách giáo dục" được tổ chức ở Hà Nội. Sau hội nghị là quyết định ban hành quy chế các đại học tư thục và quyết định xúc tiến tổ chức lại mạng lưới các trường đại học công lập thành hai Viện Đại học Quốc gia và các Viện Đại học khu vực, hoạt động trên địa bàn của các vùng kinh tế rộng lớn. Tháng 2/1994 Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức "Hội nghị Tư vấn và Cải tổ Giáo dục Đại học Việt Nam" tại Sài Gòn để duyệt lại các dự án tổng quát về Mạng lưới hệ thống giáo dục, Quy trình đào tạo ở bậc đại học, Nội dung và phương pháp tổ chức...

### 2. Sự thành lập các Viện Đại học Quốc gia và Đại học Khu vực

#### \* Sơ đồ các Viện đại học quốc gia và khu vực

Tuy đã được đề ra trên một quy mô rộng lớn liên quan tới nhiều Bộ và cơ quan và được chuẩn bị với sự trung gian của nhân vật cao nhất trong bộ máy hành chính Nhà nước, việc tiến hành

các dự án cải tổ chỉ được giới hạn trong Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ngay từ ban đầu các dự án cải tổ đã gặp phải sự bất hợp tác của các Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và của các Viện Khoa học Quốc gia, không muốn tham gia vào các tranh luận chung, mặc dù liên hệ trực tiếp đến chức năng nghiên cứu khoa học và mục tiêu của các cải tổ. Vì vậy chủ yếu của công cuộc cải tổ chỉ được xây dựng xung quanh việc cải tổ mạng lưới tổ chức và quy trình đào tạo trong các trường đại học. Cho đến nay, các sự sắp xếp mới trong Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đưa đến các kết quả sau, với sự thành lập của hai viện Đại học Quốc gia (ĐHQG) và ba viện Đại học Khu vực (DHKV):

- Viện đại học quốc gia Hà Nội, thành lập năm 1993, với sự tham gia của đại học tổng hợp, đại học sư phạm Hà Nội 1 và đại học sư phạm ngoại ngữ.

- Viện đại học quốc gia thành phố HCM, thành lập năm 1995, với sự hợp nhất của 9 trường: tổng hợp, bách khoa, sư phạm, sư phạm kỹ thuật Thủ Đức, nông-lâm, tài chính và kế toán, kiến trúc, luật.

- Viện đại học Huế, thành lập năm 1994, với sự hợp nhất của các đại học sư phạm, tổng hợp, y khoa, nông nghiệp, cao đẳng mỹ thuật.

- Viện đại học Thái nguyên, thành lập năm 1994, bao gồm các trường: sư phạm Việt Bắc, nông nghiệp Bắc Thái, công nghiệp Thái Nguyên, y khoa Bắc Thái, công nhân cơ điện Việt Bắc.

- Viện đại học Đà Nẵng, thành lập năm 1994, với các trường bách khoa, sư phạm, sư phạm ngoại ngữ và trường công nhân kỹ thuật.

Đại học Cần thơ mặc nhiên là một Đại học Khu vực, đa ngành, đa lãnh vực và không cần có sự điều chỉnh mới.

(Ngoài các đại học công lập nói trên, còn có bảy Đại học Dân lập: Thăng Long, Phương Đông, Đông Đô (ở Hà Nội), Duy Tân ở Đà Nẵng, Bình Dương ở Sông Bé và hai đại học dân lập Văn Lang và Tin học-Ngoại ngữ ở thành phố HCM).

Trên nguyên tắc chung, sự thành lập các Viện Đại học được dựa trên hai tiêu chuẩn chính: tiêu chuẩn địa lý để đáp ứng các nhu cầu về phát triển của các vùng kinh tế, tiêu chuẩn phối hợp các

hướng đào tạo với khẩu hiệu "đào tạo đa ngành, đa lãnh vực", tận dụng đào tạo liên ngành (cơ bản, tự nhiên, xã hội, kỹ thuật, công nghệ...) trong mục đích nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học, tìm kiếm hiệu quả tối ưu của mạng lưới tổ chức các trường đại học hiện có, vừa tránh sự trùng hợp về nội dung đào tạo giữa các trường đại học, vừa tạo điều kiện để khối nhân lực được đào tạo có thể thích ứng với các hình thức đa dạng của các hoạt động kinh tế.

#### \* Hai yếu tố trong các Viện Đại học mới.

Sự thành lập mạng lưới các Viện Đại học mới gặp phải phản ứng bất lợi với hai yếu tố chính: trước tiên, mô hình tổ chức và nội dung đào tạo trong các trung tâm đại học mới chưa được xác định rõ rệt và sau đó là các tranh chấp ảnh hưởng giữa các đơn vị đại học cũ với hệ thống tổ chức mới. Các trung tâm mới được vội vã thành lập do các yêu cầu chính trị và do sự sắp đặt gượng ép từ các giới chức trách trong Bộ Giáo dục và Đào tạo, dựa theo kiểu mẫu của các đại học ở Thái Lan, lấy "địa lý" làm tiêu chuẩn chính, không quan tâm đến trọng tâm đào tạo chuyên môn. Các trung tâm đại học mới chỉ phản ánh một loại "liên hiệp về hình thức", muốn tập hợp tối đa một số trường trong cùng một khu vực vào một nhãn hiệu mới nhưng vẫn để cho mỗi trường giữ nguyên các đào tạo cũ, thay vì phản ánh tiêu chuẩn "chuyên ngành" hay ý chí "hợp tác" tìm kiếm thực hiện mục tiêu đào tạo "liên ngành". Hai trường hợp sau đây cho ta thấy rõ các khó khăn trong các trung tâm này.

Thứ nhất là trường hợp của Viện đại học quốc gia thành phố HCM, tuy hợp nhất được hầu hết các đại học đang sinh hoạt trong vùng, tuy đạt được mục tiêu đa ngành (vì tập trung được nhiều trường!) nhưng việc đánh giá thực chất khoa học của các trường thành viên vẫn còn là những điều cần phải được xét lại và mục tiêu đào tạo liên ngành thì vẫn chưa xuất hiện. Đó cũng là một viện đại học có quy mô và số lượng đào tạo lớn nhất hiện nay ở Việt Nam và gặp phải một vấn đề thực tế về quản lý công kênh của một hệ thống hành chính mới, chưa quen với trình độ quản lý hiện nay của

cán bộ. Cũng như trong các trung tâm đại học mới khác, sự xuất hiện của các cơ cấu tổ chức cấp Đảng mới và mối liên hệ của cơ cấu tổ chức này đối với hệ thống tổ chức các cấp Đảng trong các đại học cũ là cả một vấn đề gây nên các tranh chấp nội bộ trong các Viện đại học. Viện đại học Huế cũng ở trong một tình trạng tương tự.

Trái ngược với trường hợp trên là sự thành lập của Viện đại học quốc gia Hà Nội. Mục tiêu ban đầu là quy tụ trên mười đại học đang hoạt động trên địa bàn Hà Nội và trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trên thực tế giải pháp này không thể thực hiện được vì các tranh chấp giữa các đại học. Từ đó, Đại học tổng hợp Hà Nội được vội vã tách ra thành ba trường mới: Đại học khoa học tự nhiên và công nghệ, Đại học đại cương và Đại học khoa học xã hội và nhân văn. Cả ba trường này sau đó hợp chung với đại học sư phạm Hà Nội 1 và Đại học sư phạm ngoại ngữ Hà Nội để trở thành Viện đại học quốc gia Hà Nội. Sự phân chia đại học tổng hợp đã được thực hiện trong dụng ý này. Vì vậy khi được thành lập, tuy tuyên bố là một viện đại học đa ngành, với sự hợp nhất của năm trường, nhưng trên thực tế Viện đại học quốc gia Hà Nội chỉ có sự tham gia của Đại học Tổng hợp và hai bộ phận của ngành sư phạm, không có các ngành kỹ thuật, công nghệ, không có sự tham gia của các viện nghiên cứu... Chủ yếu Viện đại học Hà Nội chỉ có các đào tạo về khoa học cơ bản, không hơn không kém mục tiêu của Đại học Tổng hợp trước đây vì thực chất các đào tạo trong ngành sư phạm cũng là khoa học cơ bản. Nhiều phát biểu còn nhắc lại rằng Viện đại học quốc gia Hà Nội như hiện nay thì cũng không khác gì mấy mô hình đại học ở Hà Nội năm 1957, lúc đó có trường Đại học Khoa học (tự nhiên) và trường Đại học Văn khoa và sau đó có một số bộ phận được tách ra để thành lập Đại học Sư phạm Hà Nội.

#### \* Một vài trích dẫn về sự thành lập các Viện đại học

"Trong đại hội công nhân viên chức cuối cùng của Đại học Tổng hợp (Hà Nội), nhiều đại biểu đề nghị Bộ cho biết về tương lai của ĐHTH trong ĐHQG như thế nào?. Một ông lãnh đạo ngành

trả lời: *Chúng tôi (không rõ gồm những ai) hiện có mấy phương án để chọn, bài học từ nông nghiệp cho thấy bao nhiêu áp dụng khoa học kỹ thuật: nào giống mới, nào cấy thẳng hàng... mà không bằng một cái khoán mười, vấn đề chính là chọn một cơ cấu thích hợp!, còn chắc chắn đây là đại hội CNVC cuối cùng của ĐHTH. Sau này có giáo sư cũng cho biết những cố vấn cho nhà nước về chính sách khoa học kỹ thuật cũng không rõ tác giả của ĐHQG là ai... Một là một nhận thức sai lệch, coi thường các tiến bộ khoa học kỹ thuật như vậy là khó chấp nhận được! Hai là sự đổi mới lớn như vậy phải nghiên cứu kỹ quá khứ, hiện tại và tương lai rồi vạch kế hoạch thực hiện từng bước, nếu không được đội ngũ cán bộ giảng dạy tham gia xây dựng và thường xuyên cho các ý kiến phản hồi trong quá trình thực hiện thì thành công sao được! Ba là tại sao cơ chế tuyển chọn của ta lại để cho một Cán bộ có nhân quan lệch lạc và tự phụ như thế được giữ các cương vị cao trong ngành Giáo dục như vậy?!*

"[...] Nhưng xây dựng hai trường Đại học Quốc gia như đã làm thời gian vừa qua thì không ổn lắm vì chúng ta tập hợp một số trường lại, lập thêm một cấp quản lý gọi là Viện Đại học, rồi chia Đại học Tổng hợp ra làm hai, lập thêm một trường Đại học Đại cương... Nếu gặp riêng các đồng chí Hiệu trưởng thành viên của ĐHQG và trao đổi tâm tình thì hầu như tất cả đều không muốn nhập vào ĐHQG, muốn hoạt động riêng lẻ như trước đây và có sự hợp tác chặt chẽ với các trường Đại học khác. Tôi có tiếp xúc với một số thầy giáo ở TP HCM thì cũng không có thầy nào tán thành mô hình ĐHQG như hiện nay ở TP HCM, nhất là có trường chỉ có hai phó tiến sĩ như Đại học Luật cũng trở thành thành viên của ĐHQG... Đây là một vấn đề lớn cần nghiên cứu để tìm ra giải pháp thích hợp. Ở những trung tâm lớn như Hà Nội, TP HCM không những chỉ có một trường Đại học mà có thể 2-3 trường được xây dựng thành những trường Đại học mạnh... nhưng là những trường trực thuộc Bộ Giáo dục, không qua một cấp trung gian như hiện nay...".

Một điều đáng được chú ý khác, như đã được trình bày trong "Tranh luận trên vấn đề xây dựng Đại học Sư phạm

Trọng điểm" (Thông Luận số 136, tháng 04/2000), sự thành lập các Viện đại học mới cũng đã gặp phải sự chống đối công khai của các thành viên Đại học Sư phạm cũ, muốn tách rời ngành Sư phạm ra khỏi các trung tâm vừa được thành lập để xây dựng một hệ thống đào tạo riêng biệt. Ngoài sự chống đối này, hai đề tài chính được nêu ra trong các tranh luận là vấn đề quản lý hành chính (sẽ được đề cập trong phần sau) và quy trình đào tạo chuyên môn (sẽ được đề cập trong một bài viết khác) trong các Viện đại học mới. Cả hai đều gặp phải sự chống đối gay gắt khi đi vào thực hiện.

### **3. Tranh luận về hệ thống quản lý trong các Viện Đại học**

Trong chế độ đảng cộng sản, vấn đề quản lý (hành chính) trong mọi lãnh vực và ở mọi cấp bậc là lãnh vực riêng tư của Đảng. Phần còn lại trong bộ máy không có quyền quyết định, làm việc dưới sự kiểm soát của tầng lớp cán bộ Đảng, chỉ có nhiệm vụ thi hành các quyết định của các cấp Đảng bộ và thường chỉ được Đảng ban cho danh hiệu "công nhân viên" hay "cán bộ khoa học kỹ thuật". Các vấn đề quản lý trong các viện đại học xảy ra dưới hai khía cạnh khác nhau. Trước tiên là các tranh chấp giữa các Đảng ủy của các đại học thành viên cũ với bộ phận của Đảng mới được hình thành để quản lý các viện đại học mới. Sau đó là các khó khăn về quản lý một khối lượng nhân sự lớn, nhất là khi quy trình đào tạo lại chia ra hai thời kỳ riêng biệt, độc lập với nhau.

Trên nguyên tắc, mỗi trường trước đây chỉ trực thuộc một cấp quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đảng ủy của các trường là đảng ủy cấp cơ sở lại trực thuộc một cấp là Thành ủy (hay Tỉnh ủy). Sự thành lập các viện đại học mới sinh ra một cấp quản lý trung gian dưới sự điều hành của một cấp Đảng ủy mới, chỉ có một bộ khung công kênh với đủ loại ban bộ chức vị mà chưa có các quy định rõ rệt về chức năng trong hệ thống của Đảng, trong khi đó các cấp Đảng ủy các trường cũ vẫn được giữ nguyên. Quản lý ở đây được hiểu như là một vấn đề về quyền lực và quyền lực luôn luôn đi đôi với các quyền lợi. Vì vậy, đây là

một vấn đề phức tạp mà một người ở ngoài hệ thống Đảng khó có thể hiểu một cách rõ ràng. Một khi đi vào lãnh vực riêng tư của Đảng thì, nếu không biết được các ẩn ý của các người trong cuộc, cuộc tranh luận trở thành khó hiểu, vừa trống rỗng một chiều, vừa tương phản lẫn nhau... Ai cũng phải tìm cách dựa trên nền tảng đã có của Đảng để lý luận, để lán át lẫn nhau... thay vì dựa trên các cơ sở lý luận thuần túy khoa học. Vấn đề tuy có thể giải quyết một cách đơn giản bằng cách điều chỉnh các nguyên tắc điều hành hành chính nội bộ trong các Viện đại học mới nhưng những người chống đối lại cố tình xem đây là một vấn đề về Hiến pháp, về thể chế... để đi đến kết luận là làm suy yếu ảnh hưởng của Đảng!

#### **\* Một vài trích dẫn về các tranh luận trên vấn đề quản lý**

Vài trích dẫn sau đây sẽ giúp ta hiểu rõ hơn thực chất của các tranh luận.

"Hiện nay giữa những nhà quản lý và những cán bộ giảng dạy khoa học cũng có hai cách hiểu khác nhau về ĐHQG. Những nhà quản lý muốn xây dựng ĐHQG có nhiều Ban bộ, qui mô, nhiều ô-tô, được nhiều kinh phí đầu tư: hàng trăm tỷ để xây nhà, hàng trăm tỷ để mua thiết bị... trong khi đó anh em cán bộ bình thường nghĩ ĐHQG phải là trung tâm đào tạo kiểu mẫu chất lượng cao... nghiên cứu khoa học đáp ứng được yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đội ngũ cán bộ giảng dạy đủ trình độ... Thực tế, những điều mong mỏi của anh em cán bộ chỉ là kỳ vọng!..."

"[...] ĐHQG lại trực thuộc hai cấp quản lý khác nhau là Bộ Giáo dục và Chính phủ, song Đảng ủy của ĐHQG và Đảng ủy của các trường thành viên là hai Đảng ủy cấp cơ sở là Thành ủy. Ở ĐHKV Thái Nguyên các cấp kể trên cũng lập lại một cách tương tự, trực thuộc Tỉnh ủy Thái Nguyên? Về hành chính không biết sẽ điều hành như thế nào? Các Đảng ủy của ĐHQG và ĐHKV chỉ là bộ khung công kênh với đủ loại ban bộ chức vị chứ không có chức năng nhiệm vụ rõ ràng!..."

"Đại học Quốc gia và Đại học Khu vực đang là thách thức lớn đối với dự thảo Luật giáo dục hiện nay. Đưa ĐHQG và ĐHKV vào Luật thì trái với Hiến

pháp, không đưa vào Luật thì khi Luật được thông qua ĐHQG và ĐHKV hoạt động ngoài vòng Luật pháp!...".

"Sự gộp các trường theo kiểu cộng tính này xuất phát từ mục đích tốt đẹp, muốn xây dựng các trung tâm đại học mạnh, đào tạo chất lượng cao. Song trong thực tế cách làm này đã dẫn đến một mạng lưới các trường, mà trong đó mô hình gồm trường lớn trường bé được lồng ghép một cách tùy hứng vào nhau, tất nhiên sẽ sinh ra nhiều cấp quản lý... Chưa muốn bàn đến hệ thống này có tốt hay không ở đây nhưng đứng về góc độ quản lý hành chính của Nhà nước thì hệ thống mới này ra đời đã trái với Hiến pháp của nước cộng hòa XHCN Việt Nam... Ai cũng biết theo Hiến pháp quy định có bốn cấp con dấu. Hệ thống cũ đang hài hòa với Hiến pháp, bây giờ chúng ta gộp các trường đại học, thêm một cấp trung gian tốn kém là Ban giám đốc các ĐHQG, các trường ĐHKV? Vậy thì trong hệ thống quản lý, các Ban Giám đốc đó nằm ở đâu?. Liệu việc sắp xếp này có phù hợp với cuộc cải cách hành chính mà Đảng và Chính phủ đang tiến hành hiện nay không? Nếu đã trái với Hiến pháp và đường lối của Đảng thì làm sao ĐHQG và ĐHKV hoạt động được?...".

"Chúng có là Đại học Quốc gia (Hà Nội) tuyên bố thành lập rồi mà phải chạy con dấu hàng năm trời!. Rồi đến tháng 9-1995 sinh viên nhập học mà trong cuộc Hội nghị tháng 6/1995 của Đại học Đại cương là Đại học đầu khâu của Đại học Quốc gia, chưa có chương trình... Mang con dấu quốc huy thì tất yếu Đại học Quốc gia Hà Nội phải trực thuộc Phủ Thủ tướng, và trên thực tế hiện nay quả cũng có một số mặt được như thế. Nhưng rất nhiều mặt khác, Đại học Quốc gia vẫn trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo. Vậy xin hỏi có nơi nào trên thế giới, có trường Đại học nào lại trực thuộc hai cấp chính quyền không ngang nhau. Rồi các mặt Đảng, Đoàn, Công đoàn... cũng xảy ra một tình trạng chùng chéo như vậy. Thí dụ Đảng bộ ĐHQG HN, tất nhiên phải là cấp trên của Đảng bộ ĐHSP, nhưng cả hai đều chỉ là Đảng bộ cơ sở của Thành đảng bộ Hà Nội mà thôi...".

"Từ cái bất hợp lý này lại để ra cái bất hợp lý khác! Tiếp đó lại ra các chủ

trương: trong các ĐHQG và ĐHKV không được có hai khoa cùng tên, các phó giám đốc của ĐHQG, ĐHKV không được kiêm nhiệm Hiệu trưởng các trường con... Tập hợp những chủ trương này đã làm cho toàn bộ hệ thống trường con, khoa, tổ bộ môn chuyên môn bị tê liệt, mai một dần và bất ổn định triền miên... Gần đây, để thoát ra khỏi bế tắc về quản lý hiện nay, người ta đang bàn hoặc bỏ trường con, hoặc bỏ khoa, hoặc bỏ bộ môn hay tách các ĐHQG, ĐHKV thành các "Bộ đại học con"? Nếu thuận về tổ chức hành chính thì lại trái với điều hành quản lý chuyên môn và đào tạo?. Các bộ con đang đòi tăng quyền...! Phải chăng mạng lưới đại học của chúng ta đang chạy theo hướng tự do hóa?, xóa dần đi sự quản lý thống nhất của Nhà nước? Có lẽ đây là thách thức lớn nhất về thể chế. Trong hệ thống quản lý đại học của chúng ta không chấp nhận nguyên tắc tự trị mà chỉ có nguyên tắc phân cấp quyền hạn: Đó là một nguyên tắc cơ bản nhất khi xây dựng nền đại học XHCN!...".

"Một vấn đề thường xuyên và cấp bách là vấn đề Đảng, Đoàn, Đoàn thể giáo giới và sinh viên ở các trường đại học. Một quá trình cải cách mà dẫn đến sự suy yếu của Đảng, của Đoàn, của tư tưởng Hồ Chí Minh, của chủ nghĩa Mác-Lênin, của trận địa XHCN ở các trường đại học phải xem là sai lầm lớn nhất. Đây cũng phải xem là nguyên tắc hàng đầu của đổi mới, cải cách và xây dựng các trường đại học Việt Nam. Cuộc đổi mới vừa qua gây rối rắm về tổ chức, ảnh hưởng không ít cho xây dựng Đảng, hoạt động Đoàn, giáo dục tư tưởng chính trị đối với sinh viên và thanh niên. Các quan niệm sống theo văn hóa ngoại lai tràn ngập và thấm sâu trong các trường đại học, lấn lướt các xu hướng tiến bộ, lành mạnh, có tính cách mạng. Hoạt động đoàn còn thiên về bề nổi, bề mặt, đặc biệt các tổ chức Đảng trong các trường đại học bản thân bị thu hẹp phạm vi hoạt động, mất liên hệ với quần chúng trí thức và thanh niên. Đảng không nắm được Đoàn, Đoàn không làm nòng cốt được cho sinh viên ở đơn vị cơ sở, lớp, khoa do tổ chức đào tạo bị xáo trộn...".

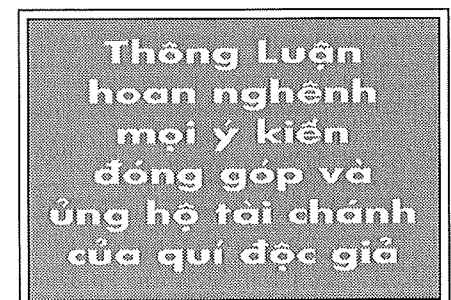
#### 4. Lời nhận xét chung

Các tranh luận liên quan tới quy trình đào tạo hai giai đoạn và sự thành lập các trường ĐHDC để đảm nhận việc đào tạo chuyên môn cho giai đoạn đầu trong các trung tâm đại học mới sẽ được trình bày trong một tài liệu khác. Chỉ cần thêm rằng các tranh luận này còn đặt thêm nhiều vấn đề quản lý khác. Tuy nhiên, trước sự chống đối của dư luận, kể từ niên khóa 1900-2000, các trường ĐHDC đều được giải tán và các tranh luận trên vấn đề quản lý cũng giảm bớt một phần. Lời phát biểu sau đây, trích dẫn từ tài liệu của Hội Khuyến học, có thể tạm thời dùng để kết luận bài viết về sự thành lập các viện đại học mới:

"Bài học lớn không thể né tránh mà không thể rút ra, đó là một công cuộc cải cách giáo dục có tầm quan trọng to lớn và đặc biệt như vậy mà tiếc thay lại được tiến hành một cách thiếu dân chủ và không khoa học, hai thiếu sót này đi đôi với nhau, thống nhất với nhau. Lẽ ra, để tiến hành công cuộc cải cách đó phải có một đề án toàn diện được chuẩn bị chu đáo, với đầy đủ cơ sở lý luận, khoa học và thực tiễn, sau đó phải được tiến hành thí điểm, thảo luận rộng rãi trong các giới khoa học, giáo dục, văn hóa, xã hội, thậm chí trong toàn dân, có sự phản biện, như đối với một số công trình nghiên cứu khoa học quốc gia, sau cùng phải đệ trình lên Trung ương, Quốc hội và Chính phủ xem xét, thông qua thành Nghị quyết, thành Luật để ban hành thực hiện... Thế nhưng, công cuộc cải cách giáo dục đại học vừa qua được tiến hành một cách không có quy trình, cho nên cuối cùng đã gây nên những cơ sở nhỏ, trực trặc mà chúng ta đã thấy và đang phải điều chỉnh, chấn chỉnh, sau khi đã chịu đựng những tổn thất và lãng phí to lớn...".

**Tôn Thất Long**

(\*) Viết phỏng theo tài liệu của Hội Khuyến học Việt Nam.



## Sự hội nhập khó khăn của người Thượng vào quốc gia Việt Nam

Nguyễn Văn Huy

Hiệp định Genève 1954 mở đầu một giai đoạn hợp tác mới giữa người Thượng và người Kinh trên cao nguyên. Nhưng sự hợp tác này đã diễn ra không tốt đẹp như mong muốn, người Kinh chưa quen sinh hoạt bình đẳng với người Thượng và ngược lại. Bất hạnh lớn của người Thượng trong giai đoạn 1954-1975 là nơi sinh trú của họ có một tầm quan trọng chiến lược trong cuộc chiến Đông Dương lần thứ hai, bất cứ phe tranh chấp nào cũng đều muốn làm chủ địa bàn chiến lược này và lôi kéo cộng đồng người Thượng theo họ chống lại phe kia. Tùy theo những lượng định thời cuộc khác nhau, cộng đồng người Thượng đã có những phản ứng khác nhau để rồi dẫn đến cùng một hậu quả: người Thượng không có tiếng nói trên chính quê hương của họ.

### Tây Nguyên những ngày đầu dưới chế độ Việt Nam Cộng Hòa

Cuối tháng 7-1954, thủ tướng Ngô Đình Diệm đề nghị quốc trưởng Bảo Đại hủy bỏ qui chế Hoàng Triều Cương Thổ và được chấp thuận ngày 10-8-1954. Năm sau, ngày 11-3-1955, Bảo Đại phê chuẩn Dự số 21 sát nhập Hoàng Triều Cương Thổ vào lãnh thổ Việt Nam và đặt khu vực này dưới quyền quản trị của Việt Nam Cộng Hòa (trong thực tế chỉ Xứ Thượng miền Nam mà thôi, Xứ Thượng miền Bắc thuộc Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa). Cùng ngày, Ngô Đình Diệm ban hành Sắc Lệnh số 61 thành lập Tòa Đại Biểu Chính Phủ thay thế Tòa Khâm Sứ, bổ nhiệm ông Vinh Dự làm đại biểu chính phủ (tỉnh trưởng) tại Buôn Ma Thuột và ông Tôn Thất Hối làm đại biểu tại Đà Lạt. Trong cùng thời gian, chính phủ Việt Nam Cộng Hòa yêu cầu Pháp giao lại những cơ sở hành chính và quân sự do họ nắm giữ, đồng thời chuẩn bị kế hoạch đưa những người di cư từ miền Bắc lên cao nguyên lập nghiệp.

Ngày 10-8-1955 Pháp rút quân khỏi cao nguyên, chấm dứt chính thức chế độ

Hoàng Triều Cương Thổ. Thành phần trí thức và sĩ quan Thượng tin rằng sau khi tiếp thu cao nguyên họ sẽ được chính phủ Ngô Đình Diệm trọng dụng nhưng thực tế đã không xảy ra như vậy. Tất cả những chức vụ chỉ huy đều do những viên chức gốc Kinh từ đồng bằng lên nắm giữ. Những đơn vị quân đội Thượng (Sư đoàn 4 bộ binh, 7 tiểu đoàn cơ động cùng những đơn vị tác chiến khác, khoảng 10.000 người) đặt dưới quyền chỉ huy của các sĩ quan Việt Nam Cộng Hòa. Những cơ quan hành chính, giáo dục và y tế đặt dưới quyền quản trị của Tòa Đại Biểu Chính Phủ.

Người Thượng chưa được chuẩn bị để sống chung với người Kinh và ngược lại. Cao nguyên miền Nam vào năm 1955 có khoảng 700.000 dân Thượng, đông hơn dân số Kinh vào thời điểm đó nhưng người Thượng chỉ đảm nhiệm những vai trò thứ yếu hay không có vai trò nào cả. Giọt nước đã làm tràn ly là chính sách đồng hóa (diễn văn ngày 12-6-1955) và cải cách điền địa (Dự số 57 ngày 22-10-1956) của thủ tướng Ngô Đình Diệm: phân biệt đối xử, bãi bỏ các tòa án phong tục, cấm dạy tiếng thổ ngữ và phủ nhận quyền sở hữu đất đai (polan) của người Thượng. Tại Darlac và Pleiku, các tỉnh trưởng còn buộc người Thượng phải ăn mặc chỉnh tề (đa số dân Thượng trong giai đoạn này vẫn còn đóng khố) khi vào những cơ quan công quyền trong thành phố. Thêm vào đó, thành phần di cư người Kinh tỏ ra khinh miệt người Thượng tại những vùng cộng cư. Một phong trào chống đối ngầm ngầm hình thành, một số trí thức, cán bộ và binh sĩ Thượng bất mãn bỏ về làng, một số khác vẫn ở lại cơ quan nhưng không làm việc. Cán bộ cộng sản nhân cơ hội trà trộn vào một số buôn làng tuyên truyền và kích động dân Thượng chống lại chính quyền miền Nam.

Tây Nguyên có tầm quan trọng đặc biệt đối với các chiến lược gia Hoa Kỳ, đó là cửa khẩu ngăn chặn sự xâm nhập của quân đội cộng sản miền Bắc vào miền Nam. Sự hiện diện của du kích

quân cộng sản do đó gây nhiều lo âu cho các cố vấn Mỹ lúc đó đang huấn luyện quân đội Việt Nam Cộng Hòa. Năm 1956, nhiều phái đoàn MAAG (The US Military Assistance Advisory Group) được gọi lên cao nguyên quan sát tình hình và xây dựng cơ sở huấn luyện binh lính Thượng chống du kích. Tổng thống Ngô Đình Diệm (đắc cử ngày 24-10-1956) cũng cho thành lập Văn Phòng Cố Vấn Thượng Vụ để góp ý về những vấn đề liên quan đến cao nguyên miền Thượng.

### Phong trào BAJARAKA

Năm 1957 một số trí thức Thượng kết hợp lại thành một nhóm phản đối chính sách phân biệt đối xử người Thượng trên cao nguyên với các chính quyền địa phương. Không được trả lời thỏa đáng, năm 1958 họ thành lập tổ chức BAJARAKA (chữ viết tắt tên bốn sắc tộc lớn trên Tây Nguyên: BAhnar, dJArari, RhAdé và KAho) và vận động dân chúng Thượng chống lại chính quyền miền Nam. Những người lãnh đạo phong trào gồm có các ông Y Bham Ênuôl (người Rhadé, sáng lập viên), Siu Síp (nhân sĩ Djarari), Y Dhon Adrong (hiệu trưởng trường tiểu học Lạc Thiện), Y Nuin Hmok (giáo viên trung học buôn Kram kiêm chính trị viên), Y Nam Êban (sĩ quan), Y Bhan Kpor, Y Chôn Mlô Duôn Du, Nay Luett, Paul Nur (trí thức Bahnar) và nhiều nhân sĩ gốc Chăm, Mạ, Stiêng, Kor... Cuộc chống đối đầu tiên xảy ra vào giữa tháng 9-1957, trong một buổi học chữ Việt dành cho người Thượng: ông Y Bham Ênuôl công khai nói lên những bất đồng của người Thượng và đòi quyền "biệt lập" về hành chính và chính trị.

Trước sự chống đối này, Văn Phòng Cố Vấn Thượng Vụ được nâng lên thành Nha Công Tác Xã Hội Miền Thượng (nghị định số 302/NV ngày 3-7-1957) trực thuộc Phủ Tổng Thống, trụ sở đặt tại Huế, nhằm kêu gọi người Thượng hợp tác với chính phủ xây dựng đất nước

và chống cộng trong tinh thần Kinh Thượng bình đẳng và đoàn kết, trong thực tế đã không đưa ra một chính sách nào cụ thể.

Tháng 5-1958, phong trào gọi hai kháng thư, do ông Y Bham Ênuôl cùng 16 đại diện sắc tộc khác ký tên, tố cáo những hành vi phân biệt đối xử của chính quyền Ngô Đình Diệm đối với các sắc tộc thiểu số; kể lại những đóng góp của các dân tộc miền núi trong việc chống lại quân phiệt Nhật, Việt Minh và Việt Cộng; yêu cầu các cường quốc can thiệp để người Thượng có một "lãnh thổ biệt lập" ("un territoire à part", nguyên văn). Một thư viết bằng tiếng Pháp gửi đến tòa Đại Sứ Pháp và Liên Hiệp Quốc, và một viết bằng tiếng Anh gửi đến tòa Đại Sứ Hoa Kỳ và các tòa đại sứ khác tại Sài Gòn. Kháng thư viết, bằng tiếng Anh do giáo sư David Nuttle chuyển tới Tòa đại sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn, tỏ ý không muốn đặt Tây Nguyên trực thuộc vào chính quyền Việt Nam Cộng Hòa mà muốn được độc lập trong khối Liên Hiệp Pháp hoặc dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Hoa Kỳ. Trong kháng thư gửi Liên Hiệp Quốc, phong trào xin được sát nhập vào vương quốc Lào như người Pháp đã làm năm 1893.

Ngày 30-7-1958, phong trào gọi một phái đoàn gồm bốn người về Sài Gòn gặp đại sứ Hoa Kỳ qua trung gian David Nuttle. Cùng thời gian, Y Bham Ênuôl thành lập Ủy Ban Tự Trị Trung Ương, trụ sở đặt tại Pleiku, chỉ huy tất cả các cơ quan tỉnh lỵ, quận huyện ở Tây Nguyên. Nhiều ủy ban địa phương được thành lập tại Buôn Ma Thuột, Kontum và Di Linh. Ủy Ban tuyển mộ sĩ quan và binh lính Thượng đang phục vụ trong chính quyền miền Nam, chọn một lá cờ tượng trưng cho sự "biệt lập" (xanh dương, trắng và đỏ như cờ Pháp nhưng phía trên góc trái có 4 ngôi sao màu vàng tượng trưng cho bốn sắc tộc chính) và phổ biến một thư ngỏ mang tên "Nguyện vọng đấu tranh của đồng bào Thượng". Thư ngỏ này thực ra là một cáo trạng đối với chính quyền Ngô Đình Diệm, liệt kê những hành vi phân biệt đối xử của người Kinh đối với người Thượng trong mọi lãnh vực, từ chính trị, hành chính, an ninh quân sự, tư pháp, kinh tế đến văn hóa, giáo dục, y tế, xã hội.

Trong hai tháng 8 và 9-1958, phong

trào Bajaraka tổ chức nhiều cuộc xuống đường tại Kontum, Pleiku, Buôn Ma Thuột nhưng đều bị trấn áp, tất cả những lãnh tụ của phong trào đều bị bắt (Y Bham Ênuôl, Y Dhon Adrong, Y Dhê Adrong, Y Nuin Hmok, Y Wick Buôn Ya, Y Het Kpor, Y Tluóp Kpor, Y Sênh Niê, Y Bun Sor, Y Yu Êban, Y Thih Êban, Touneh Yoh, Siu Sip, Paul Nur, Nay Luett...), những thành phần có uy tín như sĩ quan và công chức Thượng đang công tác trên cao nguyên đều bị chuyển về đồng bằng. Cộng đồng người Thượng như rấn mất đầu đã bị cán bộ cộng sản năm vùng tuyên truyền và lôi kéo theo họ chống lại chính quyền miền Nam; không những thế, một số thanh niên Thượng ưu tú còn được tuyển mộ ra Bắc học tập rồi đưa vào Nam hoạt động cho phe cộng sản.

Trước đe dọa mới này, tháng 10-1958, chính quyền Ngô Đình Diệm kêu gọi Kinh Thượng hợp tác chống cộng và hứa sẽ cải tổ sâu rộng hơn về kinh tế, xã hội miền Thượng. Văn Phòng Xã Hội được thành lập tại Tây Nguyên, nhiều học sinh Thượng được đưa về Huế và các thành phố Qui Nhơn, Nha Trang, Đà Lạt học trong những trường trung học kỹ thuật. Một số cán bộ Thượng được đưa về Sài Gòn tu nghiệp tại Học Viện Quốc Gia Hành Chánh. Trong thực tế kết quả đã không như mong muốn, Văn Phòng Xã Hội không hoạt động gì cả, các học sinh Thượng ra trường (khoảng 150 người mỗi năm) không tìm được việc làm vì thiếu trình độ (bằng cấp của học sinh Thượng thường do nâng đỡ). Đời sống của người Thượng không sáng sủa gì hơn. Những lãnh tụ Thượng bất mãn nhưng bất lực. Trong các cuộc bầu cử Quốc Hội pháp nhiệm I (1956), ứng cử viên Touprong Hrou đơn vị Tuyên Đức-Lâm Đồng bị bỏ tù vì những tội vu vơ, pháp nhiệm II (1958) ông Y Prong Kbor đơn vị Đắc Lắc bị xóa tên, pháp nhiệm III (1960) ông Y Klong đơn vị Đắc Lắc bị buộc phải rút tên.

Trong thời gian từ 1956 đến 1962, chuyên viên và cố vấn Hoa Kỳ đã có mặt khắp Tây Nguyên. Việc tranh thủ người Thượng gây nhiều tranh chấp giữa cơ quan CIA và Tòa Đại Sứ Mỹ trong chiến lược chống cộng của Hoa Kỳ:

- Cơ quan CIA chủ trương vô trang trực tiếp người Thượng vì họ rất thiện chiến trong các rừng rậm. Cố vấn quân sự Mỹ vào khắp buôn làng, tổ chức phòng thủ, trang bị súng cá nhân, thành lập các đội Dân Sự Chiến Đấu Thượng (CIDG-Civilian Indigenous Defense Group) và Lực Lượng Đặc Biệt (Special Force) gồm 18.000 người (1967) thuộc đủ mọi sắc tộc Thượng (Rhadé, Bahnar, Sédang, Kaho, Bru...).

- Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ chủ trương kêu gọi sự hợp tác về lâu về dài của người Thượng, đặc biệt là văn hóa, xã hội, y tế và tín ngưỡng nhằm nâng cao mức sống. Các mục sư tin lành được nhìn như sự tiếp nối của các giáo sĩ công giáo Pháp thời trước nên rất được mến mộ. Nhiều phái đoàn đặc vụ dân sự USOM, USAID, các tổ chức thiện nguyện sáng tạo các chữ viết la tinh hóa từng thổ ngữ để giảng dạy, chữa bệnh, hướng dẫn cách thức canh tác nông nghiệp, xây cất nhà cửa và giúp đỡ vật chất. Nhiều trường phổ thông vừa dạy tiếng địa phương, tiếng Việt và tiếng Mỹ được thành lập tại Buôn Ma Thuột, Pleiku, Kontum, Đà Lạt. Nhiều sinh viên Chăm và Thượng được ghi danh vào Viện Đại Học Đà Lạt.

### **Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên (FLHP)**

Năm 1963, người Mỹ quyết định can thiệp mạnh tại Việt Nam. Chế độ Ngô Đình Diệm bị lật đổ tháng 11-1963, tất cả các biện pháp ban hành dưới thời Đệ Nhất Cộng Hòa đều bị hủy bỏ. Nhờ sự can thiệp của Mỹ, tất cả những lãnh tụ phong trào Barajaka đều được phóng thích.

Tin tưởng được Mỹ ủng hộ, những người lãnh đạo phong trào Barajaka thành lập Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên (Front de Libération des Hauts Plateaux), gọi tắt là FLHP (tên chính thức được mặt trận sử dụng) hay Mặt Trận Cao Nguyên tháng 3-1964. Lần này có sự tham gia của nhiều sắc tộc Thượng khác và người Chăm tại miền Trung. Mặt trận cho phổ biến một bản hiệu triệu bằng ba thứ tiếng (Pháp, Chăm và Rhadé) đòi quyền tự trị và chủ trương tranh đấu vừa ôn hòa vừa bạo động. Phe chủ trương ôn hòa, do Y Bham Ênuôl



đại diện, tham gia mọi sinh hoạt chính trị trên khắp cao nguyên để xây dựng một chính sách Thượng vụ thích hợp. Phe chủ trương bạo động, do Y Dhon Adrong cầm đầu, kêu gọi cán bộ dân vệ và biệt kích Thượng gia nhập FLHP chống lại chính quyền.

Sự kiện này làm giới chỉ huy quân sự miền Nam lo ngại, những cuộc hành quân trên Tây Nguyên từ tháng 3 đến tháng 5-1964, do tướng Vinh Lộc chỉ huy, phần lớn để phá vỡ những căn cứ của quân Thượng hơn là các mật khu cộng sản. Phe bạo động bị lùng quét gắt gao phải chạy qua Kampuchea lánh nạn, tại đây họ lập căn cứ quanh đồn Bốt Chá (Camp Le Rolland cũ), tỉnh Mondolkiri phía đông bắc Kampuchea cách biên giới Việt Nam 15 cây số, rồi cử người xâm nhập vào các buôn làng ven biên giới kêu gọi thanh niên Thượng gia nhập FLHP. Hoa Kỳ khuyến cáo Việt Nam Cộng Hòa thương thuyết với người Thượng để tìm một giải pháp sống chung. Ngày 5-5-1964, chính phủ miền Nam mời 64 nhân sĩ Thượng ôn hòa, đại diện các sắc tộc, về Sài Gòn họp để tổ chức một đại hội gồm 55 đại diện sắc tộc tại Pleiku ngày 26-8-1964 do Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II chủ trì.

Lo sợ bị loại khỏi các cuộc thương thuyết, phe bạo động chuẩn bị một cuộc nổi dậy vô trang do đại úy Y Nam Êban chỉ huy. Đêm 19-9-1964, các toán biệt kích thuộc Lực Lượng Đặc Biệt và các đội Dân Sự Chiến Đấu Thượng đánh chiếm một số đồn bót lớn quanh Quảng Đức và Đắc Lắc: trung sĩ Klé chiếm thị trấn Bù Đăng, thiếu úy Y Bách Êban tấn công đồn Sarpa, Y Djao Niê tiến vào buôn Miga (Đức Lập), Y Bhan Kpor vây đồn Bù Đốp và Bu Briêng. Quân phiến loạn làm chủ quốc lộ 14, đánh đồn Srépok rồi tiến vào Buôn Ma Thuột chiếm đài phát thanh kêu gọi dân Thượng nổi lên chống lại người Kinh để xây dựng một quốc gia độc lập. Trong cuộc nổi dậy này, 35 sĩ quan và binh sĩ Kinh bị thiệt mạng, quận trưởng quận Đức Lập (Quảng Đức) bị bắt sống.

Kinh ngạc và giận dữ, chuẩn tướng Vinh Lộc, chỉ huy trưởng Vùng II Chiến Thuật, đã phản ứng dữ dội. Lệnh thiết quân luật được ban hành ngay sáng 20-9-1964, mọi ngã ra vào Buôn Ma Thuột đều bị chặn xét gắt gao, Sư Đoàn 23

cùng một số tiểu đoàn biệt động quân và thiết giáp được huy động đến vây quanh đài phát thanh, một số tiến về những vùng đồn bót chiếm đóng. Phiến quân Thượng chống trả dữ dội. Các đồn Bù Đăng, Miga, Bu Briêng, Srépok và nhiều cầu trên quốc lộ 14 đều bị chiếm lại, trừ đồn Sarpa vẫn còn nằm trong tay phiến quân.

Trước biến cố này, đệ tam tham vụ Tòa Đại Sứ Mỹ trên cao nguyên, Beachner, khuyến Vinh Lộc nên thương thuyết. Ông Y Bham Ênuôl, đại diện phe ôn hòa, phó tỉnh trưởng Buôn Ma Thuột, được mời đến Bộ Chỉ Huy Sư Đoàn 23 tham khảo ý kiến và được cử vào đài phát thanh thương thuyết với quân phiến loạn, sau đó Y Bham được Beachner đưa về nhà riêng thảo luận. Buổi chiều cùng ngày, đại úy Darnell đích thân đưa những lãnh tụ Thượng khác (Y Bhim, Y Dhou) vào họp. Cuộc thương lượng với đại diện Tòa Đại Sứ Mỹ và chỉ huy trưởng Vùng II Chiến Thuật đi đến những thỏa thuận sau: Y Bham Ênuôl được cử làm chủ tịch chính thức phong trào FLHP, những chỉ huy phiến quân (Y Dhon Adrong, Y Sênh Niê, Y Nuin Hmok, Y Nam Êban) không bị truy tố và không bị truy đuổi khi rút quân qua Kampuchea. Ngay tối 20-9, sau khi để lại một kháng thư gởi chính quyền Việt Nam Cộng Hòa đòi quyền tự trị trên cao nguyên, ông Y Bham Ênuôl cũng bỏ sang Kampuchea và được tướng nhảy dù Lès Kossem (một người Khmer gốc Chăm) cùng Y Bun Sor ra đón tại biên giới rồi đưa về Camp le Rolland.

Ngày 23-9-1964, ông Beachner và tướng Vinh Lộc cùng một số nhân sĩ Thượng thành lập Ban Đại Diện Lâm Thời Người Thượng tại Buôn Ma Thuột do ông Y Char Hdok (hiệu trưởng trường Nguyễn Du) làm chủ tịch, ông Y Chôn Mlô Duôn Du, nhân viên Nha Đặc Trách Thượng Vụ, làm cố vấn. Beachner cử Y Chôn Mlô Duôn Du làm trung gian thương nghị giữa Việt Nam Cộng Hòa và FLHP. Sau bốn ngày thương nghị, Y Chôn Mlô Duôn Du loan báo phe FLHP chấp nhận buông súng và thương nghị.

Ngày 28-9-1964, tướng Nguyễn Khánh cùng tướng Vinh Lộc đến đồn Sarpa nhận sự đầu hàng của 233 binh sĩ FLHP. Lê gắn huy chương cho những người Thượng có công hòa giải được

diễn ra tại Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 23 Bộ Binh (Buôn Ma Thuột). Lợi dụng sự khoan hồng, một số phiến quân FLHP và các đội Dân Sự Chiến Đấu Thượng còn kẹt lại chạy sang Kampuchea cùng ông Y Bham Ênuôl sống lưu vong.

### **Mặt Trận Thống Nhất Đấu Tranh Của Các Sắc Tộc Bị Áp Bức (FULRO)**

Vừa vượt thoát sang Kampuchea sau ngày 20-9-1964, những lãnh tụ FLHP họp ngày đêm chuẩn bị thành lập một phong trào đấu tranh mới. Chính quyền Kampuchea, qua trung gian Lès Kossem, cất lực giúp đỡ sự ra đời một tổ chức mới qui mô hơn gồm đủ mọi sắc tộc. Các nhóm Khmer Krom, Chăm và Thượng FLHP được quân đội hoàng gia Kampuchea đưa về Phnom Penh họp.

Ngày 20-9-1964, dưới sự chủ tọa của Sihanouk, Lès Kossem cho ra đời một tổ chức mang tên Mặt Trận Thống Nhất Các Sắc Tộc Thiểu Số (Front Uni des Races Minoritaires-FURM) gồm ba mặt trận: Mặt Trận Giải Phóng Champã (Front de Libération du Champa-FLC) do Lès Kossem lãnh đạo (bí danh Po Nagar), Mặt Trận Giải Phóng xứ Kampuchea Krom miền Tây Nam Việt Nam (Front de Libération du Kampuchea Krom-FLKK) do Chau Dera làm đại diện và Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên (Front de Libération des Hauts Plateaux-FLHP) do Y Bham Ênuôl cầm đầu. Sau nhiều bàn cãi, cuối cùng mọi phe chấp nhận một tên chung là Mặt Trận Thống Nhất Đấu Tranh Của Các Sắc Tộc Bị Áp Bức, tiếng Pháp là Front Uni de Lutte des Races Opprimées (Lutte chứ không phải Libération như nhiều người thường lầm tưởng), gọi tắt là FULRO để xưng danh trong các hoạt động tại Việt Nam và trên chính trường quốc tế.

FULRO chọn cờ hiệu hình chữ nhật, ba màu: bên phải màu xanh lục có ngôi sao trắng nằm trong hình lưỡi liềm, ở giữa có 3 sọc trắng xen kẽ với 4 sọc xanh dương, bên trái là màu đỏ. Ngôi sao trắng trong lưỡi liềm trắng tượng trưng cho người Chăm theo đạo Hồi tại Kampuchea và Việt Nam. Bảy sọc trắng xanh dương tượng trưng cho bảy sắc tộc lớn người Thượng: Bahnar, Djarai, Radhé, Kaho, Sedang, Mnông,

Mạ. Màu đỏ tượng trưng cho tinh thần đấu tranh.

FULRO có ba cơ quan lãnh đạo: Hội Đồng Tối Cao do Chau Dera làm chủ tịch, Hội Đồng Bảo Trợ do Po Nagar (Lès Kossem) làm chủ tịch, Ủy Ban Chấp Hành Trung Ương do Y Bham làm chủ tịch. Trong thực tế, Y Bham sống nhờ vào Lès Kossem nên không có thực quyền nào cụ thể ngoài uy tín cá nhân. Lès Kossem có phương tiện và có lực lượng nên nắm hết mọi quyền hành. Lès Kossem còn kéo theo một số người Thượng và người Chăm vào FLC để gây thêm cánh và cho người về Việt Nam lôi kéo một số thanh niên Chăm qua ngõ Châu Đốc vào Kampuchea.

Mặc dù trên danh nghĩa là một tổ chức thống nhất nhưng thực chất FULRO có ba lực lượng khác nhau:

1. FULRO Khmer do Chau Dera làm chủ tịch, nhưng vì bận quân đội cho Sihanouk tại Phnom Penh nên không thể sinh hoạt, mọi quyền hành đều nằm trong tay Lès Kossem. Hội Đồng Tối Cao đổi thành Ủy Ban Chấp Hành Tối Cao do Lès Kossem lãnh đạo.

2. FULRO Chăm, do Lès Kossem chỉ huy, là tổ chức có tầm vóc nhất (Kampuchea có 250.000 người Khmer gốc Chăm, đa số sinh sống tại Kompong Cham). Về đối nội, FULRO Chăm có ba ban: Ban tình báo chuyên thu thập tin tức, tung người về Việt Nam móc nối cơ sở, phá hoại do Huỳnh Ngọc Sảng, một người Chăm sinh sống tại Bình Thuận, làm đại diện. Ban kinh tài thu thập tiền đóng góp của dân chúng, tiếp tế cho hậu cứ của Y Bham Ênuôl, do Tôn Ái Liên, một người Chăm tại Châu Đốc, làm trưởng ban và vợ Lès Kossem, người nhận thầu cung cấp lương thực cho các căn cứ của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam Việt Nam để kiếm thêm tiền. Ban phát triển giáo dục cử người đi du học ngoại quốc nghiên cứu về dân tộc Chăm. Về đối ngoại, Lès Kossem vận động các quốc gia ngoại quốc và thành lập nhiều tổ chức hải ngoại ủng hộ FULRO Chăm. Năm 1970, Lès Kossem sang Bangkok gặp hai vị tướng (lục quân và không quân) Thái gốc Chăm trong quân đội hoàng gia Thái và những người Thái gốc Chăm thành lập Tổ Chức Người Chăm Chính Thống Tiến Bộ ủng hộ FULRO Chăm

(Thái Lan có 400.000 người Thái gốc Chăm đến lập nghiệp từ thế kỷ 15). Sau đó Lès Kossem đến Djakarta gặp tổng thống Sukarno và được hứa sẽ có 8.000 binh sĩ trong hai lữ đoàn nhảy dù (paracommando) sang yểm trợ FULRO Chăm phục hồi vương quốc Champa. Lès Kossem nhận viện trợ của Indonesia thông qua Suseno, tùy viên quân sự sứ quán Indonesia tại Phnom Penh. (Indonesia có khoảng hai triệu người Indonesia gốc Chăm, tổ tiên những người này đã sang Indonesia và Mã Lai lập nghiệp từ thế kỷ 14 đến 16). Quốc gia kế tiếp là Mã Lai (có 200.000 người Mã Lai gốc Chăm lập nghiệp từ thế kỷ 14) và các nước Ả Rập (Algérie), Nhật Bản nhận giúp FULRO Chăm tu sửa lại các đền đài. Sau cùng Lès Kossem sang Pháp và Âu Châu vận động nhân sĩ chính trị và tôn giáo tổ chức những cuộc hội thảo về văn minh Champa và cấp học bổng cho một số sinh viên Chăm vào học những trường đại học lớn tại Paris (Sorbonne), Aix en Provence... Qua các buổi hội thảo đó, những trí thức Chăm và Pháp nhắc nhở sự kiện bị Việt Nam xâm thực và mong muốn được Tây Phương giúp phục hồi vương quốc cũ.

3. FULRO Thượng do Y Bham Ênuôl làm chủ tịch, tiếp tục bị chia rẽ bởi hai khuynh hướng: ôn hòa và quá khích. Nhóm Dân Sự ôn hòa của Y Bham Ênuôl, Y Dê Adrong, Y Prêh, Y Bling, Y Thih Êban, Y Ngo Buôn Ya, Y Sênh Niê, Y Nham Niê... nhờ Hoa Kỳ làm áp lực với chính phủ Việt Nam Cộng Hòa để FULRO Thượng được về Việt Nam hoạt động một cách chính thức. Nhóm Quân Sự quá khích của Y Dê Adrong, Y Bhan Kpor, Y Nam Êban, Y Nuin Hmok... chủ trương sử dụng bạo lực để thành lập quốc gia độc lập bằng cách uy hiếp những đồn bót quân sự, tấn công các chuyến xe đồ dân sự trên các quốc lộ 14 và 22 của Việt Nam Cộng Hòa dọc vùng Tam Biên. Từ 29-7 đến 2-8-1965, nhóm Quân Sự cử 200 FULRO Thượng vượt biên giới tấn công và chiếm giữ đồn Buôn Briêng để gây tiếng vang và khi rút lui còn dẫn theo 181 Dân Sự Chiến Đấu Thượng (dân vệ). Sau đó trung tá Y Djaô Niê dẫn một trung đoàn FULRO Thượng về đóng tại Buôn Buor (Đắc Lắc), gần một cây cầu trên quốc lộ 14, kèm chế nhóm

Dân Sự của Y Bham Ênuôl do Y Dê Adrong làm đại diện tại Buôn Ma Thuật, lúc đó đang kêu gọi binh sĩ FULRO Thượng mang vũ khí về nộp chính quyền miền Nam.

Trong thời gian này phe cộng sản gia tăng áp lực tại miền Nam Việt Nam, Mặt Trận Tây Nguyên Tự Trị, do Y Bih Aleo lãnh đạo, cùng với Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam tổ chức nhiều cuộc đánh phá khắp Tây Nguyên. Hoa Kỳ muốn được rảnh tay trong nỗ lực tiến công tiêu diệt các mặt khu cộng sản trên Tây Nguyên yêu cầu chính quyền Sài Gòn thương thuyết với FULRO Thượng tìm một phương thức sống chung và hợp tác chống sự xâm nhập của quân cộng sản.

Một đại hội các sắc tộc Thượng được triệu tập tại Pleiku từ ngày 15 đến 17-10-1964, gồm 73 thân hào nhân sĩ Thượng và đại diện chính quyền Sài Gòn để hình thành một chính sách Thượng vụ hợp tình hợp lý: tái lập quyền sở hữu đất đai và các tòa án phong tục, dạy tiếng Thượng ở cấp tiểu học, chấp nhận sự tham chính của người Thượng, giúp đỡ thiết thực hơn người Thượng và nâng Nha Đặc Trách Thượng Vụ thành Phủ Đặc Ủy Thượng Vụ (trước đó, ngày 5-5-1964 Nha Công Tác Xã Hội miền Thượng đổi thành Nha Đặc Trách Thượng Vụ trực thuộc Bộ Quốc Phòng, ngày 7-10-1964 trực thuộc Phủ Thủ Tướng).

Nhóm Dân Sự ôn hòa, do ông Y Nham và bà Hzáp (vợ Y Dê Adrong) đại diện, được phó đại sứ Hoa Kỳ Alexis Johnson và đại tướng Morton bảo trợ từ Kampuchea về Buôn Ma Thuật thành lập Ban Đại Diện Chính Phủ Lâm Thời Cao Nguyên. Y Dê Adrong được cử cầm đầu một phái đoàn về Sài Gòn thương thuyết, một tuyên cáo chung ngày 2-8-1965 kêu gọi FULRO Thượng hợp tác trong nỗ lực tìm kiếm một giải pháp sống chung và chống cộng.

Ngày 16-8-1965, Y Bham Ênuôl từ Camp le Rolland gửi đến chính phủ Việt Nam Cộng Hòa một văn thư đòi: xác nhận lãnh thổ Thượng từ vĩ tuyến 17 đến Đồng Xoài gồm cao nguyên Kontum, Pleiku, Đắc Lắc, Phú Bổn, Đồng Nai thượng, Quảng Đức, Lâm Đồng, Tuyên Đức và một phần các tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận,

gọi chung là Liên Bang Cao Nguyên trong Cộng Hòa Liên Bang Việt Nam; có quốc kỳ riêng; có quân đội riêng, giảm số người Việt Nam di cư lên cao nguyên bằng con số trước năm 1954. Y Bham đề nghị tổ chức các cuộc thương thuyết tại Buôn Ma Thuột hoặc tại Manille (Philippines) nhưng yêu sách này không được Sài Gòn chấp thuận.

Ngày 23-8-1965 một phái đoàn do ông Y Dhe Adrong cầm đầu đến Buôn Ma Thuột họp. Phái đoàn Việt Nam, do hai tướng Nguyễn Hữu Có và Vinh Lộc đại diện, yêu cầu quân FULRO phải buông súng xuống mới chịu thảo luận. Buổi lễ nạp vũ khí của 500 FULRO Thượng tại Buôn Buor được cử hành ngày 15-9-1965, tướng Vinh Lộc đưa phái đoàn Y Dhe Adrong, Y Ngo Buôn Ya, Y Bun Sor, Y Nham Niê, Y Sênh Niê về Sài Gòn gặp đại diện của Hoa Kỳ (các ông Peterson và Anderson) và chính phủ Việt Nam Cộng Hòa để thảo luận về qui chế đặc biệt dành cho người Thượng, một lực lượng quân sự 150.000 người dưới sự chỉ huy của FULRO, một quốc kỳ tương đương với quốc kỳ của Việt Nam Cộng Hòa, một phái đoàn độc lập có quyền đi dự những hội nghị quốc tế, quyền tiếp đón trực tiếp các đại diện của Hoa Kỳ và các nước khác, quyền triệu tập một Đại Hội Đồng Dân Tộc Thiếu Số, thành lập một phái đoàn Đại Diện Dân Tộc Thiếu Số... Cuộc thương lượng kéo dài gần một năm. Tin tưởng vào sự ủng hộ của Hoa Kỳ, phong trào FULRO đòi hỏi rất quyết liệt và tỏ ra không nhân nhượng về yêu cầu thành lập Liên Bang Cao Nguyên Việt Nam, quyền có quốc kỳ, quyền có quân đội riêng và quyền đại diện chính thức.

Từ 29-7 đến 2-8-1965, nhóm quá khích, sau khi tố cáo Y Bham Ênuôl bị mua chuộc, bí mật tổ chức bạo loạn, họ rải truyền đơn hô hào "Cao Nguyên của người Cao Nguyên!", "Thực dân Kinh rút đi!". Từ ngày 12-đến 18-12-1965, Y Dhe Adrong cùng Y Nuin Hmok và thiếu úy Y Nam Êban dẫn một nhóm FULRO gồm đại đội 296 Địa Phương Quân, trung đội 1/503 Nghĩa Quân Thượng do thượng sĩ Nay Rí chỉ huy tấn công đồn Phú Thiện (tỉnh Phú Bổn) sát hại 32 người và làm bị thương 26 người. Sau đó Y Nam Êban cùng Y Tam Ưông, đội trưởng và đội phó đại đội 281, chỉ

huy lĩnh Thượng chiếm đồn Krong Pách, giết hết binh sĩ Kinh. Tiểu đoàn 64 FULRO do đại úy Y Klam chỉ huy đột nhập Tòa Hành Chánh và Tiểu Khu Quảng Đức, giết hết người Kinh, treo cờ FULRO. Tướng Vinh Lộc chỉ huy trưởng Vùng II Chiến Thuật huy động Sư Đoàn 23 Bộ Binh và một đơn vị Thủy Quân Lục Chiến tấn công vào những nơi bị chiếm, bắt được một số tù binh và truy đuổi tàn quân FULRO gay gắt. Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, được sự khuyến cáo của đại sứ Hoa Kỳ, ra lệnh cho Vinh Lộc nương tay và để những nhân vật quan trọng và sĩ quan cao cấp Thượng chạy sang Kampuchea.

Để xoa dịu sự bất mãn của người Thượng, chính sách Thượng vụ phát họa ngày 17-10-1964 chính thức được thi hành. Đầu năm 1966, Vinh Lộc cho Y Chôn Mlô Duôn Du và Nay Luett đặt Văn Phòng Liên Lạc thuộc Nha Đặc Trách Thượng Vụ ở Buôn Ma Thuột để thương nghị với Y Dhe Adrong. Ngày 12-2-1966, một đại hội Kinh Thượng được tổ chức tại Kontum lên án gắt gao nhóm quá khích và Tòa Án Quân Sự Vùng II Chiến Thuật, họp tại hội trường Diên Hồng Pleiku, xử những quân nhân Thượng phản loạn cấp thấp (4 tử hình, 1 chung thân, 3 khổ sai 20 năm và nhiều án khổ sai 10 năm). Ngày 22-6-1966 Nha Đặc Trách Thượng Vụ được nâng lên thành Phủ Đặc Ủy Thượng Vụ, Paul Nư làm đặc ủy trưởng.

Tin nổi loạn tại Việt Nam đến Camp le Rolland, Y Bham Ênuôl sai con rể là trung tá Y Em chặn bắt những phần tử quá khích tại vùng biên giới. Y Dhe Adrong và Y Nuin Hmok bị Y Em bắt và đem về Camp le Rolland xử tử, Y Bun Sor chạy thoát về Phnom Penh báo cáo. Tướng Lès Kossem, không dám phản đối quyền lãnh đạo FULRO Thượng của Y Bham Ênuôl, lên Camp le Rolland thương lượng và cử hai người Chăm vào những chức vị cao bên cạnh Y Bham Ênuôl là Đặng Năng Giáo (bí danh Yang Neh) làm đệ nhất bí thư Phủ chủ tịch đặc trách chính trị và nội vụ, và Thiên Sanh Thi giữ chức tư lệnh Quân Khu 3 (Ninh Thuận và Bình Thuận) kiêm sư đoàn trưởng Sư Đoàn Po Romé. Hai người Chăm này có nhiệm vụ kèm chế những quyết định thân thiện Việt Nam của Y Bham Ênuôl. Y Bun Sor

được Lès Kossem phong làm phụ tá quân sự đặc trách FULRO Thượng tại Phnom Penh.

Tuy không bằng lòng về sự canh chừng này, Y Bham Ênuôl vẫn ra lệnh cho Y Dhe Adrong về Việt Nam thương thuyết với Paul Nư, đại diện chính quyền miền Nam. Lo sợ Y Bham Ênuôl phản bội lý tưởng ban đầu là tranh đấu giành độc lập cho Tây Nguyên, ngày 20-9-1966 Lès Kossem và Chau Dera ép Y Bham Ênuôl ký giấy nhường lãnh thổ của người Thượng từ sông Srê Pok (Nam Lào và đông bắc Kampuchea) đến Pleiku cho Mặt Trận Giải Phóng Chiêm Thành (FLC), nhưng âm mưu này không thành. Trung tá Y Em dẫn quân đến bắt sống một số quân Khmer và Chăm đang vây Camp le Rolland. Y Bham được giải thoát, giấy nhượng đất bị xé.

Ngày 2-6-1967, Y Bham Ênuôl đích thân cầm đầu một phái đoàn đến Buôn Ma Thuột thương nghị, yêu cầu chính quyền miền Nam sớm ban hành qui chế riêng cho người Thượng. Đại hội các sắc tộc thiểu số trên toàn quốc được triệu tập trong hai ngày 25 và 26-6-1967 để đúc kết các thỉnh nguyện chung của người thiểu số. Ba văn kiện được đệ trình lên chính phủ là bản thỉnh nguyện, bản kiến nghị và bản tuyên ngôn được thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ, chủ tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương, long trọng chấp thuận và cam kết sẽ cho thực hiện. Ngày 29-8-1967, đại hội các sắc tộc được tổ chức tại Buôn Ma Thuột dưới sự chủ tọa của trung tướng Nguyễn Văn Thiệu, chủ tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc gia, và thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ, chủ tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương. Chính phủ ký sắc luật số 033/67 cùng ngày ban hành Qui Chế Đặc Biệt nâng đỡ người thiểu số theo kịp đà tiến bộ của dân tộc. Tháng 11-1967 Quốc Hội Lập Hiến Việt Nam Cộng Hòa ủy nhiệm Bộ Phát Triển Sắc Tộc nghiên cứu một dự thảo luật về Hội Đồng Sắc Tộc.

Đầu tháng 8-1968, Y Bham Ênuôl dẫn đầu một phái đoàn cao cấp gồm 28 người (Y Dhe Adrong, Y Prêh, Ksor Dút, Kpa Doh, Y Tôn, Thiên Sanh Thi, Huỳnh Ngọc Sáng, Zu Zol, Thạch Thân Apol, Chay Rithi, Sa Phol, Chau Chen, Chau Phước...) từ Camp le Rolland về

Buôn Ma Thuột họp với Paul Nur, Ya Ba, Châu Văn Mỗ, Nay Luett, Nguyễn Hữu Oanh v.v... đòi hỏi những quyền lợi khác cho người Thượng nhưng không kết quả. Cuộc thương lượng cuối cùng ở cấp bậc cao nhất giữa Y Bham Ênuôl (với tư cách chủ tịch phong trào FULRO) và đồng lý Văn Phòng Phủ Thủ Tướng được tổ chức ngày 11-12-1968 đi đến một thỏa thuận như sau: phong trào FULRO được quyền có một hiệu kỳ nhưng không phải là quốc kỳ, Bộ Sắc Tộc được thành lập ngay trong chính phủ Việt Nam Cộng Hòa do một người Thượng lãnh đạo, phái Đoàn Sắc Tộc sẽ được thiết đặt tại Buôn Ma Thuột, một tỉnh trưởng hay phó tỉnh trưởng người sắc tộc sẽ được đề cử tại những tỉnh có đông người sắc tộc cư ngụ, những lực lượng địa phương quân sắc tộc (Thượng) sẽ đặt dưới quyền chỉ huy của những sĩ quan sắc tộc (Thượng), một sĩ quan hay hạ sĩ quan sắc tộc (Thượng) sẽ được đề cử ngay trong những đơn vị quân đội chính qui có đông người sắc tộc... Lễ ký kết sẽ được cử hành tại Buôn Ma Thuột đầu năm 1969.

Sau ngày 11-12-1968, phái đoàn Y Bham Ênuôl về Camp le Rolland thu xếp đồ đạc chuẩn bị sang Việt Nam ở luôn. Sáng 30-12-1968, phi đội trực thăng Việt Nam Cộng Hòa đến rước Y Bham Ênuôl cùng gia đình và lực lượng FULRO Thượng về Buôn Ma Thuột. Nhưng trước đó vài giờ, Lès Kossem ra lệnh cho Y Bun Sor điều động hai trung đoàn quân đội hoàng gia Khmer tiến lên bao vây và phong tỏa Camp le Rolland. Đàng Năng Giáo, Y Bhan Kpor, Y Nam Êban, Ksor Dút, Kpa Doh, Kpa Blan chỉ huy đội cảm tử ập đến bắt cóc Y Bham Ênuôl và gia đình đưa về Phnom Penh. Y Em cùng một số thân tín bỏ chạy vào rừng. Phi đội trực thăng Việt Nam Cộng Hòa đành quay trở về Buôn Ma Thuột. Cùng ngày Lès Kossem bay lên Mondolkiri trấn an và thuyết phục binh sĩ FULRO Thượng còn lại phải tuân lệnh bộ chỉ huy FULRO mới đặt tại Phnom Penh.

Từ đó Y Bham Ênuôl bị giam lỏng tại Phnom Penh dưới sự quản chế của Lès Kossem. Một số thân tín Chăm và Thượng được Lès Kossem thăng thưởng và cất nhắc lên những chức vụ chỉ huy. Ngày 31-12-1968 Lès Kossem thành

lập Hội Đồng Nội Các Lâm Thời FULRO, chủ tịch là Yang Neh (Đàng Năng Giáo), Souleiman (Thiên Sanh Thi) làm phó, đại tá Y Bhan Kpor tham mưu trưởng, trung tá Y Nam Êban tham mưu phó. Nội các này bị Lès Kossem giải tán 10 ngày sau đó vì bất lực trong việc tổ chức điều hành. Để thay thế, Lès Kossem thành lập một Ủy Ban Chỉ Đạo Tối Cao FULRO gồm toàn người Chăm do chính ông làm chủ tịch, Souleiman làm phụ tá đặc trách quân sự, El Ibrahim phụ tá đặc trách hành chánh, Mohamet phụ tá đặc trách tiếp vận. Y Bun Sor được cử đi du học tại trường Sorbonne Paris, Pháp.

Đầu năm 1969, Lès Kossem giải tán Mặt Trận Cao Nguyên (FLHP) và cho ra đời Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên và Bình Nguyên Champa (Front de Libération des Hauts Plateaux et du Champa, gọi tắt là FLHPC) do Y Bhan Kpor làm chủ tịch. Y Bhan Kpor kêu gọi người Mỹ hãy ở lại Cao Nguyên với dân tộc Thượng. Tháng 6-1969, Lès Kossem tạm ngưng khóa huấn luyện FULRO tại Phnom Penh, đưa các khóa sinh lên Mondolkiri và Rattanakiri thay thế lực lượng của Y Bham Ênuôl. FULRO Chăm được giao vai trò lãnh đạo tại Mondolkiri (Đặng Nô, Đồng Tập, Kinh Hoài Diệp...) và tại Rattanakiri (Đàng Năng Giáo, Kpa Toh, Tạ Văn Lành), nhưng nhóm FULRO Thượng tại đây không chấp nhận sự chỉ huy của Y Bhan Kpor, họ chỉ tuân phục Y Bham Ênuôl mà thôi. Ngày 29-7-1969 Lès Kossem họp với Huỳnh Ngọc Sảng, Quảng Đại Dủ (Po Dharma), Thiên Sanh Thi, Hoàng Minh Mỗ, Đặng Văn Thủy, Y Bhan Kpor, Y Nam Êban, Kpa Doh tại Phnom Penh tìm người làm chủ tịch FULRO nhưng không thành, Ủy Ban Chỉ Đạo Tối Cao FULRO Chăm đảm nhận việc điều hành nhóm FULRO Thượng.

Giữa tháng 4-1975, Phnom Penh bị thất thủ, Y Bham Ênuôl cùng vợ con chạy vào tòa đại sứ Pháp tị nạn. Quân Khmer đổ tràn vào tòa đại sứ bắt tất cả những ai không phải là người Pháp hay có quốc tịch ngoại quốc, toàn thể gia đình ông Y Bham Ênuôl bị quân Khmer đổ hành quyết ngay trong sân tòa đại sứ.

Trở lại Việt Nam, hiệp ước chung cuộc cuối cùng được ký kết giữa ông

Paul Nur, đại diện Việt Nam Cộng Hòa, và Y Dhe Adrong, đại diện phe FULRO chứ không với Y Bham Ênuôl như đã dự trù. Lễ ký kết được diễn ra trọng thể tại Buôn Ma Thuột ngày 1-2-1969 dưới sự chủ tọa của tổng thống Nguyễn Văn Thiệu và thủ tướng Trần Văn Hương. Cờ Việt Nam Cộng Hòa treo cạnh cờ FULRO với những biểu ngữ "Tinh đoàn kết Kinh Thượng muôn năm", "Hoan hô các anh em FULRO trở về phục vụ quốc gia"...

Theo tin tình báo của chính quyền Việt Nam Cộng Hòa năm 1969, có 5.471 người qui thuận gồm 2.257 binh sĩ và nhân viên dân sự, 3.214 thân nhân gia đình và 895 súng ống đủ loại. Như vậy tổng cộng có gần 6.000 người qui thuận (ngày 15-9-1965 có hơn 500 người đã ra đầu thú).

Trong lời bế mạc buổi lễ, Y Dhe Adrong tuyên bố: "*Kể từ ngày hôm nay, phong trào FULRO không còn nữa trên Cao Nguyên, bất cứ ai sử dụng danh nghĩa FULRO sau này để phá hoại sự đoàn kết Kinh-Thượng sẽ bị trừng trị theo luật pháp hiện hành của chính quyền*".

Hồ sơ FULRO đối với chính quyền Việt Nam Cộng Hòa coi như kết thúc, một giai đoạn hợp tác mới được mở ra. Nhưng thực tế đã không giản dị như vậy, người Chăm và Thượng vẫn chưa có một chỗ đứng danh dự như mong muốn, phong trào FULRO tiếp tục đấu tranh trong bí mật.

Nguyễn Văn Huy

#### **Giới thiệu sách mới**

*"Những Mảnh Đời Rách Nát"*, do Nguyễn Văn Huy và Phan Minh Hiển biên soạn (350 trang, bìa màu), là tên một tuyển tập gồm 15 bài tự thuật ghi lại cuộc đời của tập thể anh em thương phế binh và cô nhi quả phụ Việt Nam Cộng Hòa đang sống dưới chế độ cộng sản trong nước. Đây là một tài liệu quý giá dành cho những người quan tâm đến hiện trạng xã hội Việt Nam sau 1975. Giá bán 120 FRF hay tương đương (đã kể cước phí gửi). Ngân phiếu xin đề Mr NGUYEN và gửi về: Nguyễn Văn Huy, 9 rue Jehan Scarron, 77185 Lognes, France.

# THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ...

## Giang Trạch Dân muốn làm Thái Thượng Hoàng

Cùng như Đặng Tiểu Bình trước đây, họ Giang muốn giữ "truyền thống" của chế độ cộng sản là đứng sau hậu trường để "giật dây". Chức vụ Thái Thượng Hoàng dù không có ghi trong Hiến Pháp hay điều lệ của đảng cộng sản Trung Quốc, nhưng trong thực tế là như vậy. Tệ hại của xu hướng này còn lan tràn ở các nơi khác như ở Việt Nam hiện nay. Các cụ "cố vấn" nhà ta, trên lý thuyết, không còn quyền lực, nhưng ý kiến thủ cựu của họ vẫn còn làm nguy hại đến vận mạng tương lai của đất nước (xem hồ sơ bang giao thương mại Mỹ-Việt).

Như ai cũng biết, Đặng Tiểu Bình, sau khi trở lại nắm chính quyền từ năm 1978, không phải là tổng bí thư Đảng, chủ tịch nước hay thủ tướng chính phủ mà chỉ là chủ tịch ban Quân Ủy Trung Ương. Nhưng trên thực tế, họ Đặng là người lãnh đạo tối cao của cả nước. Sau sự kiện Thiên An Môn năm 1989, ông Đặng chính thức về "hưu" để nhường chỗ cho họ Giang. Nhưng kỳ quái thay, ông Đặng đã trở thành một Thái Thượng Hoàng như ở thời kỳ đại phong kiến cho đến ngày chết trong năm 1997!

Giang Trạch Dân (sinh năm 1926) ngày nay cũng muốn theo vết chân của ông Đặng. Theo báo Hoa Nam buổi sáng xuất bản ở Hương Cảng ngày 4-5, ông Giang, trong một buổi họp ở bộ chính trị, đã nói ông không có ý định tái nhiệm chức vụ tổng bí thư đảng vào năm 2002. Ông "hy vọng" các bạn đồng hành của ông sẽ ủng hộ người thừa kế của ông là Hồ Cẩm Đào cũng như lưu nhiệm Lý Thụy Hoàn ở chức vụ chủ tịch Chính Trị Hiệp Thương (Chính Hiệp), hai nhân vật trẻ tuổi nhất ở Thường vụ bộ chính trị hiện nay (sinh năm 1942 và 1934). Sang năm 2003, ông sẽ từ chức chủ tịch nước và chỉ tiếp tục giữ chức chủ tịch ban Quân Ủy Trung Ương. Lý do của họ Giang đưa ra để giữ chức cuối cùng là Đài Loan là một vấn đề tranh đấu trường kỳ, cần có một người lãnh đạo quân sự có kinh nghiệm (?) như ông. Khác với ông Đặng, ông Giang chưa bao giờ cầm quân khiên tướng ở chiến trường.

Qua tin tức của tờ báo, người ta có thể đoán rằng cuộc tranh chấp ở đầu nào đã bắt đầu diễn ra quyết liệt. Kinh nghiệm của lịch sử đảng ở Trung Quốc trong 40 năm qua, người thừa kế được chỉ định thường hay "hông giò" vào phút chót. Những nạn nhân trước đó có tên Lưu Thiếu Kỳ, Lâm Bưu, Hoa Quốc Phong, Hồ Diệu Bang, Triệu Tử Dương chưa nói tới những người muốn soán quyền bằng vũ lực như Lâm Bưu, Giang Thanh. Điều thứ hai là ông Giang không nói ai sẽ thay ông ở chức vụ chủ tịch nước cũng như số phận của Lý Bằng, Chu Dung Cơ, hai người cùng gần tuổi với ông (cùng sinh năm 1928). Cuối cùng, ông đã thổ lộ một "bí mật" quốc gia về sự bất lực của Đảng trong việc "thống nhất" đất nước.

Ông Giang chắc còn phải gặp nhiều gian nan mới trở thành được một Thái Thượng Hoàng vào thế kỷ thứ 21!

## Đài Loan bước sang kỷ nguyên mới

Sau khi thắng cử ngày 18-3-2000, ông Trần Thủy Biển vừa nhậm chức tổng thống thứ 10 của Đài Loan ngày 20-5 cùng với bà Lữ Tú Liên ở chức phó tổng thống. Bà Liên là người đầu tiên của lịch sử Trung Hoa ở chức vụ này sau một cuộc phổ thông đầu phiếu trực tiếp. Trước đó, bà Tống Khánh Linh (Song Qing Ling), góa phụ của Tôn Trung Sơn là phó chủ tịch nước của chế độ Bắc Kinh nhưng do Đảng chỉ định. Chính phủ mới do tướng Đường Phi, một thành viên của Quốc Dân Đảng, làm thủ tướng (viện trưởng hành pháp) gồm nhiều nhân vật của Quốc Dân Đảng, Dân Tiến Đảng và người không đảng phái. Số bộ trưởng và chủ nhiệm các bộ môn có 42 người trong đó có 14 người của Quốc Dân Đảng. Ngoài những bộ trưởng đã đăng trên Thông Luận số 137, người ta để ý có thêm một phó thủ tướng (ông Du Tích Khôn), bà Thái Anh Văn (Cai Ying Wen), đặc trách Lục Địa, bà Trương Phú Mỹ (Zhang Fu Mei), đặc trách Kiều Vụ, bà Trần Cúc (Chen Ju), đặc trách Lao Động v.v... Tên bộ trưởng bộ ngoại giao là Điền Hồng Mậu (Tian Hong Mao) chứ không phải là Điền Hồng Mao, xin sửa lại cho

đúng).

Trong bài diễn văn nhậm chức, tân tổng thống cho biết thắng lợi của ông không những là một mô hình mới cho thí nghiệm A Châu về dân chủ mà còn là một gương mẫu lay chuyển cho trào lưu thứ ba về dân chủ trên thế giới. Về quan hệ với Bắc Kinh, ông kêu gọi tăng cường hợp tác về kinh tế, trao đổi trực tiếp giao thông, thư từ v.v... Ông cũng không thay đổi ý kiến về khái niệm một nước Trung Hoa tương lai duy nhất. Nước đó, theo ông, phải là một nước tự do dân chủ, tôn trọng nhân quyền trong khi Bắc Kinh vẫn lải nhải đòi "thống nhất" theo chế độ cộng sản. Ông nói: "Chúng tôi tin tưởng lãnh đạo của hai bờ eo biển có đủ sáng suốt và sáng tạo để giải quyết vấn đề một xứ Trung Hoa duy nhất trong tương lai".

Theo các quan sát viên, Bắc Kinh sẽ chờ đợi thời gian ngắn để tìm lối thoát với cái tiền đề vô lý hầu tránh khỏi mất mặt. Họ vừa nhờ Mỹ đứng làm trung gian với dụng ý nhờ xứ này làm áp lực cho Đài Loan. Nhưng Hoa Kỳ khuyến Bắc Kinh nên đối thoại trực tiếp.

Cuối cùng, người ta để ý ông Trần Thủy Biển có mời hai nhân vật đối lập dân chủ của Trung Quốc Ngụy Kinh Sinh và Vương Đan tham dự chính thức buổi lễ nhậm chức.

## Mạng Lưới Dân Chủ được thành lập

Có rất nhiều tổ chức đấu tranh cho dân chủ ở hải ngoại hoạt động biệt lập với nhau và sự trao đổi thông tin, tìm hiểu hoặc hỗ trợ lẫn nhau thật là hiếm hoi thậm chí không có. Tại sao tại hải ngoại, trong một môi trường của tự do dân chủ, của truyền thông, các tổ chức thật sự dân chủ lại không kết hợp được với nhau để hy vọng làm nên một cái gì hơn với tầm vóc hiện nay? Từ những suy tư trên, việc xây dựng một kết hợp nhẹ nhàng, trong đó các tổ chức vẫn giữ được nét độc lập đồng thời lại có cơ hội quen biết nhau, học hỏi và giúp đỡ lẫn nhau đã là nhu cầu của nhiều tổ chức.

Tháng 11-1999, một cuộc họp giữa nhiều tổ chức đã diễn ra tại thành phố Hannover (Đức). Những tổ chức và cá nhân tham dự cuộc họp này đã tập trung

# THỜI SỰ...TÌNH TỨC...THỜI SỰ...

rút kinh nghiệm về những thất bại đã và đang gặp phải trong vấn đề kết hợp, đồng thời khẳng định quyết tâm cùng nhau xây dựng một kết hợp mới, lấy việc thực hiện triệt để dân chủ và sự tôn trọng, tin cậy lẫn nhau làm phương hướng làm việc. Tất cả đều đồng ý thành lập Mạng Lưới Dân Chủ.

Sau sáu tháng trao đổi và thảo luận, ngày 29-04-2000 tại thành phố Frankfurt (Đức), một quy chế được thông qua và Mạng Lưới Dân Chủ với một Ban Điều Hợp lâm thời đã chính thức ra đời sau sáu giờ làm việc. Buổi tối dành cho liên hoan và mọi người đã hát chung với nhau bài "Dậy mà đi".

Qua thảo luận, mọi người đều thống nhất cách nhìn: Mạng Lưới Dân Chủ không phải là một tổ chức, nó làm nhiệm vụ điều hợp những đề án mà các thành viên, tổ chức hoặc cá nhân, đều thấy có lợi chung trong từng thời kỳ nhất định. Đó là lý do tại sao Mạng Lưới Dân Chủ chỉ có Ban Điều Hợp.

Trong số 24 người tham dự có đại diện của 10 tổ chức, cơ quan ngôn luận và báo chí. Một Ban Điều hợp Lâm thời gồm các anh Lâm Đăng Châu (Dân Chủ và Phát Triển), anh Vũ Quốc Dụng (Tổ Chức Việt Nam Tự Do) và anh Trần Ngọc Sơn (Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên) có nhiệm vụ điều hành và xây dựng Mạng Lưới Dân Chủ trong 18 tháng.

Sau đây là Quy chế của Mạng Lưới Dân Chủ :

## Quy chế Mạng Lưới Dân Chủ

### 1. Nhu cầu

Việt Nam cần tự do và dân chủ để phát triển.

Bước vào thế kỷ 21, những cá nhân và tổ chức đấu tranh cho dân chủ ở trong và ngoài nước Việt Nam có nhu cầu gia tăng trao đổi thông tin, giao lưu, đối thoại, hiểu biết, thông cảm, hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau để đẩy mạnh tiến trình dân chủ hóa đất nước.

Mạng Lưới Dân Chủ là một kết hợp thoáng, mở, nặng về tinh thần nhẹ về tổ chức được thành lập để đáp ứng nhu cầu trên.

### 2. Chủ trương

Mạng lưới Dân chủ đề cao các giá trị tự do, dân chủ, nhân quyền, bao dung. Mạng lưới Dân chủ chủ trương đấu tranh bất bạo động, thực hiện dân chủ trong sinh hoạt, xây dựng liên lạc và yểm trợ phong trào dân chủ trong nước đồng thời đẩy mạnh công tác quốc tế vận.

### 3. Mục đích : Dân chủ hóa Việt Nam

#### 4. Phương thức hoạt động

4.1. Hoạt động của Mạng Lưới Dân Chủ chủ yếu mang tính bổ túc và hỗ trợ cho các thành viên, nhất là trong những dự án đấu tranh cho dân chủ cần sự phối hợp của nhiều thành viên.

4.2. Trong sinh hoạt Mạng Lưới Dân Chủ sẽ sử dụng mọi hình thức trao đổi thông tin - đặc biệt qua mạng Internet - cũng như thường xuyên tổ chức gặp gỡ, hội thảo, trao đổi quan điểm để gia tăng thông cảm và mở rộng đồng thuận.

4.3. Ra phía ngoài, Mạng Lưới Dân Chủ sẽ có những tuyên bố trong khuôn khổ của những dự án đã được thành viên biểu quyết thông qua.

#### 5. Thành viên

5.1. Mọi tổ chức, cơ quan truyền thông, cá nhân đồng ý với quy chế của Mạng Lưới Dân Chủ đều có thể gửi đơn xin gia nhập theo mẫu có sẵn đến Ban Điều Hợp Mạng lưới Dân chủ.

5.2. Mọi thành viên sẽ đóng niên liêm tương đương với số tiền 10 USD.

5.3. Tư cách thành viên sẽ chấm dứt nếu thành viên làm đơn xin rút khỏi Mạng Lưới Dân Chủ, vi phạm nghiêm trọng quy chế hoặc từ trần.

5.4. Danh sách thành viên sẽ không được công bố.

#### 6. Cơ cấu

Cơ cấu của Mạng Lưới Dân Chủ gồm có Đại Hội Đồng và Ban Điều Hợp.

##### 6.1. Đại Hội Đồng

Đại Hội Đồng là cơ cấu cao nhất của Mạng Lưới Dân Chủ. Đại Hội Đồng có nhiệm vụ bầu và bãi nhiệm Ban Điều Hợp, quyết định về đường hướng hoạt động, về việc thành lập các tổ công tác, về tài chính ngân sách.

Đại Hội Đồng được nhóm họp mỗi năm ít nhất là một lần, quy tụ tất cả thành viên. Thư mời họp Đại Hội Đồng phải ghi chương trình nghị sự và gửi đến các thành viên trước ngày nhóm họp ít nhất là bốn tuần.

Trong các cuộc biểu quyết, mỗi thành viên cá nhân có một phiếu bầu và mỗi hội đoàn tổ chức có nhiều thành viên cùng tham gia Mạng Lưới Dân Chủ cũng chỉ có một phiếu bầu.

##### 6.2. Ban Điều Hợp

Ban Điều Hợp của Mạng Lưới Dân Chủ có cấu trúc thật nhẹ. Ban Điều Hợp - gồm nhiều nhất là 5 người nhưng ít nhất phải có một trưởng ban, một phó ban và một thủ quỹ - được bầu trong phiên họp Đại Hội Đồng theo thể thức đơn danh và chọn theo tỷ lệ đa số.

Nhiệm kỳ của Ban Điều hợp là hai năm.

Ban Điều hợp có nhiệm vụ:

6.2.1. Điều hành và phối hợp các công tác của Mạng Lưới Dân Chủ giữa hai kỳ đại hội.

6.2.2. Khuyến khích sự giao lưu thông tin giữa các thành viên.

6.2.3. Giới thiệu các sáng kiến của thành viên và tổng hợp các ý kiến chung thành dự án hoạt động.

6.2.4. Đại diện Mạng Lưới Dân Chủ ra phía bên ngoài (tiếp xúc, thông cáo, tuyên bố...).

6.2.5. Sửa soạn, tổ chức Đại Hội Đồng.

Ban Điều Hợp đầu tiên, được gọi là Ban Điều Hợp Lâm Thời, có nhiệm kỳ một năm rưỡi, được bầu ra để hình thành và đưa Mạng Lưới Dân Chủ đi vào hoạt động. Ban Điều Hợp Lâm Thời có nhiệm vụ đưa ra một đề nghị về ngân sách và chương trình hoạt động cho năm 2000.

#### 7. Sửa đổi quy chế

Mọi điều khoản của quy chế này - ngoại trừ chủ trương và mục đích - có thể được thay đổi khi đạt được 2/3 số phiếu biểu quyết trong phiên họp đại hội đồng.

Quy chế này gồm 7 điều và được 24 thành viên sáng lập thông qua trong phiên họp ngày 29-4-2000 tại thành phố Frankfurt, Đức quốc.

## Thông báo

Câu Lạc bộ thân hữu Thông Luận kính mời quý vị thân hữu tham dự ngày gặp gỡ được tổ chức ngày:

**Chủ nhật 25-6-2000, từ 14 giờ, tại Salle Beethoven, 1 Place Ludwig von Bettethoven 77185 Lognes**

### Cách đến:

RER A: Lognes (Marne-la Vallée)  
Xe: Xa lộ A4, sortie Lognes Segrais (cạnh Leroy Merlin).

### Chương trình:

**14g00:** thời sự Việt Nam và thế giới

**15g00:** trao đổi tự do về:

- Cộng đồng người Việt tại hải ngoại sau 25 năm hình thành.

- Những gì có thể xảy ra tại đại hội 9 sắp tới của ĐCSVN.

- Học Việt ngữ có phải là một trở ngại cho hội nhập của trẻ em?

**16g30:** Sinh hoạt thân hữu, giới thiệu những công trình cá nhân.

**Liên lạc:** thân hữu có công trình văn hóa, nghệ thuật, chính trị... xin viết cho Nguyễn Phan Huy:

E-mail: [nguyen\\_dzu@hotmail.com](mailto:nguyen_dzu@hotmail.com)

Tél: 01 64 80 07 02 (sau 21 giờ hay cuối tuần)

## Quả Đất - Quê Hương

Nguyên tác: *Terre-Patrie*, Edgar Morin và Anne Brigitte Kern, Ed. du Seuil, 1993. Bản dịch của Nguyễn Hồi Thủ, một nhà thơ và nhà văn lớn, đồng thời cũng là một học giả uyên bác. Sách dày 300 trang, khổ A5, bìa cứng do nhà xuất bản Chân Mây Cuối Trời. E-mail: [nht1@aol.com](mailto:nht1@aol.com).

Một tác phẩm nói về các vấn đề nhân loại trong thời đại toàn cầu. Một tài liệu quan trọng cần có trong tủ sách gia đình.

Giá: 80 FRF (+10 FRF cước phí, ngoài Âu Châu thêm 30 FRF). Chi phiếu xin đề: Mme. Nguyễn và gửi về 106 Avenue Jean Jaurès, 94110 Arcueil.

## Thư độc giả:

### Cấp cứu

[...] Có lẽ tôi đã làm phiền nhiều người vì kiện cáo. Tôi nghĩ mình bị nhiều người lòng gạt nên đã đệ đơn kiện. Tối 19-4-2000 tôi đang chở vợ bằng xe Honda trên đường Nguyễn Trãi, gần nhà thờ Huyện Sĩ và trường Nguyễn Bá Tông, thì bỗng bị một bóng đen ném đá vào giữa mặt làm sút môi và gãy hai răng cửa, máu văng tung tóe trên mặt và áo. Vợ tôi hiểu ngay đây là vụ trả thù kiểu xã hội đen nên dục tôi cố chạy chứ đừng dừng lại. Tôi lao đảo nhưng cố trấn tĩnh chạy lại Bệnh Viện Cấp Cứu Sài Gòn, cạnh chợ Bến Thành.

Ai có qua cảnh của tôi mới biết thế nào là cấp cứu. Người ta bắt tôi ngồi đợi gần hai giờ mới được hỏi đến trong khi máu chảy đầy mặt và đã đặc lại. Bên cạnh tôi cũng có nhiều người cùng hoàn cảnh. Nhờ có điện thoại di động, vợ tôi đã gọi được người nhà đến. Nhờ là người trong nước thạo việc nên thân nhân tôi đã biết cách giải quyết gọn nhẹ. Họ đưa 50.000 đồng cho người y tá trực để ghi tên và ngay sau đó tôi được một chiếc xe đẩy tới phòng khám. Vào phòng khám thân nhân tôi lại đưa thêm 50.000 đồng cho một y tá khác và bắt đầu được săn sóc. Cô y tá hỏi tôi:

- Anh có gia đình đi theo không?

- Dạ có, ở phía ngoài.

Và sau đó người nhà tôi được gọi vào nói chuyện với cô y tá. Cô y tá bảo người nhà tôi đi mua dao cạo râu, cùn, bông gòn, chỉ khâu, kim, thuốc tê, v.v... Tất cả những thứ này đều không thể mua được vì đã quá khuya. Tuy vậy sau khi đưa tiền đầy đủ cô y tá vẫn mua hộ được, tốn khoảng 450.000 đồng.

Cô y tá bảo tôi phải tự cạo râu lấy vì muốn được cạo râu cho phải trả thêm tiền. Tôi buộc lòng phải đưa thêm tiền để được cạo râu vì không còn sức để tự cạo râu lấy. Lại tốn 50.000 đồng nữa. Sau đó một bác sĩ tới gặp tôi, nhìn vết thương và cho biết đây là trường hợp "tiểu phẫu", nhưng phải là "tiểu phẫu thẩm mỹ". Gia đình tôi lại phải đưa 300.000 đồng.

Tôi ra về sau hơn bốn giờ và tốn gần một triệu đồng. Nhà thương cho tôi biết phải đến công an phường nơi xảy ra tai nạn để khai báo. Gia đình tôi liền chở tôi tới trụ sở công an phường để khai

báo. Tại đây họ không cần tôi khai báo, chỉ cần nộp thêm một số tiền "không nhỏ", có nghĩa là không dưới vài triệu, cho đội SBC (Săn Bắt Cướp) nhưng không bảo đảm sẽ truy lùng được thủ phạm và tôi được báo trước rằng ngay cả nếu bắt được thủ phạm thì cũng không có hy vọng được bồi thường, mà cũng chưa chắc là đương sự sẽ bị giải tòa vì đây chỉ là một chuyện rất nhỏ.

Cuối cùng tôi chấp nhận ra về và mang sẹo. Tôi còn tốn thêm ba triệu đồng tiền thuốc và bác sĩ sau đó. Chưa kể tiền làm lại hai răng giả. Tôi phải mang băng bó trên mặt và không dám ra đường cho tới ngày lên máy bay về Pháp. [...]

**Trần Trung Nghĩa** (Paris 13)



## Mong các anh thông cảm

[...] Trước đây vợ chồng tôi có liên lạc và giao tiếp với báo Thông Luận của các anh và một số tổ chức khác để mong muốn đóng góp tiếng nói của mình cho một nước Việt Nam dân chủ và giàu mạnh. Nhưng trong thời gian hơn một năm qua, gia đình chúng tôi được người Hòa Lan giảng đạo về Nhân Chứng Jehovah, Đức Chúa Trời. Qua thời gian tìm hiểu và học hỏi, chúng tôi đã đồng ý đi theo Đạo này. Trong giao ước của Đạo này thì những người trong đạo không được tham gia vào bất kỳ một đảng phái, tổ chức chính trị nào cả.

Vì lý do trên đây, chúng tôi cũng mong các anh thông cảm và đừng gửi báo cho chúng tôi nữa. Tuy vậy, chúng tôi cũng mong mỗi một ngày nào đó thật gần đất nước Việt Nam yêu quý của chúng ta sớm thay đổi, cuộc sống công bằng, người dân bớt nghèo khổ và nhân quyền không bị chà đạp. [...]

**Nguyễn Hoàng Vũ** (Hòa Lan)

## THÔNG LUẬN

Nguyệt san  
Thông tin Nghị luận

Địa chỉ liên lạc :  
37 rue du Clos de l'Erable  
77400 Saint Thibault des Vignes,  
FRANCE

## Bảo vệ Hà Sĩ Phu

(Bản lên tiếng trước một biện pháp đàn áp mới tại Việt Nam)

Ngày 12-5-2000, nhà cầm quyền Việt Nam đã chính thức khởi tố Nguyễn Xuân Tú, bút danh Hà Sĩ Phu, một nhà khoa học đồng thời cũng là một trí thức đấu tranh cho dân chủ. Cùng với ông Hà Sĩ Phu, một số trí thức khác cũng bị khởi tố hoặc đang bị thẩm vấn để bị truy tố. Họ bị buộc tội cấu kết với nước ngoài phản bội tổ quốc và có thể bị tuyên án từ bảy năm tù đến tử hình, theo điều 72 của Bộ Luật Hình Sự.

Quyết định này đã được công bố sau khi công an khám xét nhà ông Nguyễn Xuân Tú và một số người khác mà không tìm thấy bất cứ một tang chứng phạm pháp nào.

Chúng tôi, ký tên dưới đây, cực lực phản đối biện pháp thô bạo này.

Chúng tôi bày tỏ lòng quý mến và sự liên đới với Nguyễn Xuân Tú và các anh em dân chủ đang lâm nguy.

Chúng tôi ngưỡng mộ và nhiệt thành ủng hộ các ông Hoàng Minh Chính, Nguyễn Thanh Giang, Phạm Quế Dương, Hoàng Tiến và Trần Dũng Tiến đã bất chấp mọi đe dọa cùng ký tên vào một bản lên tiếng bênh vực Hà Sĩ Phu và đòi chính quyền cộng sản phải ngừng tay đàn áp, thực hiện dân chủ và chấm dứt độc quyền chính trị.

Chúng tôi kêu gọi các chính phủ dân chủ, các tổ chức nhân quyền, các cơ quan truyền thông và mọi người yêu chuộng tự do trên thế giới hãy ủng hộ những người dân chủ Việt Nam và can thiệp mạnh mẽ để chính quyền Hà Nội chấm dứt ngay sự bách hại đối với họ.

Chúng tôi kêu gọi đồng bào Việt Nam trong nước cũng như ngoài nước hãy vận dụng mọi sáng kiến để bênh vực và bảo vệ anh em dân chủ đang mắc nạn.

Chúng tôi khẳng định lại một lần nữa rằng dân chủ là giải pháp bắt buộc cho Việt Nam. Tiếp tục ngoan cố duy trì chế độ độc tài đảng trị và đàn áp những người dân chủ chỉ chứng tỏ sự mù quáng, Đảng Cộng Sản Việt Nam có thể gây thêm thiệt hại cho dân tộc nhưng không thể ngăn chặn được tiến trình dân chủ hóa.

Ký tên:

- Tổ chức hoặc cá nhân
- Họ và tên
- Nghề nghiệp, chức vụ (nhiệm ý)

## Mục lục

1. Ông Lê Khả Phiêu công du nước Pháp  
**Thông Luận**
2. Hồi giáo toàn nguyên gây biến loạn tại Philippines  
**Huỳnh Hùng**
3. Đất lành chim đậu  
**Bùi Tín**
5. 25 năm sau nhìn lại  
**Nguyễn Hữu Chung**
8. Cảnh giác để đừng "đổ dầu vào lửa"  
**Vũ Thiện Hân**
10. Góp ý về vấn đề kỳ thị Nam-Bắc  
**Hoàng Anh Phương**
11. Nước non nghìn dặm  
**Nguyễn Gia Kiểng**
15. Kinh tế Việt Nam trước tiến trình toàn cầu hóa  
**Nguyễn Ngọc Hiệp**
19. Các cải tổ ở bậc Đại học sau thời kỳ đổi mới  
**Tôn Thất Long**
23. Người Thượng và sự hội nhập khó khăn vào quốc gia Việt Nam  
**Nguyễn Văn Huy**
29. Tin tức thời sự
31. Thư độc giả
32. Bảo vệ Hà Sĩ Phu  
**Bản lên tiếng chung**

## Quá nhiều vinh dự cho một kẻ thù của tự do! (\*)

Tổng thống Chirac đã tự nghĩ là đúng khi mời tướng Lê Khả Phiêu, người cầm đầu Đảng Cộng Sản Việt Nam, sang thăm viếng chính thức nước Pháp.

Chúng tôi xin nhắc lại với công luận rằng tướng Lê Khả Phiêu là một kẻ thù quả quyết đối với các quyền tự do và không dùng tay trước bất cứ một biện pháp nào. Ông đã từng tuyên bố và nhắc lại rằng dân chủ, nhân quyền và đa nguyên đều chỉ là bịp bợm.

Chúng tôi cũng xin nhắc lại rằng tại Việt Nam hiện nay mọi tôn giáo đang bị đàn áp dã man, mọi người dân chủ hoặc đang ở tù hoặc đang bị cô lập và sách nhiễu một

cách cực kỳ thô bạo. Giáo sư Nguyễn Đình Huy, một người dân chủ yêu chuộng hòa bình, đã bị giam cầm hai mươi bốn năm trong hai mươi lăm năm qua và hiện vẫn còn bị giam giữ. Đại lão hòa thượng Thích Huyền Quang, 83 tuổi, vẫn còn đang bị lưu đày.

Nếu những vinh dự này, được dành cho một nhà độc tài không giữ một chức vụ chính thức nào, chỉ do những quan tâm về kinh tế thì quả là một khiêu khích trầm trọng đối với nhân dân Việt Nam và đồng thời cũng là một xúc phạm lớn đối với các giá trị nền tảng của nước Pháp.

**Liên Minh Dân Chủ Việt Nam  
Phong Trào Thống Nhất Dân Tộc và Xây Dựng Dân Chủ  
Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên  
Nghĩa Hội Tự Do Việt Nam**

(\*) Đây là bản lên tiếng chung của bốn tổ chức đăng trên nhật báo Libération (Paris), số ra ngày 22-5-2000.